

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non

Mã số: 7.14.02.01

Thanh Hóa, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	2
2.1. Mục tiêu.....	2
2.1.1. Mục tiêu chung	2
2.1.2. Mục tiêu cụ thể	2
2. Chuẩn đầu ra.....	3
2.2.1. Kiến thức	3
2.2.2. Kỹ năng	3
2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	4
III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH	4
IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	8
V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP.....	11
5.1. Đội ngũ giảng viên	11
5.2. Phòng thực hành và các trang thiết bị	11
5.3. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan	11
VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN.....	11
Học phần 1. Triết học Mác – Lênin/Marxist philosophy	11
Học phần 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin/Political economy.....	13
Học phần 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism.....	15
Học phần 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese communist party	18
Học phần 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh’s ideology.....	20
Học phần 6. Pháp luật đại cương/General Law.....	22
Học phần 7. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/Business Startup and Innovation.....	25
Học phần 8. Cơ sở văn hoá Việt Nam/Basic of Vietnamese culture.....	27
Học phần 9. Tâm lý học đại cương/ General Psychology.....	30
Học phần 10. Giáo dục học đại cương/General Pedagogy.....	33
Học phần 11. Tiếng Việt/Vietnamese	36
Học phần 12. Công nghệ số/Digital technology.....	39
Học phần 13. Toán cơ sở / Basic math.....	42
Học phần 14. Tiếng anh 1/ English 1	44
Học phần 15. Tiếng anh 2/ English 2	48
Học phần 16. Tiếng anh 3/ English 3	52
*Giáo dục thể chất /Physical education.....	55
- Học phần Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1	55
- Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation	60
b. Học phần tự chọn môn : Thể dục Aerobic	65
c. Học phần tự chọn môn Bóng đá	69
d. Học phần tự chọn môn bóng rổ	73

e. Học phần tự chọn môn Vovinam.....	79
* Giáo dục Quốc phòng/Military education (165 tiết)	82
Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/ National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam.....	82
Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh/ Defense and security work.....	86
Học phần 3: Quân sự chung/ General Military	89
Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật/ Infantry fighting techniques and tactics	90
Học phần 17. Văn học trẻ em/Children’s literature.....	93
Học phần 18. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non/Research methods in early childhood education	96
Học phần 19. Mĩ thuật cơ bản/Art.....	99
Học phần 20. Âm nhạc và Múa / Music & Dance	103
Học phần 21. Sinh lý trẻ em / Children physiology	108
Học phần 22. Dinh dưỡng trẻ em/Traditional Nutrition.....	111
Học phần 23. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non/Applying information technology in early childhood education.....	115
Học phần 24. Chọn 1 trong 2 học phần sau:	118
a. Đàn Organ & Chỉ huy dàn dựng/Organ & Conduct and set up.....	118
b. Âm nhạc (Kiến thức nâng cao)/Music (Advanced).....	121
Học phần 25. Chọn 1 trong 3 học phần sau:	124
a. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non/Prevention and safety for preschool children.....	124
b. Vệ sinh trẻ em/Childrens sanitation	128
c. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non/ Take care and protect the health of preschool children.....	132
Học phần 26. Chọn 1 trong 2 học phần sau:	134
a. Các hoạt động cho trẻ làm quen với toán ở trường mầm non/Preschool math activities.....	134
b. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng không gian và thời gian/Methods of teaching preschoolers space and time orientation	137
Học phần 27. Tâm bệnh học và sự phát triển trẻ mầm non/ Psychopathology and preschool child development.....	140
Học phần 28. Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non / Integrated education in preschool education	143
Học phần 29. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non/ Methods of Organizing plastic activities for pre-school children.....	148
Học phần 30. Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non/ Methods of organizing musical activities for preschool children.....	156
Học phần 31. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non/ Methods od	

developing language for pre-school children	159
Học phần 32. Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học/ Methods of approaching literature works for pre-school children	163
Học phần 33. Phương pháp hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ em/ Method of forming elementary math symbols for children	166
Học phần 34. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non/ Methods of physical education for preschool children	168
Học phần 35. Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non/ Methods of organizing activities to explore the surrounding environment for preschooler.....	174
Học phần 36. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non /Professional training in preschool pedagogy	177
Học phần 37. Đánh giá trong giáo dục mầm non/Assessmet in early childhood education.....	181
Học phần 38. Quản lý nhà nước về Giáo dục Mầm non /State management of Early Childhood Education	185
Học phần 39. Chọn 1 trong 2 học phần sau.....	188
a. Mỹ thuật kiến thức nâng cao/Advanced knowledge art	188
b. Mỹ thuật ứng dụng/Applied arts.....	194
Học phần 40. Chọn một trong 2 học phần sau:	199
a.Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi/ The Skill making teaching aids and toys	199
b. Hướng dẫn trang trí môi trường giáo dục ở trường mầm non/ Instructions for decorating the educational environment in kindergartens.....	203
Học phần 41. Chọn 1 trong 2 học phần sau.....	206
a. Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non / Inclusive Education of Children With Disabilities at Preschool	206
b. Giáo dục cảm xúc – xã hội cho trẻ mầm non/ Social-emotional education for preschool children.....	210
c. Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non/ Cultural behavior education for preschool children.....	213
Học phần 42. Chọn 1 trong 2 học phần sau.....	217
a. Phát triển chương trình giáo dục mầm non/ Development of early childhood education curriculum	217
b. Những vấn đề hiện đại trong giáo dục Mầm non/ Innovative issues in early childhood education.....	222
Học phần 43. Kiến tập sư phạm/Practicum	224
Học phần 44. Thực tập sư phạm /Final practice.....	227
Thực tập Sư phạm / Practicum	227
Học phần 45. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế KLTN.....	231
a. Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non/Forming the pre-reding and pre-	

writing skill for pre-school children	234
b. Văn học dân gian với giáo dục trẻ mầm non/ Folklore with early childhood education.....	238
c. Giáo dục STEAM trong trường mầm non/STEAM education in preschool.....	242
d. Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm ở trường mầm non/ Organizing educational activities in the orientation of experience at preschools	245
VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	248
VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	249

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD, ngày tháng năm 20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục Mầm non
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Preschool Teacher Education
Trình độ đào tạo:	<i>Đại học</i>
Mã ngành đào tạo:	7140201
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa Giáo dục Mầm non
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128 TC
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 128 tín chỉ- Điểm TBC tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất.- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam).
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Vị trí làm việc:	<ul style="list-style-type: none">- Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non;- Giảng viên tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non;- Chuyên viên các tổ chức, cơ quan với đối tượng hoạt động là trẻ mầm non và phát triển giáo dục mầm non.- Tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục mầm non;- Cán bộ quản lý tại các cơ sở GDMN,

	chuyên viên của các phòng, ban thuộc Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	- Chương trình GDMN - Trường ĐH SP Hà Nội - Chương trình GDMN - Trường ĐH SP TP. HCM - Chương trình GDMN – Đại học Sư phạm Đà Nẵng - Chương trình GDMN – Đại học Sư phạm Huế

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình cử nhân Giáo dục Mầm non đào tạo sinh viên tốt nghiệp trở thành nhà giáo dục trong lĩnh vực Giáo dục Mầm non; có phẩm chất chính trị, đạo đức đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; có kiến thức cơ bản về văn hóa, môi trường, con người, giáo dục thể chất, Quốc phòng - An ninh và kỹ năng nghiên cứu khoa học về GDMN; có kỹ năng tiếng Anh, công nghệ số và đổi mới sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp đạt chuẩn theo quy định hiện hành; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức tích hợp và đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục Mầm non; có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

PO1. Có hiểu biết cơ bản về chính trị, pháp luật Việt Nam; có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội, giáo dục thể chất, GDQP – an ninh, kiến thức khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và công nghệ số theo quy định hiện hành; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và quản lý trường mầm non.

2.1.2.2. Kỹ năng

PO2. Có trách nhiệm công dân, đạo đức và phẩm chất nhà giáo; có năng lực tư duy, lập luận và giải quyết vấn đề; có năng lực đánh giá trẻ mầm non trong những bối cảnh giáo dục khác nhau; có năng lực tự học, kỹ năng nghiên cứu khoa học ngành đào tạo; kỹ năng cơ bản nghe, nói, đọc, viết tiếng anh; Kỹ năng xử lý tình huống trong quản lý GD ở trường mầm non; năng lực sử dụng công nghệ trong giáo dục mầm non và phát triển nghề nghiệp nhằm thích ứng với sự thay đổi của môi trường giáo dục mầm non.

PO3. Có năng lực giao tiếp và hợp tác hiệu quả với các cá nhân và tổ chức xã hội trong các hoạt động về giáo dục mầm non để phát triển nghề nghiệp.

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO4. Có khả năng chủ động và linh hoạt thích ứng với sự thay đổi trong lý thuyết và thực tiễn giáo dục; có năng lực cập nhật và vận dụng các thành tựu giáo dục hiện đại vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ; tự chủ trong việc ra các quyết định và tự chủ trong việc thực hiện công việc;

PO5. Có khả năng tự đánh giá và tự học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn.

2. Chuẩn đầu ra

2.2.1. Kiến thức

PLO1: Đạt trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 (mức 4,0/10 điểm theo định dạng đề thi được quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) đối với trình độ đại học.

PLO2: Vận dụng các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, thể chất, an ninh quốc phòng vào hoạt động nghề nghiệp và phát triển bản thân một cách chủ động, linh hoạt để giải quyết những vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.

PLO3: Lựa chọn các kiến thức nền tảng, cốt lõi của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ giáo dục vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp; vận dụng những kiến thức liên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp.

PLO4: Vận dụng những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, Toán cơ sở; Văn học; Âm nhạc, Mỹ thuật, kiến thức về sinh lý và dinh dưỡng trẻ em, vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ vào chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ Mầm non phù hợp với từng lứa tuổi.

PLO5: Hệ thống hoá các kiến thức về sự phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ của trẻ ở từng giai đoạn lứa tuổi; các rối loạn tâm lý của trẻ. Từ đó vận dụng vào lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo hướng tăng cường hoạt động trải nghiệm của trẻ ở trường mầm non; có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ; tổ chức và quản lý lớp học trong trường mầm non.

PLO6: Phân tích những vấn đề hiện đại trong GDMN; biết thiết kế và tổ chức các hoạt động, xây dựng môi trường văn hoá nhà trường để hỗ trợ, thúc đẩy học tập của trẻ; hỗ trợ những trẻ có đặc điểm khác biệt.

PLO7: Phân tích quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, từ đó lựa chọn các phương pháp, phương tiện và hình thức giáo dục trẻ phù hợp với từng lứa tuổi; tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn; tuyên truyền cho cộng đồng hệ thống kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.2.2. Kỹ năng

PLO8: Lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong nhà trường và trong lớp học; tự kết luận các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khoa học của các kết luận đó.

PLO9: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu khoa học; kỹ năng làm việc nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có kỹ năng lập kế hoạch các hoạt động ngoại

khóa, đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong học tập, bồi dưỡng và phát triển kỹ năng nghề nghiệp; Kỹ năng xử lý tình huống trong quản lý GD ở trường mầm non.

2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO10: Có phẩm chất đạo đức tốt và trách nhiệm với xã hội, năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; thể hiện khả năng hình thành ý tưởng – thiết kế – thực hiện – đánh giá các hoạt động về giáo dục mầm non trong những bối cảnh khác nhau ở trường mầm non và xã hội với tư cách là nhà giáo dục trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		41							
I	Kiến thức lí luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác –Lê Nin	3	32	26		135	2	LL Mác-Lênin	
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90	3	1	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	4	1	LL Mác-Lênin
4	198030	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	18		90	5	1	LSD-TTHCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	5	1	LSD-TTHCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	24		90	4	1	Luật
II	Khoa học xã hội – nhân văn		12							
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135	5		QTKD
8	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	24		90	1		VNH-DL
9	181145	Tâm lý học đại cương	2	18	24		90	1		TLH
10	182015	Giáo dục học đại cương	2	18	24		90	2	9	GDH
11	142041	Tiếng Việt	3	27	36		135	1		GD ngôn ngữ
III	Khoa học tự nhiên - công nghệ		6							
12	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135	2		MMT&ƯD
13	144004	Toán cơ sở	3	27	36		135	1		GD NT-DD&TC

IV	Ngoại ngữ		10							
14	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	1		NNKC
15	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	2	14	NNKC
16	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	3	15	NNKC
V	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90	1		LL & PP GDTC
		Giáo dục thể chất 2								Bóng-ĐK
		<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>								
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90	2		Bóng-ĐK
b	191032	Thẻ dục Aerobic	2			30	90	2		Bóng-ĐK
c	191033	Bóng đá	2			30	90	2		Bóng-ĐK
d	191034	Bóng rổ	2			30	90	2		Bóng-ĐK
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90	2		Bóng-ĐK
VI	GD quốc phòng (tiết)		165							TTGD QP
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		87							
I	Kiến thức cơ sở		27							
17	145003	Văn học trẻ em	3	27	36		135	3		GD ngôn ngữ
18	144010	PP nghiên cứu KHGD MN	2	14	14	18	90	3		GD NT-DD&TC
19	147105	Mỹ thuật cơ bản	3	21	36	12	135	3		Mĩ thuật
20	147051	Âm nhạc và Múa (KT cơ bản)	3	27	0	36	135	1		Âm nhạc
21	146048	Sinh lý trẻ em	3	27	36		135	2		GD NT-DD&TC
22	145010	Dinh dưỡng trẻ em	2	18	18	6	90	2		GD NT-DD&TC
23	144011	Ứng dụng CNTT trong GDMN	3	22	21	25	135	7		GD NT-DD&TC
24	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
A	147062	Đàn Organ- chỉ huy dàn dựng	3	15	0	60	135	4	20	Âm nhạc
B	147056	Âm nhạc (KT nâng cao)	3	15	0	60	135	4	20	Âm nhạc
25	<i>Chọn 1 trong 3 học phần sau</i>									
A	146026	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ Mầm non	3	27	32	4	135	3		GD NT-DD&TC
B	147040	Vệ sinh trẻ em	3	27	36		135	3		GD NT-DD&TC

C	245062	Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ MN	3	27	30	6	135	3		GD NT-DD&TC
26	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
A	144013	Các hoạt động cho trẻ làm quen với toán ở trường MN	2	18	21	3	90	6	13	GD NT-DD&TC
B	144014	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng không gian và thời gian	2	18	24		90	6	13	GD NT-DD&TC
II	Kiến thức ngành		47							
27	144012	Tâm bệnh học và sự phát triển trẻ Mầm non	3	27	30	6	135	4		GD NT-DD&TC
28	144016	Giáo dục tích hợp trong giáo dục Mầm non.	3	27	30	6	135	4		GD NT-DD&TC
29	147016	PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ mầm non	3	27	30	6	135	6	19	Mĩ thuật
30	147091	PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ mầm non	3	27	0	36	135	6	20	Âm nhạc
31	145019	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	27	30	6	135	7	11	GD Ngôn ngữ
32	145027	PP cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	27	30	6	135	5	17	GD Ngôn ngữ
33	144110	PP hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ Mầm non	3	27	36		135	6	13	GD NT-DD&TC
34	144017	PP giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	25	24	16	135	7	21	GD NT-DD&TC
35	144027	PP tổ chức hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ mầm non	3	27	36		135	6		GD NT-DD&TC
36	145018	Rèn luyện NVSP Mầm non	3	15	36	24	135	5		GD Ngôn ngữ
37	144019	Đánh giá trong GDMN	3	20	26	24	135	7		GD NT-DD&TC
38	144003	Quản lý nhà nước về Giáo dục Mầm non	2	18	24		90	7		GD NT-DD&TC
39	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	147011	Mĩ thuật kiến thức nâng cao	3	21	33	15	135	4	19	Mỹ thuật
b	147008	Mĩ thuật ứng dụng	3	21	33	15	135	4	19	Mỹ thuật

40	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	147054	Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	3	15	45	15	135	5	19	Mĩ thuật
b	147018	Hướng dẫn trang trí môi trường giáo dục ở trường mầm non	3	15	45	15	135	5	19	Mĩ thuật
41	<i>Chọn 1 trong 3 học phần sau</i>									
a	144018	Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non	3	27	36		135	7		GD NT-DD&TC
b	144020	Giáo dục cảm xúc – xã hội cho trẻ MN	3	27	36		135	7		GD NT-DD&TC
c	144024	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ MN	3	27	36		135	7		GD NT-DD&TC
42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	144025	Phát triển chương trình GDMN	3	27	30	6	135	6		GD NT-DD&TC
B	144026	Những vấn đề hiện đại trong GDMN	3	27	36		135	6		GD NT-DD&TC
III	Thực tập, kiến tập, thực tế, KLTN/Học phần thay thế KLTN		13							
43	132005	Kiến tập sư phạm	2					5		Khoa GDMN
44	145056	Thực tập sư phạm	5					8	43	Khoa GDMN
45	145057	Khoá luận tốt nghiệp/HP thay thế KLTN	6					8		Khoa GDMN
	<i>Chọn 2 trong 4 học phần</i>									
A	145021	Hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non	3	27	33	3	135	8	11	GD Ngôn ngữ
B	145026	Văn học dân gian với giáo dục trẻ MN	3	27	36		135	8		GD ngôn ngữ
C	144028	GD STEAM trong trường MN	3	27	36		135	8		GD NT-DD&TC
D	144030	Tổ chức HĐGD theo hướng trải nghiệm ở trường MN	3	27	27	9	135	8		GD NT-DD&TC
Tổng			128							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ: 1. Số tín chỉ: 17 (bắt buộc: 17, tự chọn: 0)								
1	142041	Tiếng Việt	3	X		27	24	12
2	133031	Tiếng Anh 1	4	X		36	24	24
3	144004	Toán cơ sở	3	X		27	36	
4	181145	Tâm lý học đại cương	2	X		18	24	
5	147051	Âm nhạc và Múa (KT cơ bản)	3	X		27	0	36
6	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	X		18	18	6
Học kỳ: 2. Số tín chỉ: 16 (bắt buộc: 16, tự chọn: 0)								
7	196055	Triết học Mác – Lê Nin	3	X		32	26	
8	133032	Tiếng Anh 2	3	X		27	18	18
9	172555	Công nghệ số	3	X		20	0	50
10	146048	Sinh lý trẻ em	3	X		27	36	
11	182015	Giáo dục học đại cương	2	X		18	24	
12	145010	Dinh dưỡng trẻ em	2	X		18	18	6
Học kỳ: 3. Số tín chỉ: 16 (bắt buộc: 13, tự chọn: 03)								
13	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	X		21	18	
14	133033	Tiếng Anh 3	3	X		27	18	18
15	145003	Văn học trẻ em	3	X		27	36	
16	147105	Mỹ thuật cơ bản	3	X		21	36	12
17	144010	PP nghiên cứu KHGD MN	2	X		14	30	2
18	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>							
a	146026	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ Mầm non	3		X	27	33	3
b	147040	Vệ sinh trẻ em	3		X	27	36	
c	245062	Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ MN	3		X	27	30	6
Học kỳ: 4. Số tín chỉ 16 (bắt buộc: 10, tự chọn: 06)								
19	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X		21	18	
20	197030	Pháp luật đại cương	2	X		18	12	12
21	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>							
a	147062	Đàn Organ- chỉ huy dàn dựng	3		X	15	0	60

b	147056	Âm nhạc (KT nâng cao)	3		X	15	0	60
22	144012	Tâm bệnh học và sự phát triển trẻ MN	3	X		27	30	6
23	144016	Giáo dục tích hợp trong giáo dục MN	3	X		27	30	6
24	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>							
a	147011	Mỹ thuật kiến thức nâng cao	3		X	21	33	15
b	147008	Mỹ thuật ứng dụng	3		X	21	33	15
Học kỳ: 5. Số tín chỉ: 18 (bắt buộc: 15, tự chọn: 03)								
26	198030	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	X		21	18	
27	197035	Tư tưởng HCM	2	X		21	18	
28	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	X		27	26	10
29	145018	Rèn luyện NVSP Mầm non	3	X		15	36	24
30	145027	PP cho trẻ làm quen với TP văn học	3	X		27	30	6
31	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	147054	Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	3		X	15	45	15
b	147018	Hướng dẫn trang trí môi trường giáo dục ở trường mầm non	3		X	15	45	15
32	132005	Kiến tập sư phạm	2	X				
Học kỳ: 6. Số tín chỉ 17 (bắt buộc: 12, tự chọn: 05)								
33	147016	PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ mầm non	3	X		27	30	6
34	147091	PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ mầm non	3	X		27	0	36
35	144110	PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	3	X		27	36	
36	144027	PP tổ chức hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ MN	3		X	27	36	
37	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	144013	Các hoạt động cho trẻ làm quen với toán ở trường MN	2		X	18	21	3

b	144014	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng không gian và thời gian	2		X	18	24	
38	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	144025	Phát triển chương trình GDMN	3		X	27	30	6
b	144026	Những vấn đề hiện đại trong GDMN	3		X	27	36	
Học kỳ: 7. Số tín chỉ 17 (bắt buộc: 14, tự chọn: 03)								
39	145019	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	X		27	30	6
40	144017	PP giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	X		27	27	9
41	144011	Ứng dụng CNTT trong GDMN	3	X		22	21	25
42	144019	Đánh giá trong GDMN	3	X		20	26	24
43	144003	Quản lý nhà nước về Giáo dục Mầm non	2	X		18	24	
44	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	144018	Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non	3		X	27	36	
b	144020	Giáo dục cảm xúc – xã hội cho trẻ MN	3		X	27	36	
c	144024	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ MN	3		X	27	36	
Học kỳ: 8. Số tín chỉ 11 (bắt buộc: 05, tự chọn: 06)								
45	145056	Thực tập sư phạm	5	X				
46	145057	Khoá luận tốt nghiệp/HP thay thế KLTN	6					
<i>Chọn 2 trong 4 học phần</i>								
a	145021	Hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non	3		X	27	33	3
b	145026	Văn học dân gian với GD trẻ MN	3		X	27	36	
c	144028	GD STEAM trong trường MN	3		X	27	36	
d	144030	Tổ chức HĐGD theo hướng trải nghiệm ở trường MN	3		X	27	27	9

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	0	0	0
3	Tiến sỹ	01	07	08
4	Thạc sỹ	02	13	15
5	Đại học			0

5.2. Phòng thực hành và các trang thiết bị

TT	Phòng	Số lượng	Hệ thống trang thiết bị liên quan
1	Phòng rèn nghề	02	Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức rèn nghề thường xuyên như tập dượt, xử lý các tình huống sư phạm; tổ chức xây dựng môi trường cho trẻ hoạt động; quan sát đánh giá trẻ thông qua các hoạt động
2	Phòng mỹ thuật	02	
3	Phòng Múa	01	
4	Phòng Dinh dưỡng	02	Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức thực hành vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ, rèn luyện các HĐ nghệ thuật.

5.3. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Các cơ sở GDMN trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần 1. Triết học Mác – Lênin/Marxist philosophy

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.

- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.

- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.

- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Kiểm tra viết	Rubric 4	CLO1	20%

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
		(đánh giá bài kiểm tra viết)	CLO2	
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (đánh giá bài thi trắc nghiệm)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2021.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- 1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2013.
- 2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

Học phần 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin/Political economy

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	21	18	0	0	0	0

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	30%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

Học phần 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)

- Mã học phần: 196065

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong	3	4	0	0	0	9

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1) Bộ giáo dục và Đào tạo *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2021.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- 1) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2008), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.
- 2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

Học phần 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese communist party

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng - Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1-3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1-3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1-3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

2. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

Học phần 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's ideology

- Số tín chỉ: 02 (21,18,0)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: LSD-TTHCM
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	

3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II Kiểm tra giữa kỳ: (01)				
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III Thi cuối kì				
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

1. *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)

2. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

Học phần 6. Pháp luật đại cương/General Law

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
Tổng	18	24		0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubric viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kì (01)				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Học liệu bắt buộc:

1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

8.2 Học liệu tham khảo:

1. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.
2. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

Học phần 7. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/Business Startup and Innovation

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 26TL: 10TH*)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.
- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.
- CO3: Người học có thể tìm kiếm và đề xuất ý tưởng ĐMST từ đó tạo tiền đề để xây dựng các dự án khởi nghiệp ĐMST.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao.
- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.
- CLO4: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.
- CLO5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan tỏa tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	7		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4		25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Tổng	27	36		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Dạy học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Trắc nghiệm/viết	Đáp án	CLO1 CLO2	30%	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
Đánh giá giữa kỳ (20%)					
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5		20%
Thi cuối kỳ (50%)					

1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

8.2 Tài liệu tham khảo:

1. Eric Ries (2018), *Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)* – Dương Hiếu & Kim Phụng (dịch); NXB Thời đại.
2. Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

Học phần 8. Cơ sở văn hoá Việt Nam/Basic of Vietnamese culture

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.

- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.

- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Nhận biết được những hiệu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.

- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.

- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4 Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7	0	2	0	0	0	5

Văn hoá tổ chức đời sống						
Nội dung 8 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9 Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13 Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	20%
Thi cuối kì				
50%				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1) Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2) Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

3) Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

Học phần 9. Tâm lý học đại cương/ General Psychology

- Mã học phần: 181145

- Số tín chỉ: 2 (18LT; 24TL)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm lý học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần: Tâm lý học là một khoa học; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về Tâm lý con người dưới góc độ khoa học duy vật biện chứng

- CO2: Vận dụng được nội dung kiến thức của học phần để: Phân tích, khái quát, đánh giá các vấn đề liên quan đến tâm lý con người; Giải thích các hiện tượng tâm lý người trong đời sống; Qua quá trình tham gia tích cực, tự giác học tập dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người dạy, người học hình thành, phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm hoàn thiện nhân cách bản thân đáp ứng linh hoạt, hiệu quả những yêu cầu của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp tương lai.

- CO3: Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của nội dung kiến thức học phần trong cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp để hình thành thái độ đúng đắn, tự giác, tích cực, hứng thú đối với việc tiếp thu kiến thức; tích cực tự học, tự nghiên cứu hiệu quả nhằm hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động sống và hoạt động nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được bản chất của tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Phân tích, lý giải được khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động, giao tiếp; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.

- CLO2: Phân tích được khái niệm, các qui luật của hoạt động nhận thức; mô tả được các quá trình cơ bản của trí nhớ và hoạt động ngôn ngữ của con người; Phân tích được bản chất nhân cách, các thuộc tâm lý của nhân cách và chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách. Các sai lệch hành vi về mặt tâm lý và cách khắc phục.

- CLO3: Vận dụng kiến thức đã học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý người một cách khoa học; Sử dụng được các phương pháp khác nhau để nghiên cứu các hiện tượng tâm lý của con người trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp.

- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện việc đánh giá các hiện tượng tâm lý phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tâm lý học là một khoa học 1. Khái quát về khoa học tâm lí 2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lí 3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lí	3	3				13,5
Chương 2: Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức 1. Hoạt động 2. Giao tiếp 3. Sự nảy sinh và phát triển tâm lí 4. Sự hình thành và phát triển ý thức 5. Chú ý – Điều kiện của hoạt động có ý thức	3	3				13,5
Chương 3: Hoạt động nhận thức 1. Nhận thức cảm tính 2. Nhận thức lý tính 3. Trí nhớ 4. Ngôn ngữ và nhận thức	6	9				31,5
Chương 4: Nhân cách và	6	9				31,5

sự hình thành, phát triển nhân cách 1. Khái niệm nhân cách 2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách 3. Sự hình thành và phát triển nhân cách 4. Những sai lệch hành vi trong sự phát triển nhân cách						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng hợp lý, linh hoạt các phương pháp dạy học sau: Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, cemina nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3	10%	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3	20%	
III	Thi cuối kì (01)				
	Viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc :

1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (2018), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

* Tài liệu tham khảo :

1. Nguyễn Xuân Thúc (2017), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

2. Phan Trọng Ngọ (2005), *Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

Học phần 10. Giáo dục học đại cương/General Pedagogy

- Mã học phần: 182015

- Số tín chỉ: 2 (LT: 18; TL: 24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

1. Mô tả tóm tắt học phần

Gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; hệ thống giáo dục quốc dân ...; Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn giáo dục xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; các khái niệm của giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ, nội dung giáo dục trong nhà trường...

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản như: xác định được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách người học, xác định nhiệm vụ, nội dung giáo dục cơ bản trong nhà trường...

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được chức năng, nhiệm vụ của khoa học giáo dục học.

- CLO2: Đánh giá được vai trò của các yếu tố di truyền, môi trường và giáo dục đối với sự hình thành, phát triển nhân cách.

- CLO3: Hiểu rõ mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam, hệ thống giáo dục quốc dân và những nhiệm vụ giáo dục cơ bản trong các nhà trường.

- CLO4: Tự đánh giá được kết quả học tập môn học; có khả năng thích ứng với những thay đổi của giáo dục; xác định được phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực sư phạm của bản thân, có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1: Giáo dục học là một khoa học</p> <p>1.1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người.</p> <p>1.2. Chức năng của khoa học giáo dục.</p> <p>1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học.</p> <p>1.3.1. Đối tượng của giáo dục học.</p> <p>1.3.2. Nhiệm vụ của giáo dục học.</p> <p>1.3.3. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học.</p> <p>1.4. Một số khái niệm của giáo dục học.</p> <p>1.5. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với các khoa học khác.</p>	5	6				30
<p>Chương 2: Giáo dục học và sự phát triển nhân cách</p> <p>2.1. Sự phát triển nhân cách của con người.</p> <p>2.1.1. Khái niệm con người, nhân cách.</p> <p>2.1.2. Khái niệm về sự phát triển nhân cách.</p> <p>2.2. Vai trò của di truyền và môi trường trong sự phát triển nhân cách.</p> <p>2.3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách.</p> <p>2.3.1. Vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách.</p> <p>2.3.2. Vai trò của hoạt động cá nhân đối với hình thành và phát triển nhân cách.</p>	5	8				30
Chương 3: Mục đích và nhiệm vụ	8	10				30

giáo dục 3.1. Mục đích giáo dục. 3.1.1. Khái niệm mục đích giáo dục, mục tiêu giáo dục. 3.1.2. Mục tiêu giáo dục Việt Nam. 3.1.3. Mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông mới 3.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. 3.3. Những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường. 3.3.1. Giáo dục đạo đức và ý thức công dân. 3.3.2. Giáo dục trí tuệ. 3.3.3. Giáo dục thể chất. 3.3.4. Giáo dục thẩm mỹ. 3.3.5. Giáo dục lao động và hướng nghiệp. 3.3.6. Những nội dung giáo dục mới.						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng hợp lý, linh hoạt các phương pháp dạy học sau: Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, cemina nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TTT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
II	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4	
3	Bài tập nhóm (10%) - Số lần bài tập nhóm bằng với số tín chỉ học phần	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4	
III	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1-4	20%
III	Thi cuối kì			

5	Viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-4	50%
---	------	-------------------------	--------	-----

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc :

[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (2022) (chủ biên), *Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2*, NXBĐHSP Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo :

[2]. Phạm Viết Vượng (2008), *Giáo dục học*, NXBĐHQG

[3]. Phạm Viết Vượng (2007), *Bài tập Giáo dục học*, NXBĐHQGHN

Học phần 11. Tiếng Việt/Vietnamese

- Số TC: 3 (27, 36)
- Mã học phần: 142041
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Ngôn ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tiếng Việt: đặc điểm, vai trò của tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp và tư duy; những vấn đề lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách và văn bản tiếng Việt trên các phương diện: khái niệm, đặc điểm, phân loại,...; Học phần rèn luyện và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp và trong hoạt động dạy học cho trẻ mầm non. Qua đó người học có đủ năng lực đảm nhiệm việc dạy học những vấn đề liên quan đến tiếng Việt ở bậc học Mầm non; có khả năng tự học, tự nghiên cứu các vấn đề tiếng Việt; có các kỹ năng sử dụng tiếng Việt để giao tiếp, học tập và phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về tiếng Việt: ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt, văn bản và phong cách; chức năng của tiếng Việt với giáo dục trẻ mầm non.

- CO2: Người học có kỹ năng nhận diện, phân tích được các đơn vị ngôn ngữ của tiếng Việt; vận dụng kiến thức về tiếng Việt để phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

- CO3: Người học có ý thức tự giác, tích cực chủ động trong học tập, có thái độ trân trọng, yêu quý tiếng Việt; có năng lực nghiên cứu, tìm tòi và đề xuất các giải pháp về giáo dục ngôn ngữ cho trẻ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, được những nội dung khái quát về tiếng Việt: khái niệm, đặc điểm, vai trò,... của tiếng Việt trong giao tiếp.

- CLO2: Trình bày, phân tích được các kiến thức cụ thể về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách và văn bản tiếng Việt.

- CLO3: Người học có kỹ năng lựa chọn và sử dụng các đơn vị tiếng Việt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và yêu cầu phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

- CLO4: Người học có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng về tiếng Việt để giải quyết nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học.

- CLO5: Người học có tư duy sáng tạo, tinh thần làm việc độc lập, tự chủ, tự giác; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lí thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát về tiếng Việt 1.1. Khái niệm tiếng Việt 1.2. Đặc điểm của tiếng Việt 1.3. Chức năng của tiếng Việt	3	2				12
Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt 2.1. Khái niệm ngữ âm 2.2. Các đơn vị ngữ âm 2.3. Chữ viết và chính tả tiếng Việt	4	2	2			18
Chương 3: Từ vựng tiếng Việt 1. Khái niệm và đặc điểm của từ tiếng Việt 2. Cấu tạo từ tiếng Việt 3. Nghĩa của từ 4. Trường từ vựng và các quan hệ về nghĩa trong trường từ vựng	6	2	6			30
Chương 4: Ngữ pháp tiếng Việt 1. Từ loại tiếng Việt 2. Cụm từ tiếng Việt	7	4	7			38

3. Câu tiếng Việt						
Chương 5: Văn bản tiếng Việt 1. Văn bản 2. Đoạn văn	4	2		3		19
Chương 6: Phong cách học tiếng Việt 1. Những khái niệm cơ bản của phong cách học 2. Các phong cách chức năng 3. Các phương tiện và biện pháp tu từ	3	2	4			18
Tổng	27	14	22	3		135

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành, hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	30%
2	Thuyết trình/Bài tập cá nhân	Rubric 6,3	CLO1,2	
3	Thực hành tiếng Việt	Rubric 4	CLO 1,2,3,4	
4	Thảo luận/Bài tập nhóm	Rubric 2	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Tự luận	Rubric 2	CLO1,2,3,	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 2, 5	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu bắt buộc và TLTK.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải đọc, nghiên cứu tài liệu theo các mục tiêu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần trước khi lên lớp; tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 bài kiểm tra thường xuyên và 1 bài kiểm tra giữa kì.
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi/hoặc làm bài tập tiểu luận thay thế khi đã có đủ điều kiện.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Xuân Khoa (2008), Tiếng Việt, 2 tập, Nxb Đại học sư phạm .

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga (2014), *Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2004), *Tiếng Việt thực hành*. NXB ĐHSP.

Học phần 12. Công nghệ số/Digital technology

- Số tín chỉ: 3 (20LT, 0TL, 50TH)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;
- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;
- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính	2	0	0	3		10

2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng						
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0		15
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35) 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10) 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%

	- Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III Thi cuối kỳ				
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

Học phần 13. Toán cơ sở / Basic math

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL,BT)
- Mã học phần: 144004
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục nhận thức - Dinh dưỡng & Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị và bổ sung cho sinh viên một hệ thống các khái niệm, kiến thức toán học cơ bản nhất của : Lý thuyết tập hợp và logics; Số tự nhiên. Cách xây dựng dãy số tự nhiên, tính chất của dãy số tự nhiên; Phép đếm và hệ thống ghi số; Mở đầu về thống kê toán.

2. Mục tiêu học phần

- CLO1: Có kiến thức cơ bản về tập hợp và logics; số tự nhiên và mở đầu về thống kê toán học.
- CLO2: Có kỹ năng giải quyết tốt hệ thống các câu hỏi, bài tập về tập hợp và logics; số tự nhiên và mở đầu về thống kê toán học.
- CLO3: Có kỹ năng xác định những ứng dụng cơ bản của toán cơ sở vào quá trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ ở trường mầm non.
- CLO4: Có ý thức tự giác, tích cực trong thực hiện các hoạt động của học phần.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ giữa tập hợp và ánh xạ và số tự nhiên, giữa logics mệnh đề và các bài toán suy luận, giữa các bài toán thống kê với thực tiễn.
- CLO2: Có kỹ năng phân tích và trình bày lời giải các bài toán hoàn chỉnh.
- CLO3: Có kỹ năng ứng dụng những kiến thức đã học vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ, có kỹ năng đề xuất ý tưởng, thiết kế, xây dựng hệ thống các ví dụ, bài tập và giải quyết các bài tập đó một cách linh hoạt, sáng tạo.
- CLO4: Tự giác, linh hoạt, sáng tạo trong học tập, trong tự học và tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I: Tập hợp và lôgics 1.1 Tập hợp và Quan hệ 1.2 Ảnh xạ 1.3 Giải tích tổ hợp 1.4 Các bài toán suy luận đơn giản 1.5 Lôgics mệnh đề	16	4	12		2	75
Chương II: Số tự nhiên 2.1 Bản số của tập hợp 2.2 Số tự nhiên, dãy số tự nhiên và tính chất 2.3 Các phép toán trên N 2.4 Phép đếm và hệ thống ghi số	6	2	6		1	32
Chương III: Một số vấn đề cơ bản của thống kê toán 3.1 Một số khái niệm mở đầu 3.2 Trình bày mẫu số liệu 3.3 Các số đặc trưng của mẫu số liệu 3.4 ý nghĩa của phương pháp thống kê trong khoa học giáo dục 3.5 Một số yêu cầu về mặt thống kê đối với các quan sát và thực nghiệm	5	2	6		1	28
Tổng	27	8	24		4	135

5. Phương pháp dạy - học

Phối kết hợp các phương pháp dạy học đại học hiện tại với các hình thức:

- Thuyết trình
- Thảo luận
- Hướng dẫn bài tập
- Dự giờ Trường mầm non thực hành

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO4	30%

2	Thảo luận	Rubric 2	CLO1-3	
3	Viết	Rubric 3	CLO1-3	
II Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)				
	Viết	Rubric4	CLO1, CLO3, CLO4	20%
III Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1-2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- + Phải có đủ các tài liệu [1], [2], [3]. Phải đọc trước tài liệu theo các mục tiêu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần.
- + Phải tham gia học ít nhất 80% số tiết học trên lớp (lý thuyết, bài tập, thảo luận).
- + Phải tự giác, chủ động trong việc đọc tài liệu (với sự tư vấn của giảng viên) để hoàn thành các mục tiêu đề ra. Hoàn thành đề cương các nội dung của học phần đúng thời gian quy định.
- + Sinh viên phải tham gia đầy đủ và hoàn chỉnh các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra tuần, kiểm tra tháng và kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ. Nếu vắng mặt không phép trong bài kiểm tra nào thì nhận điểm không đối với bài kiểm tra đó.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Trần Diên Hiên, Nguyễn Văn Ngọc (1997), *Giáo trình toán cao cấp 1*, NXB Giáo dục.

8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Phan Hữu Châu, Nguyễn Tiến tài (1998), *Tập hợp và logic, số học*, NXB Giáo dục.
3. Đặng Hùng Thắng (1999), *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục.

Học phần 14. Tiếng anh 1/ English 1

- Số tín chỉ: 4 (36LT, 24TL, 24TH)

- Mã học phần: 133031

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết

theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1:</p> <p>1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1).</p> <p>1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs</p> <p>1.3. Verb “to be”, Possesive Pronounce, Relexive Pronounce, Lesson 1A, 1B.</p> <p>1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17)</p> <p>1.5. Possessive Adjective</p> <p>- Article</p> <p>- Lesson 1C, 4A, 2A</p>	10	3	3	4	2	52

<p>1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24)</p> <p>1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C 						
<p>Nội dung 2:</p> <p>2.1. Simple Present</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 3A, B, C <p>2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34) <p>2.3. Preposition</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 4B, 4C <p>2.4. Possessive Adjective</p> <ul style="list-style-type: none"> - Article - Lesson 1C, 4A, 2A <p>2.5. Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>Lesson 5A, 6B, 6C</p> <p>2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)</p>	11	3	3	5	1	52
<p>Nội dung 3:</p> <p>3.1. Simple Past</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 7A, 7B, 7C <p>3.2. Workbook Unit 7A,B,C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) <p>3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C <p>3.4. Workbook Lesson 8C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) <p>3.5. Noun</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 8B, 9A, 9B <p>3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Make a video on topic given by teacher. 	11	3	3	5	1	52

3.7. Comparison of Adjective and Adverb.						
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Wring, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson.,2012., *English File–Elementary 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại
2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press

Học phần 15. Tiếng anh 2/ English 2

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 18TL, 18TH)

- Mã học phần: 133032

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần Tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1:</p> <p>1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous</p> <p>1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to</p> <p>Conditional sentences type 1 and 2</p> <p>Conditional sentences type 3</p> <p>Review 1/Subjunctive/Passive</p> <p>1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1</p> <p>1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses</p>	7	2	2	3	1	33

Non-defining relative clauses						
<p>Nội dung 2:</p> <p>2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B</p> <p>2.2. Unit 1C; 2 A, B</p> <p>2.3. Kiểm tra giữa kỳ - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A</p> <p>2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons. - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A</p>	7	2	2	4	1	33
<p>Nội dung 3:</p> <p>3.1. Unit 3B, C - Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C</p> <p>3.2. Unit 4A, B - Exercises in Unit 4B, C - Talk about your shopping habit</p> <p>3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2 - Unit 4C; - Revise and check 3&4,</p> <p>3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4</p>	7	3	2	4	1	33
<p>Nội dung 4:</p> <p>4.1. Unit 5A, B - Exercises in Unit 5A, B, C</p> <p>4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A</p> <p>4.3. Consult Unit 5C, 6 A, - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A.</p> <p>4.4. Unit 6B, C</p>	6	2	3	2	2	36

4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content. - Write a composition on the given topic Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3						
4.6. Revise and check 5&6; - Exercises in workbook Revise and check 5&6						

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File– Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)

2. Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B (cuốn 2)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1)
2. Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2)
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3)

Học phần 16. Tiếng anh 3/ English 3

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 18TL, 18TH)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích

lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1:</p> <p>1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to”</p> <p>1.2. Bài tập luyện 2.1 (2):</p> <p>1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2)</p> <p>1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people.</p> <p>1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2)</p> <p>1.6. Progress test 1: Multiple choice test</p> <p>1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.</p>	7	2	2	3	1	44
<p>Nội dung 2:</p> <p>2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) Topics: Environment</p> <p>2.2. Share their idea about the things can do to help the environment</p> <p>2.3. Bài 9A & Bài 10.1</p> <p>Topic: What would you do if...</p> <p>2.4. Give a report to the class about giving advice</p> <p>2.5. Mid-term Test</p>	7	2	2	4	1	33

2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) Topics: Leisure 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.						
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1) & Bài 3.1 (2) Topic: famous people 3.2. Bài 10C (1) & Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1) & 7.1 (2) Topic: Bad losers	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person 4.2. Bài 12A (1) & Bài 12.1 (2) Topic: News around the world 4.3. Bài 12B (1) & Bài 12.2 (2) Topic: Gossips 4.4. Progress Test 3 – speaking test	6	2	3	2	2	25

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2011. *English File– Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press
2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

***Giáo dục thể chất /Physical education**

- Học phần Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu. Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu; tự rèn luyện nâng cao thể chất. Có khả năng tổ chức tập luyện và tổ chức thi đấu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.
- CO2: Sinh viên hiểu được về nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- CO3: Sinh viên nắm vững các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.
- CO4: Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.
- CO5: Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu

- CO6: Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật kỹ thuật động tác môn đá vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng Có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn: Đá cầu, cầu mây....

- CO7: Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, kỹ thuật động tác môn đá cầu; tự rèn luyện nâng cao thể chất. Có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn: Đá cầu, cầu mây....

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu.

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn Thể dục tay không và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO3: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu.

- CLO4: Có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu

- CLO5: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO6: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung,nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO7: Có năng lực , kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa , tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CLO8: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết..

- CLO9: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ,cường tráng về thể chất.

- CLO10: Sinh viên hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các

môn TĐTT. Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức đã học, đã tiếp thu được để rèn luyện biến quá trình đào tạo của nhà trường thành quá trình tự rèn luyện một cách sáng tạo có hiệu quả.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) -Giáo dục thể chất trong các trường đại học -Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: II.(TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: -Động tác: Tay -Động tác: Lườn -Động tác: Vặn mình			2			6
Nội dung 3: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Bụng -Động tác: Lưng -Động tác: Chân			2			6
Nội dung 4: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Toàn thân -Động tác: Thăng bằng -Động tác: bật nhảy			2			6
Nội dung 5: (TH) Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 6: (TH)			2			6

Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).						
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động hỗ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)			2			6
Nội dung 8: (TH) - Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).			2			6
Nội dung 9: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyền cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.			2			6
Nội dung 10: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyền cầu bằng mu bàn chân.			2			6
Nội dung 11: (TH) - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các

kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubic 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 1)	CLO.3.4.5.6.7	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubic1)	CLO.4.5.6.7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 2)	CLO.4.5.6.7.8	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubic 3)	CLO.4.5.6.7.8.9.10	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Qui định về thời gian học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy chế 234; 906 hướng dẫn riêng của nhà trường (Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp theo qui định).
- Sinh viên cần đi học đầy đủ, nghiêm túc, tích cực để đảm bảo cho việc tiếp thu bài hiệu quả cao.
- Chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học. Nxb TĐTT, Hà Nội
2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb TĐTT, Hà Nội.
3. Đặng Ngọc Quang (2003) Giáo trình Đá cầu , NXB ĐHSP.
4. ỦY BAN TĐTT (2003) Luật Đá cầu, NXB TĐTT.

- Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation

Chọn 1 trong 5 học phần:

a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191031
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng). Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu biết các kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO2: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền, Các kỹ thuật bóng chuyền

- CO3: Tur thể chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng

- CO4: Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lầy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cáo tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng

- CO5: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO6: Rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác hỗ trợ kỹ thuật; Các động tác làm quen với môn bóng chuyền.

- CO7: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản trong giảng dạy và tập luyện chuyên môn. Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện thể lực.

- CO8: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học

có các kỹ thuật động tác khó.

- CO9: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của môn bóng chuyền cuộc sống hàng ngày.

- CO10: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong học tập, rèn luyện giáo dục thể chất và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn bóng chuyền.

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn bóng chuyền vào quá trình học tập và rèn luyện các môn thể thao thực hành

- CLO3: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn tập luyện môn bóng chuyền trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và tập luyện môn bóng chuyền.

- CLO5: Sinh viên có khả năng làm việc, tập luyện độc lập và tập luyện theo nhóm

- CLO6: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, tập luyện môn bóng chuyền trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO7: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO8: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận về môn bóng chuyền để giải quyết các tình huống cụ thể trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

- CLO10: Luôn nêu cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

- CLO11: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển			2			6
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di			2			6

chuyên: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng)..						
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyên: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyên bóng cao tay trước mặt.			2			6
Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ).			2			6

Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lầy đà ở vị trí số 4.						
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.			2			6
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 14. Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 15 Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng

dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubic 1)	CLO.1,2,3,4	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển (Rubic 1)	CLO.5,6,7,8	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubic 1)	CLO.5,6,7,8	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubic 2)	CLO.5,6,7,8	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	- Chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubic 3)	CLO.1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Qui định về thời gian học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy chế 234; 906 hướng dẫn riêng của nhà trường (Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp theo qui định).

- Sinh viên cần đi học đầy đủ, nghiêm túc, tích cực để đảm bảo cho việc tiếp thu bài hiệu quả cao.
- Chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc:

1). Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóngchuyên*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

8.2. Học liệu tham khảo chính:

2). Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyên - Bóng chuyên bãi biển*, NXB, TDTT.

3). Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. Học phần tự chọn môn : Thể dục Aerobic

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện. Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu. Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hưởng ứng phong trào tập luyện môn thể aerobic.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.

- CO2: Sinh viên hiểu được về nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.

- CO3: Sinh viên nắm vững các nguyên lý, kỹ thuật của bài aerobic

- CO4: Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài aerobic.

- CO5: Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật động tác bài aerobic

- CO6: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

- CO7: Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của bài tập Aerobic; tự rèn luyện nâng cao thể chất. Có khả năng tổ chức tập luyện áp dụng vào đời sống...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic.
- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.
- CLO3: Có kỹ năng tập luyện vận dụng kiến thức vào thực tiễn tập luyện môn Thể dục Aerobic trong đời sống ở các điều kiện khác nhau.
- CLO4: Thành thạo việc tập luyện môn Thể dục Aerobic rèn luyện sức khỏe.
- CLO5: Sinh viên có khả năng làm việc, tập luyện độc lập và tập luyện theo nhóm.
- CLO6: Có kỹ năng tập luyện tốt và ứng dụng vào thực tiễn tập luyện môn Thể dục Aerobic trong đời sống phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.
- CLO7: Có phương pháp tiếp cận để đạt được mục tiêu sức khỏe từ môn học thể dục Aerobic.
- CLO8: Có kỹ năng vận dụng kiến thức hiểu biết về môn Thể dục Aerobic để phục vụ giải quyết vấn đề về rèn luyện sức khỏe thể chất, tinh thần và thẩm mỹ
- CLO9: Tu dưỡng đạo đức trong học tập và rèn luyện, năng động sáng tạo và nghiêm túc, tuân thủ những nội quy, quy tắc của môn Aerobic.
- CLO10: Luôn nêu cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tập luyện.
- CLO11: Bồi dưỡng nâng cao năng lực và tích cực rèn luyện năng lực rèn luyện, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào việc rèn luyện sức khỏe nâng cao chất lượng đời sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic - Tổ chức thi đấu Aerobic; - Bảy bước cơ bản			2			6
Nội dung 2 Các tư thế cơ bản			2			6
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp			2			6

- Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)						
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)			2			6
Nội dung 5: - Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) - Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)			2			6
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III - Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)			2			6
Nội dung 7: - Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) - Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)			2			6
Nội dung 8: - Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V			2			6
Nội dung 9: - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V - Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)			2			6
Nội dung 10: - Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) - Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)			2			6
Nội dung 11: - Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) - Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII			2			6
Nội dung 12:			2			6

Hoàn thiện bài liên kết						
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học			2			6

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp sử dụng lời nói.
- Phương pháp trực quan và làm mẫu động tác.
- Phương pháp phân đoạn (phân chia động tác).
- Phương pháp tổng hợp và hoàn chỉnh động tác.
- Phương pháp sửa chữa động tác sai.
- Phương pháp hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO3,4	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO5,6,7,8	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 5,6,7,8	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ I đến III (Rubric 2)	CLO3,4,5,6,7	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic (tổ hợp I đến VII) Rubric 3	CLO2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Qui định về thời gian học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy chế 234; 906 hướng dẫn riêng của nhà trường (Tham dự đủ 80% số tiết

trên lớp theo qui định).

- Sinh viên cần đi học đầy đủ, nghiêm túc, tích cực để đảm bảo cho việc tiếp thu bài hiệu quả cao.

- Chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc:

1. Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TĐTT HN.

8.2. Học liệu tham khảo :

1. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TĐTT HN.

2. Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TĐTT

c. Học phần tự chọn môn Bóng đá

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191033

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ , phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài). Sinh viên thực hiện cơ bản các kỹ thuật đá bóng. Có năng lực thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác, tự rèn luyện nâng cao thể chất; Có khả năng thi đấu cũng như tổ chức giải và làm tốt nhiệm vụ trọng tài

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về môn Bóng đá.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng đá.vào quá trình học tập và tập luyện nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực, góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu

- CO4: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được các kỹ thuật động tác, tự rèn luyện nâng cao thể chất.

- CO5: Vận dụng vận dụng các kiến thức đã học vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực.

- CO6: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, phát triển toàn diện các tố chất thể lực.

- CO7: Có năng lực , kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa , tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Giúp sinh viên hiểu và biết được Luật Bóng đá (Sân 11 người, sân 5 người)
- CLO2: Biết phương pháp tổ chức tập luyện và thi đấu, trọng tài giải bóng đá phong trào.
- CLO3: Hình thức tổ chức tập luyện
- CLO4: Các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu.
- CLO5: Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác
- CLO6: Phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh tập luyện
- CLO7: Tổ chức tập luyện và chuẩn bị cho thi đấu
- CLO8: Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành động tác, bài tập, chiến thuật trong thi đấu
- CLO9: Lập kế hoạch, chiến lược phát triển bóng đá cho đội, đơn vị và tập thể

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá			2			6
Nội dung 2: (TH) Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng.			2			6
Nội dung 3: (TH) Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 4: (TH) Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>			2			6
Nội dung 5: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.			2			6

Nội dung 6: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân			2			6
Nội dung 7: (TH) Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>			2			6
Nội dung 8: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.			2			6
Nội dung 9: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên			2			6
Nội dung 10: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.			2			6
Nội dung 11: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>			2			6
Nội dung 12: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyền bóng sút cầu môn			2			6
Nội dung 13: (TH) Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyền bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>			2			6
Nội dung 14: (TH) Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào.			2			6

Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.						
Nội dung 15: (TH) Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.			2			6

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan)
- Phương pháp trò chơi vận động.
- Giảng dạy phân chia – hợp nhất
- Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác.
- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại.
- Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác.
- Phương pháp thi đấu, trọng tài
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubic 1)	CLO.1.2.3,4,5,6,7,8,9	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubic 1)	CLO.3.4.5.	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubic1)	CLO. 6.7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubic 2)	CLO.3.4.5.6.7.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubic 3)	CLO.3.4.5.6.7.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Qui định về thời gian học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy chế 234; 906 hướng dẫn riêng của nhà trường (Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp theo qui định).

- Sinh viên cần đi học đầy đủ, nghiêm túc, tích cực để đảm bảo cho việc tiếp thu bài hiệu quả cao.

- Chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc

1. PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007

8.2. Học liệu tham khảo

1. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5,11 người*, Nxb TDTT.

2. TS. Phạm Quang, Giáo trình Bóng đá, Nxb TDTT, Hà Nội 2007

d. Học phần tự chọn môn bóng rổ

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191034

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

- Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ. Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản kỹ thuật động tác môn bóng rổ; Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản; tự rèn luyện nâng cao thể chất; Có năng lực thi đấu cũng như tổ chức giải và làm tốt nhiệm vụ trọng tài môn Bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu môn bóng rổ

- CO4: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản; tự rèn luyện nâng cao thể chất.

- CO5: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao

năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CO6: Có năng lực , kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa , tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn môn bóng rổ.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO3: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu môn bóng rổ

- CLO4: - Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản; tự rèn luyện nâng cao thể chất

- CLO5:- Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản.

- CLO6: - Có năng lực thi đấu cũng như tổ chức giải và làm tốt nhiệm vụ trọng tài môn Bóng rổ.

- CLO7: Có năng lực , kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa , tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CLO8: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết..

- CLO9: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ,cường tráng về thể chất.

- CLO10: Sinh viên hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức đã học, đã tiếp thu được để rèn luyện biến quá trình đào tạo của nhà trường thành quá trình tự rèn luyện một cách sáng tạo có hiệu quả.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ.			2			6

- Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học						
Nội dung 2: (TH) - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh			2			6
Nội dung 3: (TH) Ôn tập :- Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.			2			6
Nội dung 4: (TH) - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực			2			6
Nội dung 5: (TH) Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyên - bắt bóng:			2			6

<ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật chuyên, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyên bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyên, bắt bóng bằng 1 tay. 						
<p>Nội dung 7: (TH)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chiến thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. <p>Kiểm tra giữa kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh <p>Nội dung kiểm tra: Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian</p> <p style="padding-left: 40px;">Cách thực hiện kỹ thuật :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên , sinh viên đẩy bóng thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích <p>Dẫn bóng phạm luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng - Không được bật nhảy không chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng 			2			6
<p>Nội dung 8: (TH)</p>			2			6

- Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rỏ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu						
Nội dung 9: (TH) Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rỏ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 10: (TH) Chiến thuật: - Tấn công nhanh - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 11: (TH) Chi Ôn thuật ph ñng th ñ khu v ùc 2-1-2, 2-3 Chi Ôn thuật ph ñng th ñ k ìm ng-êi 1/2 s òn - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rỏ tựa bằng bằng một tay trên cao.			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp trò chơi vận động.
- Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất
- Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn.
- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại.

- Phương pháp hỏi – Đáp.
- Phương pháp thi đấu
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubic 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubic 1)	CLO.3.4.5.6.7	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao (Rubic1)	CLO.4.5.6.7	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubic 2)	CLO.4.5.6.7.8	20%
III Thi cuối kì				
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao. (Rubic 3)	CLO.4.5.6.7.8.9.10	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Qui định về thời gian học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy chế 234; 906 hướng dẫn riêng của nhà trường (Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp theo qui định).

- Sinh viên cần đi học đầy đủ, nghiêm túc, tích cực để đảm bảo cho việc tiếp thu bài hiệu quả cao.

- Chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSPT.

8.2. Học liệu tham khảo

2. Ủy ban thể dục thể thao (2006), Luật Bóng rổ, NXB TDTT.

3. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), Giáo trình bóng rổ, NXB ĐH Thái Nguyên.

e. Học phần tự chọn môn Vovinam

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191035
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam. Sinh viên có năng lực thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu.
- CO2: Sinh viên nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo. Luật thi đấu.
- CO3: Thực hiện được cơ bản nhập môn Vovinam – Việt võ đạo.
- CO4: Thực hiện được kỹ thuật cơ bản nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và rèn luyện thể lực cho người học.
- CO5: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, các phương pháp thi đấu và bài long hổ quyền
- CO6: Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về môn võ Vovinam.
- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn võ Vovinam vào quá trình học tập
- CLO3: Thực hiện được kỹ thuật cơ bản nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và Rèn luyện thể lực cho người học.
- CLO4: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, các phương pháp thi đấu và bài long hổ quyền.

- CLO5: Sinh viên có khả năng tự tập luyện độc lập và làm việc nhóm.
- CLO6: Có phương pháp học tập, tập luyện khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đối với môn học.
- CLO7: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong học tập, tập luyện, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đỉnh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn			2			6
Nội dung 2: - Đám thẳng - Đám ngang (Đám móc) - Đám mức			2			6
Nội dung 3: -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá tạt) -Đá cạnh chân			2			6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 8:			2			6

Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)						
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 11: (Ôn tập) - Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)			2			6
Nội dung 12: - Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 13: (TH) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 –45)			2			6
Nội dung 14: (TH) Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 – 45)			2			6
Nội dung 15: (TH) - Ôn tập và KT bài Long hổ quyền			2			6

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubic 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubic 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubic 1)	CLO.3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubic 2)	CLO.4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	Bài long hồ quyền (Rubic 3)	CLO.2,3,4,5,6,7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Qui định về thời gian học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy chế 234; 906 hướng dẫn riêng của nhà trường (Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp theo qui định).
- Sinh viên cần đi học đầy đủ, nghiêm túc, tích cực để đảm bảo cho việc tiếp thu bài hiệu quả cao.
- Chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc

1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TDTT.

8.2. Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

2.. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, NXB TDTT, HN

* Giáo dục Quốc phòng/Military education (165 tiết)

Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/

National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần:
- Bộ môn quản lý học phần: Chính trị
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Về kiến thức

+ Nắm được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và hình thái chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

+ Thấy được tính tất yếu khách quan và những chủ trương của Đảng ta về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; bước đầu tìm hiểu về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta, nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo.

+ Nắm được những yêu cầu đặt ra trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; những vấn đề cơ bản trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; những vấn đề cốt lõi trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- CO2: Về kỹ năng

+ Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên trong quán triệt và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quốc phòng và an ninh.

+ Nâng cao khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm, tăng cường kỹ năng cho sinh viên trong thu thập, xử lý thông tin trước, trong và sau mỗi bài học.

+ Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Về thái độ

+ Bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ, góp phần phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

+ Quán triệt sâu sắc và tích cực thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh.

+ Tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					
Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				
Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				

Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				
Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	3					

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình phân tích làm rõ nội dung của bài học; kết hợp trình chiếu PowerPoint, trích dẫn các đoạn phim tư liệu gắn liền quan đến vấn đề giảng dạy tạo sự lôi cuốn và hứng thú cho người học.

- Gọi ý các vấn đề mang tính thời sự tạo tương tác và phát huy tính năng động sáng tạo của người học

- Nêu chủ đề, định hướng nghiên cứu và duy trì thảo luận nâng cao hiểu biết cho sinh viên trong các nội dung thảo luận

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric...	CLO...	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric...	CLO...	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric...	CLO...	25%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric...	CLO...	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện nghiêm các quy định về văn hóa học đường và Quy định hiện hành của Trung tâm GDQPAN trong quá trình học tập, sinh hoạt tập trung.

- Sinh viên tham gia học tập trên lớp không sử dụng điện thoại, không phát tán âm thanh, hình ảnh lớp học trên không gian mạng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

- Website

1. <http://quocphonganninh.edu.vn>

2. ttgdqp@hdu.edu.vn

Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh/ Defense and security work

- Số tín chỉ: 2

- Mã học phần:

- Bộ môn quản lý học phần: Chính trị

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- **COI: Về kiến thức**

+ Hiểu và nắm chắc những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch tiến hành chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, lợi dụng vấn đề

dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam và cách phòng chống.

+ Nắm được những kiến thức cơ bản về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; hiểu biết về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

- CO2: Về kỹ năng

+ Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên trong quán triệt và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quốc phòng và an ninh.

+ Nâng cao khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm, tăng cường kỹ năng cho sinh viên trong thu thập, xử lý thông tin trước, trong và sau mỗi bài học.

+ Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập

- CO3: Về thái độ

+ Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên trong phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Quán triệt sâu sắc và tích cực thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh.

+ Tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình phân tích làm rõ nội dung của bài học; kết hợp trình chiếu PowerPoint, trích dẫn các đoạn phim tư liệu gắn liền quan đến vấn đề giảng dạy tạo sự lôi cuốn và hứng thú cho người học.

- Gợi ý các vấn đề mang tính thời sự tạo tương tác và phát huy tính năng động sáng tạo của người học

- Nêu chủ đề, định hướng nghiên cứu và duy trì thảo luận nâng cao hiểu biết cho sinh viên trong các nội dung thảo luận

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric...	CLO...	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric...	CLO...	
II	Kiểm tra giữa kỳ			

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric...	CLO...	25%
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric...	CLO...	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện nghiêm các quy định về văn hóa học đường và Quy định hiện hành của Trung tâm GDQPAN trong quá trình học tập, sinh hoạt tập trung.
- Sinh viên tham gia học tập trên lớp không sử dụng điện thoại, không phát tán âm thanh, hình ảnh lớp học trên không gian mạng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.
2. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012. *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục. - *an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017. *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2017.
2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.
3. Website

- <http://quocphonganninh.edu.vn>
- ttgdqp@hdu.edu.vn

Học phần 3: Quân sự chung/ General Military

Số đơn vị học trình: 02

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quân sự

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác.

Năng lực đạt được:

Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này.

Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Thuần thục cách sử dụng bản đồ.

Thuần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Thuần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

Tài liệu tham khảo chính:

Học liệu bắt buộc

1. BGD&ĐT, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

Học liệu tham khảo

2. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng (2015), *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1* (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

4. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật/ Infantry fighting techniques and tactics

- Số ĐVHT: 04

- Mã học phần: GDQP 4

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1 (Về kiến thức):

+ Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh. Nắm chắc tác dụng, tính năng, cấu tạo của súng tiểu liên AK và thuần thục cách ngắm bắn, biết sử dụng lựu đạn. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

+ Thực hiện được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2 (Về kỹ năng):

+ Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.

+ Rèn luyện thành thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

+ Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

+ Góp phần phát triển kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CO3 (Về thái độ):

+ Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh.

+ Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

+ Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1 (Về kiến thức):

Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2 (Về kỹ năng):

+ Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.

+ Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3 (Về thái độ):

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh.

+ Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric...	CLO 3	50%
2	Kiểm tra viết (02 bài)	Rubric...	CLO 1	
3	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric...	CLO 2	
II	Thi kết thúc học phần			
	Thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric...	CLO 2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao

trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Học liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo án huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

Học phần 17. Văn học trẻ em/Children's literature

- Số tín chỉ học tập: 03 (27,36,0)
- Mã học phần: 145003
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Ngôn ngữ
- Học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm các nội dung: Khái quát chung về văn học trẻ em Việt Nam; các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em Việt Nam; thơ do trẻ em sáng tác; các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em nước ngoài. Người học có năng lực phân tích và đánh giá tác phẩm văn học dành cho trẻ em, biết vận dụng kiến thức về văn học trẻ em vào việc dạy trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học, biết lựa chọn các tác phẩm phù hợp với độ tuổi mầm non; có khả năng tự học, tự nghiên cứu các tác phẩm văn học trẻ em.

2. Mục tiêu học phần

- CO 1: Trang bị cho người học những kiến thức về văn học trẻ em Việt Nam: Khái quát về các giai đoạn phát triển của văn học trẻ em Việt Nam; các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em Việt Nam; thơ do trẻ em sáng tác. Kiến thức về văn học trẻ em nước ngoài: khái quát về văn học trẻ em của một số nước trên thế giới, các tác giả, tác phẩm văn học trẻ em nước ngoài.

- CO 2: Người học có kỹ năng nhận diện, phân loại, phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học trẻ em; phân tích được vai trò của văn học trẻ em đối với giáo dục trẻ mầm non.

- CO 3: Người học chủ động, tích cực trong việc vận dụng có hiệu quả các kiến thức về văn học trẻ em với việc giáo dục trẻ mầm non; tích cực, sáng tạo lựa chọn và vận dụng các tác phẩm văn học trẻ em vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, phân tích được các giai đoạn phát triển của văn học trẻ em Việt Nam. Trình bày được tình hình sáng văn học trẻ em ở một số nước trên thế giới; vai trò của văn học trẻ em với giáo dục trẻ mầm non.

- CLO2: Phân tích giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các tác phẩm văn học trẻ em Việt Nam và tác phẩm văn học trẻ em nước ngoài.

- CLO3: Kỹ năng lựa chọn các tác phẩm văn học phù hợp với lứa tuổi mầm non;

có kỹ năng phân tích, đánh giá tác phẩm văn học dành cho trẻ em.

- CLO4: Kỹ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ tác phẩm văn học; có kỹ năng khai thác nội dung của tác phẩm văn học trẻ em để truyền đạt cho trẻ em; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.

- CLO5: Có tư duy sáng tạo, tinh thần làm việc độc lập, tự chủ, tự giác; có ý thức tự tìm hiểu, nghiên cứu để làm phong phú nhận thức về văn học trẻ em Việt Nam và văn học trẻ em nước ngoài.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lí thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Phần 1: Văn học trẻ em Việt Nam Chương 1: Khái quát về văn học trẻ em Việt Nam 1.Văn học cho trẻ em trước cách mạng tháng Tám. 2.Văn học cho trẻ em sau cách mạng tháng Tám đến nay.	3	2			12	
Chương 2: Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em Việt Nam 1.Thơ – truyện của Võ Quảng viết cho trẻ em 1.1.Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác. 1.2. Nội dung chủ yếu trong thơ, truyện Võ Quảng viết cho trẻ em. 1.3. Nghệ thuật thơ, truyện Võ Quảng viết cho trẻ em. 2. Truyện của Tô Hoài viết cho trẻ em 2.1.Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác. 2.2. Các tác phẩm viết cho trẻ em của Tô Hoài. 3. Thơ – truyện của Phạm Hồ viết cho trẻ em 3.1. Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác. 3.2. Nội dung thơ Phạm Hồ viết cho trẻ em. 3.3.Nghệ thuật trong thơ viết cho trẻ em của Phạm Hồ.	10	10	6		54	

<p>Chương 3: Thơ do trẻ em viết</p> <p>1. Khái quát về thơ do trẻ em viết.</p> <p>1.1. Trẻ em với thơ ca.</p> <p>1.2. Thơ của các em qua các thời kỳ.</p> <p>2. Thơ tuổi thơ của Trần Đăng Khoa.</p> <p>2.1. Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác thơ của Trần Đăng Khoa.</p> <p>2.2. Nội dung thơ tuổi thơ Trần Đăng Khoa.</p> <p>2.3. Nghệ thuật thơ tuổi thơ của Trần Đăng Khoa.</p>	6	3	2			25
<p>Phần 2: Văn học trẻ em nước ngoài</p> <p>Chương 1. Khái quát văn học trẻ em nước ngoài</p> <p>1. Sơ lược về văn học trẻ em nước ngoài</p> <p>1.1. Sự cần thiết của việc cho trẻ em Việt Nam tiếp xúc với văn học nước ngoài.</p> <p>1.2. Những giá trị cơ bản của văn học trẻ em nước ngoài.</p>	2	3				11
<p>Chương 2. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.</p> <p>1. Thơ R.Tagor viết cho trẻ em</p> <p>1.1. Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Tagor.</p> <p>1.2. Tập thơ <i>Trăng non</i></p> <p>2. Truyện cổ Grim.</p> <p>2.1. Giới thiệu tác giả</p> <p>2.2. Truyện cổ Grim.</p> <p>3. Truyện cổ Andersen.</p> <p>3.1. Giới thiệu tác giả</p> <p>3.2. Truyện cổ Andersen.</p>	6	4	6			33

5. Phương pháp dạy – học

Thuyết trình, thảo luận, bài tập, hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1,2,3,4,5	30%
2	Viết cá nhân	Rubric 4	CLO 2,3,4,5	
3	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1,2,3,4,5	

4	Bài tập cá nhân	Rubric 3	CLO 1,2,3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 4	CLO 2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 5	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: *Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.*

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu bắt buộc và TLTK
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải đọc, nghiên cứu tài liệu theo các mục tiêu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần trước khi lên lớp; tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên.
- Điểm quá trình: *Phải có tối thiểu 4 bài kiểm tra thường xuyên và 1 bài kiểm tra giữa kì.*
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Lã Thị Bắc Lý (2013), *Giáo trình văn học trẻ em*, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Lã Thị Bắc Lý (2012), *Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm*, NXB Giáo dục.
2. Trần Đăng Khoa (1999), *Tuyển tập Phạm Hồ*, NXB Văn học.

Học phần 18. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non/Research methods in early childhood education

- Số tín chỉ: 02 (14LT, 14TLBT, 18TH)
- Mã học phần: 144010
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục Nhận thức – Dinh dưỡng và Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học giáo dục

1. Mô tả học phần

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục ngành Giáo dục Mầm Non, cụ thể:

- Khái quát lý luận chung về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu KHGD mầm non. Trên cơ sở đó vận dụng các cách tiếp cận trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non vào thực tiễn.
- Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học GDMN và cách thức vận dụng chúng trong quá trình nghiên cứu để thực hiện các nhiệm vụ của đề tài.
- Hiểu và nắm vững cấu trúc của một công trình NCKH, trên cơ sở đó người học có khả năng lựa chọn các vấn đề cấp thiết trong thực tiễn giáo dục bậc học mầm non làm đề tài và xây dựng đề cương NCKH; có khả năng lựa chọn các phương pháp phù

hợp để thực hiện đề tài; Nắm vững và thực hành thành thạo các bước của một đề tài NCKHGDMN; có kỹ năng sử dụng kiến thức toán thống kê trong xử lý kết quả nghiên cứu của đề tài; Có kỹ năng học tập, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở GDMN.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học giáo dục MN; Hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục MN; Các giai đoạn tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục. Từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CO2: Sinh viên có kỹ năng lựa chọn các vấn đề NCKH có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn bậc học giáo dục MN; xây dựng đề cương NCKH GDMN; Biết lựa chọn các phương pháp nghiên cứu để thực hiện các nhiệm vụ của đề tài NCKH GD bậc học Mầm non; có kỹ năng sử dụng kiến thức toán thống kê trong xử lý kết quả nghiên cứu.

- CO3: Hình thành tư duy logic trong việc xem xét các vấn đề trong thực tiễn chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ ở các trường mầm non; có thái độ nghiêm túc, khách quan trong NCKH và cách thức làm việc khoa học của một nhà nghiên cứu.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp lý thuyết về PPNCKHGDMN, từ đó có thể vận dụng vào thực tiễn các công việc ở trường mầm non.

- CLO2: Phân tích, lựa chọn và đề xuất vấn đề nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

- CLO3: Xây dựng đề cương nghiên cứu cụ thể ở trường mầm non và tự tin thuyết trình đề cương trước trước hội đồng.

CLO 4: Có khả năng vận dụng kiến thức toán thống kê để xử lý kết quả nghiên cứu.

- CLO 5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan tỏa tinh thần ham học hỏi và nghiên cứu khoa học đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: 1.1. Những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học 1.2. Các đặc trưng của nghiên cứu khoa học 1.3. Các dạng nghiên cứu khoa học	3	0	0	0		9
Chương 2: Quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu KHGDMN 2.1. Quan điểm hệ thống – cấu trúc 2.2. Quan điểm tiếp cận lịch sử	2	2	0	0		9

2.3. Quan điểm tiếp cận tích hợp					
2.4. Quan điểm tiếp cận thực tiễn					
Chương 3: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non 3.1. Khái niệm 3.2. Vai trò của PPNCKHGDMN 3.3. Hệ thống các PPNCKHGD mầm non	2	3		3	15
Chương 4: Đề tài nghiên cứu 4.1. Khái niệm 4.2. Tìm kiếm chủ đề nghiên cứu 4.3. Xác định vấn đề nghiên cứu 4.4. Đánh giá ý nghĩa và tính khả thi của vấn đề nghiên cứu 4.5. Đặt tên cho đề tài	2	3		5	18
Chương 5: Đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non 5.1. Khái niệm 5.2. Cấu trúc đề cương NCKHGDMN	3	4		6	24
Chương 6: Sử dụng toán thống kê trong nghiên cứu khoa học GDMN 6.1. Các dạng điểm 6.2. Thang đo theo trung bình và thang đo theo tiêu chí 6.3. Phương pháp thống kê miêu tả	2	2		4	15
Tổng	14	14		18	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; vấn đáp; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,...*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Viết	Rubric viết	CLO 1,2	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	BT cá nhân	Rubic bài tập cá nhân	CLO 1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp/ Viết	Rubic viết	CLO 1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận nhóm, làm BT thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thảo luận nhóm, bài tập cá nhân được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), Đinh Văn Vang; Lê Thị Kim Anh (2021), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non*, NXB Đại học sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2. Phạm Viết Vượng (2004), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục* (Chương trình giáo trình đại học), NXB ĐHQG HN.

3. Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật

Học phần 19. Mĩ thuật cơ bản/Art

- Số tín chỉ: 03 (21LT; 36BT; 12TH)
- Mã học phần: 147105
- Bộ môn quản lý học phần: Mĩ thuật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nghệ thuật tạo hình; khái quát lịch sử mĩ thuật Việt Nam; luật xa gần – giải phẫu tạo hình; hình hoạ; màu sắc; trang trí cơ bản; vẽ tranh đề tài. Đồng thời nắm được các yếu tố ngôn ngữ tạo hình và phương pháp tiến hành để tạo thành sản phẩm mĩ thuật 2D/3D mang giá trị nghệ thuật đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần: Khái quát về nghệ thuật tạo hình; Lịch sử mĩ thuật Việt Nam; Luật xa gần – giải phẫu tạo hình; Vẽ hình hoạ; Vẽ màu sắc; Vẽ trang trí cơ bản; Vẽ tranh theo đề tài.

- CO2: Hình thành và rèn luyện cho người học có đủ kiến thức, thành thạo các kỹ năng riêng biệt, phát triển năng lực thẩm mĩ, nhận thức thẩm mĩ, xây dựng sản phẩm tạo hình và biết phân tích tác phẩm tạo hình.

- CO3: Người học có đủ năng lực tự học, tự nghiên cứu tài liệu liên quan đến học phần để đáp ứng quá trình học tập và công tác sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được vai trò về một số loại hình nghệ thuật tạo hình và khái quát được một số nét đặc sắc của mỹ thuật Việt Nam qua từng thời kì.

- CLO2: Người học phân tích được luật xa gần – giải phẫu tạo hình, phối cảnh không gian và tỉ lệ cơ thể người trong hội họa, yếu tố màu sắc, vẽ hình họa, vẽ trang trí cơ bản, vẽ tranh đề tài, vẽ tranh minh họa cốt truyện.

- CLO3: Người học vận dụng được các phương pháp tiến hành để tạo thành sản phẩm mỹ thuật tạo hình đẹp về hình thức thể hiện, đa dạng về nội dung chủ đề.

- CLO4: Người học tạo ra một số tác phẩm mỹ thuật có nét đặc sắc và có giá trị sử dụng trong thực tiễn.

- CLO5: Người học có đủ năng lực kiến thức và kỹ năng trong học phần, từ đó học tập nghiên cứu rèn luyện kỹ thuật tạo hình, nâng cao nhận thức thẩm mỹ đáp ứng được quá trình học tập và công tác sau này.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình 1. Các loại hình nghệ thuật 2. Khái niệm nghệ thuật tạo hình 3. Ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình 4. Mối quan hệ của nghệ thuật tạo hình với các ngành nghệ thuật khác. 5. Đặc điểm của nghệ thuật hội họa và nghệ thuật đồ họa 6. Các thể loại và phương thức thể hiện của nghệ thuật hội họa và đồ họa	3		2			12
Chương 2: Khái quát lịch sử mỹ thuật Việt Nam 1. Mỹ thuật Việt Nam từ 1925 đến 1975 1.1. GD 1925 - 1945 1.2. GD 1945 – 1954 1.3. GD 1954 – 1964 1.4. GD 1964 - 1975 2. Mỹ thuật Việt Nam sau 1975 đến nay 3. Tranh dân gian Việt Nam 3.1. Xuất xứ	4		2			15

3.2. Nội dung tư tưởng 3.3. Chất liệu và hình thức thể hiện						
Chương 3: Luật xa gần– Giải phẫu tạo hình 1. Luật xa gần 1.1. Khái quát về Luật xa gần 1.2. Biểu hiện không gian trên mặt phẳng 1.3. Phối cảnh đường nét 1.4. Đường chân trời 1.5. Điểm tụ 2. Sơ lược tỷ lệ thân thể người. 2.1. Tỷ lệ thân thể người trưởng thành 2.2. Tỷ lệ thân thể trẻ em 3. Tỷ lệ mặt người 3.1. Tỷ lệ mặt người lớn 3.2. Tỷ lệ mặt trẻ em	2		2	2		12
Chương 4: Hình họa 1. Khái niệm 2. Những yếu tố nghiên cứu của hình họa 3. Phương pháp xây dựng một bài hình họa 3.1. Chuẩn bị 3.2. Cách tiến hành một bài vẽ hình họa Bước 1: Quan sát nhận xét mẫu Bước 2: Dựng hình Bước 3: Đánh bóng (Vẽ đậm nhạt).	3		6	2		21
Chương 5: Màu sắc 1. Ánh sáng và màu sắc 2. Hệ thống màu 2.1. Màu gốc 2.2. Màu pha trộn 2.3. Màu bổ túc 2.4. Màu nóng, màu lạnh 2.5. Màu đồng sắc 2.6. Hòa sắc 3. Cách pha màu và sử dụng màu sắc	2		3	2		13.5

4. Tập pha màu						
Chương 6: Trang trí cơ bản 1. Khái quát về nghệ thuật trang trí 1.1. Vai trò của trang trí trong đời sống và trong nghệ thuật 1.2. Vai trò của trang trí trong nghệ thuật tạo hình và với việc học tập môn tạo hình 2. Các nguyên tắc chung của bố cục trang trí 2.1. Vai trò của bố cục trang trí. 2.2. Các yếu tố, thủ pháp, nguyên tắc của trang trí cơ bản. 3. Phương pháp trang trí 3.1. Phác thảo 3.2. Tìm hình 3.3. Thể hiện	3		7	2		22.5
Chương 7: Vẽ tranh đề tài 1. Khái niệm về tranh đề tài 2. Một số yêu cầu của bố cục tranh 3. Một số hình thức bố cục tranh đơn giản 4. Phương pháp vẽ tranh đề tài Bước 1: Nghiên cứu nội dung đề tài Bước 2: Phác thảo Bước 3: Tìm hình Bước 4: Thể hiện	2		7	2		19.5
Chương 8: Vẽ tranh minh họa 1. Khái niệm vẽ tranh minh họa 2. Các loại tranh minh họa 3. Phương pháp vẽ tranh minh họa Bước 1: Nghiên cứu nội dung cốt truyện Bước 2: Phác thảo Bước 3: Tìm hình Bước 4: Thể hiện.	2		7	2		19.5
Tổng	21		36	12		135

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, phương pháp quan sát, phương pháp trực quan; phương pháp thực hành, đặt vấn đề - gợi mở.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Viết	Rubric 1	CLO1	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO2,3	
3	Thực hành nhóm	Rubric 3	CLO3,4	
4	Thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO4	20%
III	Thi cuối kì			
1	Viết – Thực hành	Rubric 5	CLO 1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kì và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kì (hoặc bài tiểu luận).
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Điều kiện thực hiện tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên có 1 điểm kiểm tra thường xuyên từ 8,0 và điểm kiểm tra giữa kỳ đạt 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Ngô Bá Công (2008), *Giáo trình Mỹ thuật cơ bản*, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1] Tạ Phương Thảo (2004), *Giáo trình trang trí*, Nxb Đại học Sư phạm.

[2] Đàm Luyện (2007), *Giáo trình bố cục*, Nxb Đại học Sư phạm.

Học phần 20. Âm nhạc và Múa / Music & Dance

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 0 TL, 36TH)
- Mã học phần: 147051
- Bộ môn quản lý học phần: Âm nhạc
- Điều kiện tiên quyết: Không

- Các giờ dạy học bài tập thực hành phải được thực hiện dạy học ở các phòng học chuyên môn đặc thù âm nhạc (Phòng thực hành Múa) theo nhóm nhỏ từ 20 đến 30 sinh viên.

1. Mô tả học phần

Cung cấp các kiến thức cơ bản về Lý thuyết Âm nhạc; các kỹ năng cơ bản về Ký, xướng âm các giọng Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng và giọng La thứ. Một số vấn đề lý luận múa và vận động theo nhạc, các tổ hợp múa dân gian Việt Nam tiêu biểu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức, khái niệm cơ bản về âm nhạc.
- CO2: Người học hiểu được thế nào là nốt nhạc, khuông nhạc, khoá nhạc, các loại ký hiệu sử dụng trong âm nhạc, tiết tấu, nhịp, quãng, hợp âm, điệu thức, giọng.
- CO3: Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận múa và vận động theo nhạc, các tổ hợp múa dân gian Việt Nam tiêu biểu.
- CO4: Người học vận dụng được các kiến thức đã học vào các học phần tiếp theo và vào thực tiễn giảng dạy ở trường mầm non sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có thể trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản về âm nhạc.
- CLO2: Người học phân tích, vận dụng được các kiến thức trong học phần vào thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc ở các cơ sở giáo dục mầm non.
- CLO3: Người học có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến học phần;
- CLO4: Người học có khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản về âm nhạc và lý luận múa, từ đó vận dụng một cách hiệu quả trong thực tiễn.
- CLO5: Người học có khả năng tự đánh giá được năng lực của bản thân, từ đó làm cơ sở cho việc rèn luyện tư duy, lựa chọn phương pháp học tập của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
NỘI DUNG I: LÝ THUYẾT ÂM NHẠC CƠ BẢN						
Chương 1: Âm thanh - Cách ghi chép nhạc - Tiết tấu - Nhịp	8 tiết					5 tiết
1.1. Âm thanh và cách ghi chép nhạc						
1.2. Tiết tấu - Nhịp.						
Chương 2: Quãng - Hợp âm	6 tiết		2 tiết			10 tiết
2.1. Quãng						

<p>2.2. Hợp âm</p> <p>Chương 3: Điệu thức - Giọng - Cách xác định giọng – Một số ký hiệu sắc thái biểu hiện</p> <p>3.1. Điệu thức và giọng.</p> <p>3.2. Cách xác định giọng</p> <p>3.3. Một số ký hiệu sắc thái biểu hiện</p>	6 tiết		1 tiết			10 tiết
<p>NỘI DUNG II: XƯỚNG ÂM</p> <p>Chương 1: Xướng âm giọng Đô trưởng</p> <p>1.1. Gam tự nhiên.</p> <p>1.2. Hợp âm rải (T).</p> <p>1.3. Các quãng 3 giai điệu.</p> <p>1.4. Bài tập thực hành: Xướng âm giọng Đô trưởng.</p> <p>1.5. Ứng dụng xướng âm và hát các bài của trẻ mầm non giọng Đô trưởng.</p> <p>Chương 2: Xướng âm giọng Son trưởng</p> <p>2.1. Gam tự nhiên.</p> <p>2.2. Hợp âm rải (T).</p> <p>2.3. Các quãng 3 giai điệu.</p> <p>2.4. Bài tập thực hành: Xướng âm giọng Son trưởng.</p> <p>2.5. Ứng dụng xướng âm và hát các bài của trẻ mầm non giọng Son trưởng.</p> <p>Chương 3: Xướng âm giọng Pha trưởng</p> <p>3.1. Gam tự nhiên.</p> <p>3.2. Hợp âm rải (T).</p> <p>3.3. Các quãng 3 giai điệu</p> <p>3.4. Bài tập thực hành: Xướng âm giọng Pha trưởng.</p> <p>3.5. Ứng dụng xướng âm và hát các bài của trẻ mầm non giọng Pha trưởng.</p> <p>Chương 4: Xướng âm giọng La thứ</p>				6 tiết		20 tiết
				4 tiết		15 tiết
				4 tiết		15 tiết
				3 tiết		

<p>4.1. Gam tự nhiên; Gam hòa thanh.</p> <p>4.2. Hợp âm rải (t)</p> <p>4.3. Các quãng 3 giai điệu.</p> <p>4.4. Bài tập thực hành: Xướng âm non giọng La thứ.</p> <p>4.5. Ứng dụng xướng âm và hát các bài của trẻ mầm non giọng La thứ.</p>						10 tiết
<p>NỘI DUNG III: MÚA CƠ BẢN</p> <p>Chương 1: Một số vấn đề lý luận múa và vận động theo nhạc.</p> <p>1.1. Khái niệm nghệ thuật múa.</p> <p>1.2. Phân loại múa.</p> <p>1.3. Những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa.</p> <p>1.4. Một số kỹ năng cơ bản của nghệ thuật múa.</p> <p>1.5. Các dạng múa của trẻ ở trường mầm non.</p> <p>1.6. Vai trò tác dụng của múa trong công tác giáo dục tại trường mầm non.</p> <p>Chương 2: Chất liệu múa dân gian Việt Nam và các tổ hợp múa dân gian Việt Nam tiêu biểu</p> <p>2.1. Chất liệu múa dân gian Việt Nam.</p> <p>2.2. Các tổ hợp động tác múa đồng bằng.</p> <p>2.3. Một số tổ hợp động tác múa các dân tộc thiểu số.</p>	7 tiết					10 tiết
					2 tiết	10 tiết
					7 tiết	15 tiết
					7 tiết	15 tiết

5. Phương pháp dạy - học

Phương pháp thuyết trình, phương pháp thực hành nghệ thuật, thảo luận nhóm, thực hành nghệ thuật theo hình thức cá nhân, theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

T	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần: - Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc - Vào lớp học đúng giờ	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3, CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân: Vấn đáp/Thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Bài kiểm tra định kỳ: Bài tập thực hành cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO3, CLO4	
4	Bài tập nhóm/ Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm /Thảo luận nhóm	CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp/Thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp/Thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Lên lớp tối thiểu 80% số tiết của nội dung học phần môn học theo thời khóa biểu;
- Làm bài tập về nhà đầy đủ;
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài;
- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ; 01 bài kiểm tra thi kết thúc học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình, phương tiện phục vụ môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Phạm Tú Hương, năm 1997, *Lý Thuyết Âm nhạc cơ bản*, NXB giáo dục;

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Trần Minh Trí, năm 2005, *Múa*, NXB ĐHSP;

[3] Trịnh Hoài Thu, năm 2011, *PPDH kỹ xưởng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông*, NXB âm nhạc.

Học phần 21. Sinh lý trẻ em / Children physiology

- Số tín chỉ: **3 (27, 36, 0)**

- Mã học phần: 146048

- Bộ môn quản lý học phần: BM Giáo dục Nhận thức – Dinh dưỡng & Thể Chất

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và bệnh lý của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; quá trình sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ ở lứa tuổi mầm non làm cơ sở cho việc nhận thức và phân tích các hiện tượng trong tâm lý học, giáo dục học, dinh dưỡng học, phòng bệnh, vệ sinh và biện pháp chăm sóc, giáo dục trẻ. Sinh viên có kỹ năng đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ qua các giai đoạn lứa tuổi; kỹ năng dự báo sự phát triển toàn diện đối với trẻ mầm non. Từ các kiến thức đó vận dụng vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và bệnh lý cơ thể và sự phát triển cơ thể trẻ em.

- CO2: Có kỹ năng đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ qua các giai đoạn lứa tuổi; kỹ năng dự báo sự phát triển toàn diện đối với trẻ mầm non. Từ các kiến thức đó vận dụng vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.

- CO3: Có năng lực giao tiếp và hợp tác hiệu quả với các cá nhân

- CO4: Có khả năng tự đánh giá và tự học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các cấp độ cấu trúc của cơ thể sống cũng như các đặc điểm của sự sống.

- CLO2: Phân tích được đặc điểm sinh trưởng và phát triển của trẻ em cũng như các cơ chế cân bằng sự sinh trưởng và phát triển.

- CLO3: Phân tích được đặc điểm cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người nói chung và trẻ em nói riêng.

- CLO4: Đánh giá được sự phát triển thể chất của trẻ qua các giai đoạn tuổi; kỹ năng dự báo sự phát triển toàn diện đối với trẻ mầm non. Kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.

- CLO5: Hình thành được phong cách giao tiếp, hợp tác tự tin, khoa học. Tự đánh giá và xây dựng được kế hoạch cải tiến hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề chung về sinh lý học người I. Mục đích, đối tượng, nhiệm vụ II. Các phương pháp nghiên cứu III. Lịch sử nghiên cứu IV. Phương pháp học tập bộ môn	01	01				4,5
Chương 2. Cấu tạo chung của cơ thể người I. Cơ thể người là một khối thống nhất II. Các quy luật của sinh trưởng và phát triển III. Sự hình thành và các giai đoạn phát triển của cơ thể trẻ em IV. Biểu đồ tăng trưởng	02	03				10,5
Chương 3. Máu và bạch huyết I. Chức năng của máu II. Thành phần của máu III. Tính chất của máu IV. Đặc điểm của máu trẻ em theo lứa tuổi V. Tính chất chung của máu VI. Nước mô và bạch huyết VII. Miễn dịch	02	03				10,5
Chương 4. Hệ tuần hoàn I. Cấu tạo hệ tuần hoàn II. Các vòng tuần hoàn III. Hoạt động của tim IV. Quá trình vận chuyển của máu trong mạch máu V. Huyết áp VI. Đặc điểm của hệ tim mạch theo lứa tuổi VII. Một số bệnh thường gặp về hệ tuần hoàn của trẻ em	02	03				10,5
Chương 5. Hệ hô hấp I. Cấu tạo và chức năng của hệ hô hấp II. Cơ chế hoạt động của hệ hô hấp III. Đặc điểm hệ hô hấp ở trẻ em IV. Một số bệnh thường gặp về hệ hô hấp của trẻ em	02	03				10,5
Chương 6. Hệ tiêu hoá I. Cấu tạo và chức năng của hệ tiêu	02	04				12

hoá II. Sự tiêu hoá và hấp thụ thức ăn III. Đặc điểm hệ tiêu hoá ở trẻ em						
Chương 7. Trao đổi chất và năng lượng I. Khái niệm và vai trò của trao đổi chất và năng lượng II. Sự trao đổi các chất cơ bản trong cơ thể III. Sự trao đổi năng lượng trong cơ thể IV. Đặc điểm trao đổi chất và năng lượng ở trẻ em V. Một số bệnh về trao đổi chất và năng lượng ở trẻ em	02	02				9
Chương 8. Hệ bài tiết – sinh dục I. Hệ bài tiết II. Hệ sinh dục	03	03				13,5
Chương 9. Hệ nội tiết I. Đại cương về tuyến nội tiết II. Chức năng của từng tuyến nội tiết III. Đặc điểm của các tuyến nội tiết ở trẻ em	02	03				10,5
Chương 10. Hệ vận động I. Hệ xương II. Hệ cơ III. Sự phát triển tư thế	03	04				
Chương 11. Hệ thần kinh I. Cấu tạo, chức năng của tế bào thần kinh II. Đại cương về hệ thần kinh III. Sự phát triển của hệ thần kinh theo lứa tuổi IV. Hoạt động phản xạ của hệ thần kinh V. Các loại hình thần kinh VI. Đặc điểm hoạt động thần kinh cấp cao ở người VII. Ngủ	03	04				15
Chương 12. Các cơ quan phân tích I. Khái quát về cơ quan phân tích II. Chức năng của cơ quan phân tích III. Các quy luật chung của cơ quan phân tích IV. Các cơ quan phân tích	03	03				13,5
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Viết	Rubric 5	CLO1-4	30%
2	Thuyết trình/ Thảo luận	Rubric 2, 4	CLO1-5	
3	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	
4	Tự học	Rubric 3	CLO1-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 5	CLO 1-3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO 1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết, dự các tiết thảo luận (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Thanh Vân (2015), *Giáo trình sinh lí học trẻ em*, NXB Đại học sư phạm.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Tạ Thuý Lan, Trần Thị Loan (2007), *Giáo trình sinh lí học trẻ em*, NXB ĐHSPT.

[3]. Phan Thị Ngọc Yên, Trần Minh Kỳ, Nguyễn Thị Dung (2001), *Đặc điểm giải phẫu sinh lý trẻ em*, NXB Hà Nội.

Học phần 22. Dinh dưỡng trẻ em/Traditional Nutrition

- Số tín chỉ: 2TC (18LT, 18TL, 6TH)

- Mã học phần: 145010

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Nhận thức - Dinh dưỡng & Thể chất

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần “Dinh dưỡng trẻ em” bao gồm những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trẻ lứa tuổi mầm non; cách chăm sóc, nuôi dưỡng, tổ chức ăn uống hợp lí cho trẻ phù hợp với các giai đoạn phát triển lứa tuổi của trẻ; cách tổ chức ăn uống cho trẻ khi bị bệnh; cách chế biến một số món ăn cho trẻ lứa tuổi mầm non.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Nắm vững những vấn đề chung về dinh dưỡng cho trẻ, những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng học, vai trò của năng lượng. Nhiệm vụ dinh dưỡng cho trẻ qua từng giai đoạn phát triển.

CO2: Nắm vững được nguyên tắc, khẩu phần, chế độ, thực đơn phù hợp với từng độ tuổi cho trẻ ở trường mầm non. Thực hiện thành thạo việc tính khẩu phần ăn

cho trẻ trong từng giai đoạn độ tuổi

CO3: Có kỹ năng lập kế hoạch dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ ở từng độ tuổi một cách linh hoạt, sáng tạo; lồng ghép, tích hợp nội dung kiến thức các lĩnh vực theo định hướng chủ đề, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

CO4: Chủ động tiếp nhận kiến thức, tích cực tham gia thảo luận nhóm, chủ động đề xuất ý tưởng, nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng học (các khái niệm về dinh dưỡng và các chất dinh dưỡng, tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sự phát triển cơ thể).

- CLO2: Phân tích được vai trò của năng lượng, vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể và xác định được nhu cầu của cơ thể về các chất dinh dưỡng.

- CLO3: Trình bày được những nội dung kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trẻ em theo lứa tuổi, cách tổ chức dinh dưỡng cho trẻ theo nhu cầu lứa tuổi; cách phòng tránh các bệnh do dinh dưỡng không hợp lý.

- CLO4: Có kỹ năng xây dựng khẩu phần ăn và thực đơn hợp lý cho trẻ theo từng độ tuổi. Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào chăm sóc và giáo dục trẻ đồng thời đề xuất được những phương pháp, biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non một cách khoa học, phù hợp lứa tuổi.

- CLO5: Nhận thức được tầm quan trọng của học phần đối với việc chăm sóc sức khỏe con người nói chung và trẻ mầm non nói riêng, từ đó xác định được động cơ học tập đúng đắn để có được kiến thức và kỹ năng tuyên truyền giáo dục về dinh dưỡng trong trường mầm non và cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Dinh dưỡng học đại cương 1. Dinh dưỡng và vai trò của dinh dưỡng 2. Năng lượng 3. Các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể	3	3				13,5
Chương 2: Nhóm lương thực, thực phẩm 1. Khái niệm lương thực - thực phẩm 2. Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm	3	3				13,5

<p>3. Những yếu tố ảnh hưởng đến giá trị dinh dưỡng của thực phẩm</p> <p>4. Cách lựa chọn thực phẩm</p> <p>5. Cách bảo quản thực phẩm</p> <p>6. Cách kết hợp và thay thế thực phẩm</p>						
<p>Chương 3: Dinh dưỡng trẻ em</p> <p>1. Đại cương về dinh dưỡng trẻ em</p> <p>2. Dinh dưỡng trẻ em theo lứa tuổi.</p> <p>3. Những điều cần lưu ý khi nấu ăn cho trẻ</p> <p>4. Phương pháp xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ</p>	8	8				36
<p>Chương 4: Ăn uống trong điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em</p> <p>1. Ăn uống trong điều trị cho trẻ bị tiêu chảy.</p> <p>2. Ăn uống trong điều trị cho trẻ bị bệnh lỵ.</p> <p>3. Ăn uống trong điều trị cho trẻ bị viêm phổi, sốt cao</p>	4	4				18
<p>Chương 5: Thực hành chế biến các món ăn bữa phụ cho trẻ</p> <p>1. Công tác chuẩn bị</p> <p>1.1. Địa điểm</p> <p>1.2. Nguyên liệu</p> <p>1.3. Dụng cụ chế biến</p> <p>1.4. Phân công nhiệm vụ</p> <p>2. Quy trình thực hiện</p> <p>2.1. Sơ chế</p> <p>2.2. Chế biến</p> <p>3. Đánh giá sản phẩm</p>				3		4,5
<p>Chương 6: Thực hành chế biến các món ăn bữa chính cho trẻ</p> <p>1. Công tác chuẩn bị</p> <p>1.1. Địa điểm</p> <p>1.2. Nguyên liệu</p> <p>1.3. Dụng cụ chế biến</p>				3		4,5

1.4. Phân công nhiệm vụ						
2. Quy trình thực hiện						
2.1. Sơ chế						
2.2. Chế biến						
3. Đánh giá sản phẩm						

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Viết	Rubric 4	CLO1	30%
2	Thuyết trình	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 4	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 4	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kì và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kì (hoặc bài tiểu luận).
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đủ điều kiện

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Thị Mai Hoa (2015) - *Giáo trình Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ và mẫu giáo* - NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Kim Thanh (2003) - *Giáo trình dinh dưỡng trẻ em* - NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Học phần 23. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non/Applying information technology in early childhood education

- Số tín chỉ: 03 (22; 21; 25)
- Mã học phần: 144011
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục nhận thức - Dinh dưỡng & Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trình bày những vấn đề lí luận chung của ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN, trong đó tập trung vào các xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin ở bậc học MN, những ứng dụng của internet trong GDMN; một số phần mềm ứng dụng trong GDMN; thiết kế bài giảng điện tử, những tư liệu để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.

Năng lực đạt được: Dựa trên những xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non; những kiến thức về các phần mềm ứng dụng trong GDMN; quy trình, yêu cầu, tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử. Người học biết xây dựng bài giảng điện tử, tư liệu hỗ trợ trong tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho người học những kiến thức lí luận chung về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non;
- CO2: Người học xác định được các tính năng của một số phần mềm công cụ và chuyên dụng để xây dựng các tư liệu hỗ trợ hoạt động giáo dục ở bậc học mầm non.
- CO3: Người học có kỹ năng tìm kiếm, khai thác, lưu trữ và chia sẻ thông tin; biên tập, xây dựng các file âm thanh, hình ảnh, đoạn film; giáo án điện tử phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non; sử dụng và xử lý được các sự cố cơ bản trên máy tính và các thiết bị hỗ trợ như Projector, tivi...
- CO4: Người học hứng thú trong học tập, sáng tạo trong việc thiết kế giáo án điện tử, trò chơi theo các chủ đề ở trường mầm non. Chấp hành các yêu cầu tự học; hợp tác, tham gia tranh luận giải quyết vấn đề trong học tập và thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những vấn đề lí luận về ứng dụng CNTT trong GDMN, chức năng cơ bản của các phần mềm Paint; Microsoft Powerpoint, Photoshop, Camtasia Studio và một số phần mềm hỗ trợ khác.
- CLO2: Phân tích được những quy trình thiết kế giáo án điện tử, các nguyên tắc thiết kế, tiêu chí đánh giá giáo án điện tử; những tính năng của một số phần mềm để thiết kế các tư liệu giáo dục trong tổ chức các hoạt động giáo dục trường mầm non
- CLO3: Có kỹ năng tìm kiếm, khai thác, lưu trữ và chia sẻ thông tin; biên tập, xây dựng các file âm thanh, hình ảnh, đoạn film phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.
- CLO4: Vận dụng được các kiến thức về ứng dụng CNTT để thiết kế giáo án điện tử phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
- CLO5: Tích cực trong học tập, chủ động xây dựng kế hoạch học tập, tranh luận về các vấn đề thảo luận của các nhóm.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ỨNG DỤNG CNTT TRONG GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>1.1. CNTT đối với giáo dục mầm non</p> <p>1.1.1. Khái niệm “CNTT”</p> <p>1.1.2. Vai trò của CNTT đối với giáo dục mầm non</p> <p>1.2. Xu hướng ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non hiện nay</p> <p>1.2.1. Ứng dụng trong soạn thảo giáo án</p> <p>1.2.2. Ứng dụng trong khai thác, lưu trữ và chia sẻ thông tin</p> <p>1.2.3. Ứng dụng trong đánh giá giáo dục</p> <p>1.2.4. Ứng dụng trong hoạt động vui chơi, học tập của trẻ</p> <p>1.2.5. Ứng dụng trong quản lý</p> <p>1.3. Những ứng dụng của Internet trong giáo dục mầm non</p> <p>1.3.1. Tìm kiếm các tư liệu, tài liệu trong GDMN</p> <p>1.3.2. Khai thác các phần mềm phục vụ chuyên môn</p> <p>1.3.3. Sử dụng Internet trong việc lưu trữ, chia sẻ thông tin</p> <p>1.4. Những yêu cầu về kỹ năng CNTT đối với giáo viên mầm non</p>	6	8				30
<p>CHƯƠNG 2. ỨNG DỤNG MỘT SỐ PHẦN MỀM MÁY TÍNH TRONG GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>2.1. Phần mềm Microsoft PowerPoint</p> <p>2.1.1. Các kỹ thuật cơ bản trong phần mềm Powerpoint</p> <p>2.1.2. Một số kỹ thuật nâng cao trong</p>	8	8	2	8		51

phần mềm Powerpoint 2.1.3. Quy trình thiết kế giáo án điện tử với phần mềm Powerpoint 2.1.4. Nguyên tắc, và sử dụng giáo án điện tử trong giáo dục mầm non 2.1.5. Tiêu chí đánh giá giáo án điện tử trong giáo dục mầm non 2.1.6. Yêu cầu đối với giáo viên mầm non trong thiết kế giáo án điện tử 2.1.7. Hướng dẫn thực hiện một số bài tập với Microsoft PowerPoint 2.2. Phần mềm Paint 2.2.1. Giới thiệu về phần mềm Paint 2.2.2. Một số thao tác cơ bản với phần mềm Paint 2.2.3. Thực hành các bài tập về phần mềm Paint 2.3. Hiệu chỉnh phim bằng phần mềm Camtasia Studio 2.3.1. Giới thiệu về Camtasia Studio 2.3.2. Một số thao tác cơ bản với Camtasia Studio 2.3.3. Thực hành xử lý các đoạn phim với Camtasia Studio						
CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG MỘT SỐ TƯ LIỆU TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG MẦM NON 3.1. Khái quát về một số hoạt động giáo dục trong trường mầm non 3.2. Thiết kế các tư liệu hỗ trợ trong hoạt động học tập 3.3. Thiết kế các tư liệu hỗ trợ hoạt động vui chơi 3.4. Thực hiện các hoạt động với tư liệu đã thiết kế.	8	3		17		54

5. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Thực hành

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO 5	30%
2	Thảo luận	Rubric 2	CLO1,2,3,4	
3	Viết tự luận	Rubric 3	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận/ thực hành	Rubric 4,5	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Rubric 5	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên chuyên cần tích cực trong học tập sẽ có điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên.
- Sinh viên cần phải thực hiện đầy đủ, chất lượng các nhiệm vụ tự học, các câu hỏi, bài tập thảo luận nhóm.
- Sinh viên phải tham 80% số tiết của học phần, nếu không không tham dự đủ 80% số tiết lên lớp theo quy định sẽ không được thi học kỳ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Đỗ Mạnh Cường: *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học*, 2015, NXB TPHCM

8.2. Giáo trình tham khảo

2. Nguyễn Ngọc Cương, *Giáo trình tin học cơ sở*, 2015, NXB thông tin và Truyền thông.
3. Nguyễn Thị Nga, *Thiết kế và sử dụng giáo án điện tử trong Giáo dục mầm non*, Modul tập huấn cho GVMN

Học phần 24. Chọn 1 trong 2 học phần sau:

a. Đàn Organ & Chỉ huy dàn dựng/Organ & Conduct and set up

- Số tín chỉ: 03 (15LT, 0TL, 60 TH)
- Mã học phần: 147062
- Bộ môn quản lý học phần: Âm nhạc
- Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc & Múa
- Các giờ dạy học bài tập thực hành phải được thực hiện dạy học ở các phòng học chuyên môn đặc thù âm nhạc (Phòng thực hành đàn Organ điện tử) theo nhóm nhỏ có từ 20 đến 30 sinh viên.

1. Mô tả học phần

Cung cấp các kiến thức cơ bản và giới thiệu về đàn Organ điện tử, một số chức năng cơ bản như: Chọn tiết tấu, âm sắc, nhịp độ; các bài tập kỹ thuật luyện ngón của các giọng C Dur, F Dur, G Dur và a moll tự nhiên; các hợp âm tay trái; tay phải giai điệu; soạn đệm cơ bản cho các bài hát trong chương trình Giáo dục Mầm non; các thể

tay, tư thế đánh đàn... Kỹ thuật cơ bản về chỉ huy dàn dựng hát đồng ca: Vai trò, tư thế, các kỹ thuật của người chỉ huy; xử lý tay trái, tay phải, kiệu bè, bắt đầu và kết thúc tác phẩm; thể hiện được các sắc thái của đường nét chỉ huy ở các loại nhịp 2,3,4 và 6 phách đúng đường nét. Một số bài thực hành chỉ huy cụ thể. Có kiến thức hiểu biết chung về phương pháp hát, kỹ thuật ca hát phổ thông, tập hát và thể hiện hát biểu diễn ở hình thức đơn ca các bài hát cô hát cho trẻ nghe trong chương trình Giáo dục Mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức, khái niệm cơ bản về việc sử dụng, tác dụng của đàn organ điện tử trong soạn đệm cho một bài hát; các bài kỹ thuật luyện ngón, cách bấm các hợp âm tay trái, các hợp âm chính T- S- D của giọng C dur, F dur, G dur, amoll; ứng dụng vào thực tiễn cách soạn đệm cho một tác phẩm.

- CO2: Ý nghĩa, vai trò, tác dụng của người chỉ huy; có kiến thức cơ bản về các kỹ thuật chỉ huy hát đồng ca, các sắc thái, các đường nét chỉ huy đánh ở các loại nhịp 2, 3, 4 và 6 phách; phương pháp dàn dựng, thực hành cụ thể điều khiển chỉ huy một tiết mục hát đồng ca trong chương trình Giáo dục Mầm non.

- CO3: Có kiến thức chung về phương pháp hát, kỹ thuật, kỹ năng ca hát phổ thông, biết thể hiện bài hát ở hình thức hát đơn ca.

- CO4: Người học vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học vào các học phần tiếp theo, ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy ở trường Mầm non phổ thông..

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và nắm vững các kiến thức nền tảng của lý thuyết Âm nhạc cơ bản, ký - xướng âm vận dụng vào thực hành âm nhạc như: Phương pháp soạn đệm trên đàn organ điện tử các bài hát trong chương Giáo dục Mầm non ở mức độ cơ bản; phương pháp nghiên cứu nắm vững bài hát, nắm vững kỹ thuật, kỹ năng, phương pháp chỉ huy điều khiển trong dàn dựng hát tập thể cho trẻ Mầm non; các kỹ thuật cơ bản về ca hát phổ thông, phương pháp trình bày biểu diễn ở hình thức đơn ca các bài hát trong chương trình cô hát cho trẻ nghe.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng kiến thức chuyên môn âm nhạc để giải quyết những vấn đề liên quan đến việc tổ chức dạy các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ Mầm non.

- CLO3: Có tinh thần trách nhiệm tự học, tự nghiên cứu trong học tập, rèn luyện; luôn có sự sáng tạo, hiểu biết khoa học trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- CLO4: Thực hiện hoạt động giao tiếp dưới dạng hoạt động cá nhân, nhóm, tập thể... cá nhân chịu trách nhiệm và tự chịu trách nhiệm với nhóm, với tập thể và luôn thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề giải quyết trong quá trình học tập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đàn organ điện tử 1.1. Giới thiệu đàn Organ điện tử 1.2. Giọng Cdur 1.3. Giọng Gdur 1.4. Giọng Fdur 1.5. Giọng a moll 1.6. Thực hành phương pháp soạn đệm một ca khúc cho trẻ Mầm non	4 tiết			30 tiết		57 tiết
Chương 2: Chỉ huy dàn dựng hát đồng ca các bài hát mầm non 2.1. Kỹ thuật chỉ huy 2.2. Sơ đồ và thực hành cách đánh các loại nhịp thông thường 2.3. Thực hành điều khiển chỉ huy dàn dựng hát đồng ca cho trẻ Mầm non	6 tiết			15 tiết		40.5 tiết
Chương 3: Giới thiệu sơ lược về phương pháp, kỹ thuật ca hát và tập hát một số ca khúc của các nhạc sĩ và dân ca Việt Nam tiêu biểu 3.1. Một số vấn đề chung về ca hát 3.2. Kỹ thuật ca hát và thể hiện bài hát 3.3. Tập hát và biểu diễn một số ca khúc của các nhạc sĩ và dân ca Việt Nam tiêu biểu	5 tiết			15 tiết		37,5 tiết

5. Phương pháp dạy - học

Phương pháp thuyết trình, phương pháp thực hành nghệ thuật, thảo luận nhóm, thực hành nghệ thuật theo hình thức cá nhân, theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Gồm: *Chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, vấn đáp, thực hành*

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	<i>Chuyên cần:</i>	Rubric đánh giá	CLO3,	30%

	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc - Vào lớp học đúng giờ	chuyên cần	CLO4	
2	Thường xuyên Bài tập cá nhân: vấn đáp/Thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Bài kiểm tra định kỳ : Bài tập thực hành cá nhân	Đáp án, thang điểm	CLO1, CLO3, CLO4	
4	Thường xuyên Bài tập nhóm/ Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm /Thảo luận nhóm	CLO3, CLO4	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Vấn đáp/Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1, CLO3	20%
III Thi cuối kì				
	Vấn đáp/Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Lên lớp tối thiểu 80% số tiết của nội dung học phần môn học theo thời khóa biểu;
- Làm bài tập về nhà đầy đủ;
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài;
- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ; 01 bài kiểm tra thi kết thúc học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình, phương tiện phục vụ môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Minh Toàn - Phan Hồng Hà, năm 1999, *Phương pháp học đàn organ*, Nxb giáo dục;

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Vũ Tự Lân - Lê Thế Hào, năm 2000, *Phương pháp hát và chỉ huy hát tập thể*, Nxb giáo dục;

[3] Cù Minh Nhật, năm 2007, *Organ thực hành 134 bài hát Mầm giáo*, Nxb âm nhạc Hà Nội;

b. Âm nhạc (Kiến thức nâng cao)/Music (Advanced)

- Số tín chỉ: 03 (15 LT, 0TL, 60TH)
- Mã học phần: 147056

- Bộ môn quản lý học phần: Âm nhạc
- Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc & Múa
- Các giờ dạy học bài tập thực hành phải được thực hiện dạy học ở các phòng học chuyên môn đặc thù âm nhạc (Phòng thực hành đàn Organ điện tử) theo nhóm nhỏ có từ 20 đến 30 sinh viên.

1. Mô tả học phần

Nâng cao kỹ năng thực hành ca hát và biên đạo múa cho trẻ mầm non. Bộ máy phát âm, kỹ thuật ca hát: tư thế, nhả chữ phát âm, lấy hơi...; các bài tập thực hành luyện thanh ứng dụng để phát triển giọng hát; phương pháp và kỹ năng thực hành ca hát ở các hình thức; thực hành học hát các bài hát cô hát cho trẻ nghe trong chương trình giáo dục âm nhạc Mầm non; thực hành các kỹ năng múa, phương pháp múa, các bước biên đạo múa cho trẻ Mầm non, thực hành biên đạo dàn dựng múa các bài hát trong chương trình giáo dục Mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Ý nghĩa, vai trò, tác dụng của ca hát; người học được trang bị các kiến thức chung về ca hát, phương pháp hát, kỹ thuật ca hát phổ thông; các bài tập thực hành luyện thanh phát triển giọng hát và biết ứng dụng vào thực tiễn thực hành thể hiện ca khúc, bài hát ở hình thức hát đơn ca trong chương trình Giáo dục Mầm non.

- CO2: Nắm vững một số vấn đề lý luận cơ bản của nghệ thuật biên đạo, mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của công tác biên đạo, một số nguyên tắc cần chú ý khi biên đạo múa, phương pháp biên đạo múa cho trẻ Mầm non, đặc điểm tâm sinh lý của trẻ Mầm non, khả năng cảm nhận múa của trẻ Mầm non, qui trình các bước biên đạo múa cho trẻ Mầm non.

- CO3: Phương pháp nghiên cứu tác phẩm để có kiến thức hiểu biết, biết thể hiện bài hát và tiến hành những công việc cần biên đạo dàn dựng múa cho trẻ Mầm non: Xác định các yếu tố âm nhạc, xác định nội dung thể hiện, lựa chọn hình thức thể hiện, xây dựng kịch bản chi tiết, dự kiến được nhiệm vụ lập luyện và hoàn thiện tác phẩm

- CO4: Người học vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học vào các học phần tiếp theo, ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy ở trường Mầm non phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và nắm vững các kiến thức nền tảng kiến thức lý thuyết vận dụng vào thực hành nghệ thuật âm nhạc như: Phương pháp dàn dựng biểu diễn, nâng cao kỹ thuật ca hát, chất lượng tiếng hát các bài hát cô hát cho trẻ nghe trong chương Giáo dục Mầm non; phương pháp nghiên cứu nắm vững bài hát, kỹ thuật, kỹ năng thực hành biểu diễn nghệ thuật. Nắm vững các kiến thức trong nghệ thuật biên đạo múa và vận dụng tốt trong công tác thực hành dàn dựng biên đạo múa cho trẻ Mầm non.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng kiến thức chuyên môn âm nhạc để giải quyết những vấn đề liên quan đến việc tổ chức dạy các hoạt động ca hát, hoạt động múa và vận động theo nhạc cho trẻ Mầm non thông qua các tác phẩm âm nhạc và bài hát trong chương trình Giáo dục Mầm non.

- CLO3: Có tinh thần trách nhiệm tự học, tự nghiên cứu trong học tập, rèn luyện;

luôn có sự sáng tạo, hiểu biết khoa học trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- CLO4: Thực hiện hoạt động giao tiếp dưới dạng hoạt động cá nhân, nhóm, tập thể... cá nhân chịu trách nhiệm và tự chịu trách nhiệm với nhóm, với tập thể và luôn thể hiện được quan điểm chuyên môn của cá nhân trước các vấn đề giải quyết trong quá trình học tập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Kỹ thuật ca hát và thể hiện ca khúc 1. Một số vấn đề chung về ca hát 2. Luyện tập kỹ thuật ca hát 3. Tập thể hiện các ca khúc cô hát trẻ nghe	7			30		66
Chương 2: Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non 1. Khái quát chung về nghệ thuật biên đạo 2. Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non 3. Biên đạo múa cho trẻ mầm non	8			30		69

5. Phương pháp dạy - học

Phương pháp thuyết trình, phương pháp thực hành nghệ thuật, thảo luận nhóm, thực hành nghệ thuật theo hình thức cá nhân, theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần: - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc - Vào lớp học đúng giờ	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3, CLO4	30%

2	Bài tập cá nhân: Vấn đáp/Thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Bài kiểm tra định kỳ: Bài tập thực hành cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO3, CLO4	
4	Bài tập nhóm/ Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm /Thảo luận nhóm	CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp/Thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp/Thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Lên lớp tối thiểu 80% số tiết của nội dung học phần môn học theo thời khóa biểu;
- Làm bài tập về nhà đầy đủ;
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài;
- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ; 01 bài kiểm tra thi kết thúc học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình, phương tiện phục vụ môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Trần Minh Trí, năm 1998, *Múa và Phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc*, NXB giáo dục;

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Ngô Thị nam, năm 2007, *Giáo trình hát* (tập 2), Nxb Đại học sư phạm.

[3] Ngô Thị Nam, *Hát*, Nxb Đại học sư phạm, 2004

Học phần 25. Chọn 1 trong 3 học phần sau:

a. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non/Prevention and safety for preschool children

- Số tín chỉ: 03 (27, 32, 4)
- Mã học phần: 146026
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục nhận thức - Dinh dưỡng và thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Sinh lí trẻ em

1. Mô tả học phần:

Học phần đi sâu nghiên cứu tình hình bệnh tật ở trẻ em hiện nay, các giai đoạn

phát triển của trẻ, các bệnh thường gặp, các tai nạn có thể xảy ra đối với trẻ ở trường mầm non. Những kiến thức, kỹ năng để nhận biết và xử trí ban đầu đối với các bệnh và các tai nạn mà trẻ hay mắc phải, các biện pháp phòng các bệnh dịch trong cộng đồng, nhất là các bệnh thường gặp ở trẻ mầm non, phòng các tai nạn cho trẻ ở trường mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có những hiểu biết lí luận nhất định về bệnh học trẻ em, vai trò và tầm quan trọng của việc phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ.
- CO2: Có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non phù hợp với các điều kiện xã hội.
- CO3: Chủ động, linh hoạt trong công tác chăm sóc, giáo dục, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các loại bệnh thường gặp ở trẻ em; nguyên nhân gây bệnh, các triệu chứng thường gặp, cách xử lí và chăm sóc ban đầu khi trẻ bị bệnh và biện pháp phòng bệnh cho trẻ.
- CLO2: Trình bày/mô tả/phân tích được những nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ ở trường mầm non và các biện pháp đảm bảo an toàn cho trẻ; các loại bệnh và tai nạn thường gặp đối với trẻ mầm non; cách sơ cứu ban đầu và cách phòng tránh tai nạn cho trẻ.
- CLO3: Có kỹ năng phát hiện sớm và chăm sóc ban đầu khi trẻ bị bệnh; kỹ năng xử lí, sơ cứu ban đầu và phòng tránh tai nạn cho trẻ. Đồng thời có kỹ năng vận dụng kiến thức vào chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.
- CLO4: Biết cách tổ chức các hoạt động giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non; cách bảo vệ, nâng cao sức khỏe, phòng tránh một số bệnh và tai nạn thường gặp ở trẻ em.
- CLO5: Yêu thích môn học, tôn trọng người khác, tích cực tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả. Hình thành được phong cách giao tiếp tự tin, khoa học. Tự đánh giá và xây dựng được kế hoạch cải tiến hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đại cương về bệnh học trẻ em 1. Vai trò của môn học và một số khái niệm liên quan 2. Sự tăng trưởng về thể chất và	3	3				13,5

phát triển tâm vận động ở trẻ em 3. Đặc điểm bệnh lý trẻ em qua các thời kỳ 4. Tình hình bệnh tật và tử vong ở trẻ em 5. Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em						
Chương 2: Bệnh liên quan đến dinh dưỡng và chuyển hóa 1. Bệnh do thiếu dinh dưỡng 2. Hiện tượng tăng cân quá mức	1	2				6
Chương 3: Bệnh thuộc hệ tiêu hóa 1. Bệnh tiêu chảy cấp tính 2. Bệnh giun ở trẻ em	1	2				6
Chương 4: Bệnh thuộc hệ hô hấp 1. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 2. Các bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính thường gặp	2	1				7,5
Chương 5: Bệnh thuộc hệ tiết niệu và bệnh thấp tim 1. Cấu tạo chức năng của hệ tiết niệu và đặc điểm hệ tiết niệu ở trẻ em 2. Các bệnh thuộc hệ tiết niệu thường gặp ở trẻ em 3. Bệnh thấp tim	1	2				6,0
Chương 6: Các bệnh chuyên khoa 1. Bệnh về mắt 2. Bệnh sâu răng 3. Bệnh ngoài da	1	2				6
Chương 7: Bệnh truyền nhiễm ở trẻ em 1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm 2. Các bệnh truyền nhiễm thường gặp 3. Phòng bệnh truyền nhiễm cho trẻ ở trường mầm non	4	3	2			19,5

<p>Chương 8: Phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh thường gặp ở trẻ em</p> <p>1. Tử thuốc và cách sử dụng thuốc cho trẻ</p> <p>2. Phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh thường gặp</p>	3	3				13,5
<p>Chương 9: Một số kỹ năng phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm</p> <p>1. Phát hiện sớm trẻ ốm</p> <p>2. Chăm sóc trẻ ốm</p> <p>3. Theo dõi sức khỏe và phòng dịch</p> <p>4. Chăm sóc sức khỏe cho trẻ sau ốm</p>	3	3	3			18
<p>Chương 10: Bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</p> <p>1. Mục tiêu</p> <p>2. Một số tai nạn thương tích có thể xảy ra cho trẻ</p> <p>3. Cách phòng tránh và xử trí ban đầu một số tai nạn thương tích</p>	3	1	2			13,5
<p>Chương 11: Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non</p> <p>1. Mục tiêu</p> <p>2. Nội dung</p> <p>3. Hình thức tổ chức</p> <p>4. Một số hoạt động cụ thể</p> <p>5. Một số lưu ý trong chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật</p>	3	3				13,5
<p><i>Chương 12: Thực hành sơ cứu ban đầu một số tai nạn thường gặp ở trẻ</i></p> <p>1. Thực hành sơ cứu khi trẻ bị các vết thương ngoài da</p> <p>2. Thực hành sơ cứu khi trẻ bị đuối nước</p> <p>3. Thực hành sơ cứu khi trẻ bị tai nạn do dị vật</p>	2			4		12

4. Thực hành sơ cứu khi trẻ bị gãy xương, bong gân, trật khớp.						
5. Thực hành sơ cứu khi trẻ bị tai nạn do lửa, nhiệt, điện						
Tổng	27	25	7	4		135

5. Phương pháp dạy - học

- Thuyết trình
- Tổ chức hoạt động
- Thảo luận
- Thực hành

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 03			
1	Chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO5	30%
2	Viết/thuyết trình/thảo luận	Rubric 2 Rubric 4	CLO1-4	
3	Thực hành	Rubric 3	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 4	CLO1-4	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 5	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ giáo trình, tài liệu; phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết, tham dự các tiết thảo luận (có hướng dẫn của giảng viên); phải hoàn thành các nội dung tự học, các loại bài tập cá nhân theo yêu cầu, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

1. Lê Thị Mai Hoa - Trần Văn Dần (2008) Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non - NXB Giáo dục.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

2. Lê Thanh Vân (2002), *Sinh lí học trẻ em*, NXB ĐH QGHN.

3. Phạm Thị Ngọc Yến, Trần Minh Kỳ, Nguyễn Thị Dung, *Đặc điểm giải phẫu sinh lí trẻ em*, NXB HN.

b. Vệ sinh trẻ em/Childrens sanitation

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 147040
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục nhận thức - Dinh dưỡng và thể chất
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vệ sinh học (vi khuẩn, vi rút, kí sinh trùng), các nhân tố gây nhiễm khuẩn, qui trình tổ chức vệ sinh cho trẻ lứa tuổi mầm non, cách thức tiến hành vệ sinh không khí, nguồn nước, mặt đất, trường mầm non góp phần bảo vệ môi trường; tổ chức thực hành rèn luyện một số kĩ năng giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ. Sinh viên có kiến thức chăm sóc và tổ chức thực hành chăm sóc vệ sinh, phòng bệnh cho trẻ ở các giai đoạn lứa tuổi khác nhau; tổ chức chế độ vệ sinh trong sinh hoạt cho trẻ một cách hợp lí, khoa học góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có những hiểu biết lí luận nhất định về vệ sinh học, vai trò và tầm quan trọng của việc tổ chức các hoạt động cho trẻ theo quan điểm vệ sinh học.
- CO2: Có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non phù hợp với các điều kiện xã hội.
- CO3: Tích cực, chủ động, linh hoạt trong quá trình học tập và tổ chức các hoạt động cho trẻ theo quan điểm vệ sinh học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày/mô tả/phân tích được những kiến thức cơ bản về vệ sinh học
- CLO2: Vận dụng được các kiến thức về vệ sinh trẻ em vào chăm sóc trẻ mầm non
- CLO3: Đề xuất được những biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non một cách khoa học, phù hợp với các giai đoạn lứa tuổi.
- CLO4: Có kỹ năng trong tổ chức thực hiện chăm sóc, vệ sinh cho trẻ mầm non.
- CLO5: Yêu thích môn học, tôn trọng người khác, tích cực tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả. Hình thành được phong cách giao tiếp tự tin, khoa học. Tự đánh giá và xây dựng được kế hoạch cải tiến hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề chung 1. Đối tượng và nhiệm vụ của vệ sinh trẻ em 2. Những cơ sở khoa học của vệ sinh trẻ em 3. Các phương pháp nghiên cứu vệ sinh trẻ em 4. Sơ lược quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ em	2	1				7,5
Chương 2: Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học	4	5				19,5

<ul style="list-style-type: none"> 1. Vi sinh vật 2. Dịch tễ và miễn dịch học 3. Kí sinh trùng 4. Phòng bệnh do vi sinh vật ở trường mầm non 						
<p>Chương 3: Các giai đoạn lứa tuổi, sức khỏe và sự phát triển thể chất trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Các giai đoạn phát triển của trẻ 2. Sức khỏe và sự phát triển thể chất của trẻ em 3. Chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non 	4	5				19,5
<p>Chương 4: Giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Thói quen vệ sinh 2. Nội dung giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ 3. Phương pháp và hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ 4. Đánh giá thói quen vệ sinh của trẻ 5. Tổ chức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non 	4	3	2			19,5
<p>Chương 5: Vệ sinh các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Vệ sinh hệ thần kinh 2. Vệ sinh da. 3. Vệ sinh mắt cho trẻ . 4. Vệ sinh cơ quan hô hấp 5. Vệ sinh cơ quan tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục 	5	7	3			30
<p>Chương 6: Tổ chức vệ sinh trong giáo dục thể chất</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Vệ sinh trong quá trình tổ chức cho trẻ luyện tập 2. Giáo dục tư thế cho trẻ 3. Rèn luyện cơ thể trẻ em bằng các yếu tố tự nhiên 	3	3				13,5
<p>Chương 7: Vệ sinh quần áo</p>	1	2				6

1. Khái niệm về "vệ sinh quần áo" 2. Các yêu cầu đối với vệ sinh quần áo cho trẻ. 3. Tổ chức vệ sinh quần áo cho trẻ						
Chương 8: Vệ sinh môi trường 1. Vệ sinh không khí 2. Vệ sinh nước 3. Vệ sinh mặt đất 4. Vệ sinh trường mầm non	4	5				19,5
Tổng	27	31	5			135

5. Phương pháp dạy - học

- Thuyết trình
- Thảo luận
- Thực hành, tham quan học tập

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần, tự học	Rubric 1 Rubric 3	CLO5	30%
2	Viết	Rubric 5	CLO1-4	
3	Thuyết trình/thảo luận	Rubric 2 Rubric 4	CLO1 -5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 5	CLO1-4	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ giáo trình, tài liệu; phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết, tham dự các tiết thảo luận (có hướng dẫn của giảng viên); phải hoàn thành các nội dung tự học, các loại bài tập cá nhân theo yêu cầu, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Hoàng Thị Phương (2013), *Giáo trình vệ sinh trẻ em*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Lê Thị Mai Hoa (2008), *Giáo trình vệ sinh dinh dưỡng*, NXB Giáo dục.
3. Lê Thị Mai Hoa (2008), *Giáo trình PB và đảm bảo AT cho trẻ MN*, NXB Giáo dục.

c. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non/ Take care and protect the health of preschool children

- Số TC: 03 (27LT, 30 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 245062
- Bộ môn giảng dạy học phần: GD Nhận thức- Dinh dưỡng & Thể chất
- Các học phần tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sức khỏe và cách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho con người nói chung, bà mẹ và trẻ em các giai đoạn lứa tuổi nói riêng. Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên một số kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ em lứa tuổi mầm non ... nhằm phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay. Một số kỹ năng nhận biết tình trạng sức khỏe của trẻ, kỹ năng đánh giá sự phát triển của trẻ, kỹ năng phòng tránh các nguy cơ mất an toàn cho trẻ; kỹ năng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ một cách hợp lý.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phân tích được một số khái niệm liên quan đến sức khỏe của trẻ, cách phân loại sức khỏe và đánh giá sức khỏe của trẻ. Trình bày được những đặc điểm cơ bản của trẻ lứa tuổi mầm non, sự phát triển của trẻ qua các thời kì lứa tuổi.

CO2: Có kỹ năng về đánh giá sức khỏe của trẻ; kỹ năng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ. Có kỹ năng tuyên truyền, giáo dục, phối kết hợp với gia đình và nhà trường trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non.

CO3: Vận dụng kiến thức vào chăm sóc và giáo dục trẻ đồng thời đề xuất được những phương pháp, biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non một cách khoa học, phù hợp lứa tuổi.

CO4: Nhận thức được vai trò của giáo viên mầm non trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non.

3. Chuẩn đầu ra học phần

-CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về sức khỏe và cách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho con người nói chung, bà mẹ và trẻ em các giai đoạn lứa tuổi nói riêng. Hiểu được vai trò quan trọng của sức khỏe đối với sự phát triển nhân cách toàn diện của trẻ lứa tuổi mầm non. Trên cơ sở đó áp dụng vào việc thực hiện các biện pháp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ, hướng đến việc thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay.

- CLO2: Vận dụng kiến thức vào chăm sóc và giáo dục trẻ đồng thời đề xuất được những phương pháp, biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non một cách khoa học, phù hợp lứa tuổi.

- CLO3: Có kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ em lứa tuổi mầm non ... nhằm phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

- CLO4: Có ý thức rèn luyện bản thân, tích cực tự học tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được nhu cầu xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề chung về sức khỏe trẻ em 1. Sức khỏe 2. Đánh giá sức khỏe trẻ em	3	3				13,5
Chương 2: Đặc điểm phát triển các giai đoạn lứa tuổi trẻ em 1. Giai đoạn trong tử cung 2. Giai đoạn sơ sinh 3. Giai đoạn bú mẹ 4. Giai đoạn nhà trẻ 5. Giai đoạn mẫu giáo 6. Giai đoạn niên thiếu 7. Giai đoạn dậy thì	6	3	3	2		30
Chương 3: Chăm sóc bà mẹ mang thai 1. Mục đích 2. Những thay đổi sinh lí của người mẹ trong thời kì mang thai 3. Nội dung chăm sóc người mẹ trong thời kì mang thai	6	1	2			22,5
Chương 4: Chăm sóc bà mẹ nuôi con bú và trẻ nhỏ 1. Chăm sóc người mẹ trong thời kì nuôi con bú 2. Chăm sóc trẻ dưới 6 tháng tuổi	4	4	3			22,5
Chương 5: Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ mầm non 1. Mục đích - ý nghĩa 2. Nội dung chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ mầm non	4	4	2			21
Chương 6: Phòng tránh một số bệnh lây truyền từ mẹ sang con 1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm 2. Phòng tránh bệnh lây truyền từ mẹ sang con	4	3	2	4		25,5

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, giảng giải, thực hành, thảo luận...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Viết	Rubric 5	CLO1-4	30%
2	Thuyết trình/ Thảo luận	Rubric 2, 4	CLO1-4	
3	Chuyên cần	Rubric 1	CLO4	
4	Tự học	Rubric 3	CLO1-4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 5	CLO 1-3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Viết	Rubric 6	CLO 1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết. tham dự đầy đủ các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành các bài kiểm tra định kì, thường xuyên, giữa kì theo yêu cầu môn học và tham dự kì thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Phạm Mai Chi - Lê Thị Ngọc Ái (1998), *Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ từ 0 - 6 tuổi*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Mai Chi (2006), *Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ 3 – 4 tuổi*, NXB H.

[3]. Lê Thị Mai Hoa (2008), *Giáo trình vệ sinh - dinh dưỡng*, NXB Giáo dục.

Học phần 26. Chọn 1 trong 2 học phần sau:

a. Các hoạt động cho trẻ làm quen với toán ở trường mầm non/Preschool math activities

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 21TL, 03TH)
- Mã học phần: 144013
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục nhận thức - Dinh dưỡng và thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Toán cơ sở

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị và bổ sung cho sinh viên một hệ thống các khái niệm, kiến thức chuyên ngành về giáo dục mầm non cùng với một hệ thống các hoạt động hỗ trợ quá trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non 3 – 6 tuổi: Vai trò của các hoạt động làm quen với toán đối với trẻ mầm non; Đặc điểm phát triển các biểu tượng ban đầu về toán của trẻ mầm non; Nội dung các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non; phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động làm quen với toán cho trẻ

mầm non; Tổ chức môi trường cho trẻ làm quen với toán; sự phối hợp giữa giáo viên với cha mẹ và người chăm sóc trẻ trong việc cho trẻ làm quen với toán.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có những hiểu biết lí luận nhất định về vai trò, đặc điểm, nội dung của các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non và tầm quan trọng của việc tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán.

- CO2: Thành thạo lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ trên tiết học hay ở mọi lúc, mọi nơi.

- CO3: Tích cực, chủ động, linh hoạt trong quá trình học tập và tổ chức các hoạt động hình thành các biểu tượng toán cho trẻ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những kiến thức cơ bản về vai trò, đặc điểm, nội dung của các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non.

- CLO2: Vận dụng được các kiến thức về các hoạt động hình thành các biểu tượng toán vào chăm sóc trẻ mầm non.

- CLO3: Đề xuất được những biện pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ một cách khoa học, phù hợp với các giai đoạn lứa tuổi.

- CLO4: Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động hình thành các biểu tượng toán cho trẻ một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ trong giai đoạn hiện nay.

- CLO5: Yêu thích môn học, tôn trọng người khác, tích cực tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả. Hình thành được phong cách giao tiếp tự tin, khoa học. Tự đánh giá và xây dựng được kế hoạch cải tiến hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I: Những vấn đề chung 1.1 Vai trò của các HĐ LQVT đối với trẻ MN 1.2 Đặc điểm phát triển các BT ban đầu về toán của trẻ MN 1.3 PP và HT tổ chức các HĐ LQVT cho trẻ MN 1.4 Nội dung các HĐ LQVT của trẻ MN 1.5. Những yêu cầu trong công tác tổ chức các hoạt động trí tuệ cho trẻ	8	2	2			30

mầm non.						
Chương II: Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non 2.1 Các hoạt động đối với các biểu tượng về số lượng. 2.2 Các hoạt động đối với các biểu tượng về hình dạng. 2.3 Các hoạt động đối với các biểu tượng về kích thước. 2.4 Các hoạt động đối với các biểu tượng về định hướng trong không gian.	8	4	10			45
Chương III: Tổ chức hoạt động học có chủ đích HTCBBT cho trẻ mầm non 3.1 Hướng dẫn lập kế hoạch tổ chức hoạt động học có chủ đích hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non 3.2. Phân tích giáo án hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non. 3.3. Tổ chức hoạt động học có chủ đích hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non.	2		6			15
Tổng	18	6	18			90

5. Phương pháp dạy - học

- Thuyết trình
- Thảo luận
- Thực hành, tham quan học tập

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần, tự học	Rubric 1 Rubric 3	CLO5	30%
2	Viết	Rubric 5	CLO1-4	
3	Thuyết trình/thảo luận	Rubric 2 Rubric 4	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	Viết	Rubric 5	CLO1-4	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nga (2013), *Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Đinh Thị Nhung (2001), *Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo, Quyển 1*, NXB Đại học Quốc gia HN.

2. Đỗ Thị Minh Liên (2008), *Giáo trình phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán*, NXB Đại học Sư phạm.

b. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng không gian và thời gian/Methods of teaching preschoolers space and time orientation

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Mã học phần: 144014
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục nhận thức - Dinh dưỡng và thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Toán cơ sở

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị và bổ sung cho sinh viên một hệ thống cơ sở lý luận của phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng không gian và thời gian: Các biểu tượng không gian và định hướng trong không gian ở trẻ mẫu giáo; Đặc điểm nhận thức của trẻ về định hướng trong không gian; Vai trò của việc dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian; Đặc điểm phát triển biểu tượng thời gian và sự định hướng thời gian của trẻ mầm non; Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có những hiểu biết lý luận nhất định về vai trò, đặc điểm, nội dung của việc dạy trẻ mẫu giáo định hướng không gian, thời gian và tầm quan trọng của việc tổ chức các hoạt động cho trẻ các biểu tượng định hướng không gian và thời gian.
- CO2: Thành thạo lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động nhận thức hình thành các biểu tượng không gian và thời gian cho trẻ nói chung và phát triển tư duy toán học cho trẻ nói riêng trên tiết học hay ở mọi lúc, mọi nơi.
- CO3: Tích cực, chủ động, linh hoạt trong quá trình học tập và tổ chức các hoạt động hình thành các biểu tượng không gian và thời gian cho trẻ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những kiến thức cơ bản về định hướng không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo.
- CLO2: Vận dụng được các kiến thức về định hướng không gian và thời gian vào chăm sóc trẻ mầm non.
- CLO3: Đề xuất được những biện pháp hình thành các biểu tượng không gian và thời gian cho trẻ một cách khoa học, phù hợp với các giai đoạn lứa tuổi.
- CLO4: Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động hình thành các biểu tượng không gian và thời gian cho trẻ một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ trong giai đoạn hiện nay.
- CLO5: Yêu thích môn học, tôn trọng người khác, tích cực tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả. Hình thành được phong cách giao tiếp tự tin, khoa học. Tự đánh giá và xây dựng được kế hoạch cải tiến hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương I</p> <p>Những vấn đề chung</p> <p>1.1 Các biểu tượng không gian và định hướng trong không gian ở trẻ mẫu giáo</p> <p>1.2 Đặc điểm nhận thức của trẻ về định hướng trong không gian</p> <p>1.3 Vai trò của việc dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian trong sự phát triển và giáo dục trẻ.</p> <p>1.4 Cơ sở triết học về không gian và thời gian.</p> <p>1.5 Cơ sở sinh lý học của sự hình thành biểu tượng không gian, thời gian và định hướng không gian, thời gian.</p> <p>1.6 Cơ sở tâm lý học của sự hình thành biểu tượng không gian, thời gian và định hướng không gian, thời gian.</p> <p>1.7 Đặc điểm phát triển biểu tượng không gian, thời gian và sự định hướng không gian, thời gian của trẻ</p>	5	2	4			24

mầm non.						
<p style="text-align: center;">Chương II</p> <p style="text-align: center;">Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng trong không gian</p> <p>2.1 Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo 3 – 4 tuổi định hướng trong không gian</p> <p>2.2 Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi định hướng trong không gian</p> <p>2.3 Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi định hướng trong không gian</p>	7	2	7			34,5
<p style="text-align: center;">Chương III</p> <p style="text-align: center;">Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian</p> <p>3.1 Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo 3 – 4 tuổi định hướng thời gian</p> <p>3.2. Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi định hướng thời gian</p> <p>3.3 Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi định hướng thời gian</p>	6	2	7			31,5
Tổng	18	6	18			90

5. Phương pháp dạy - học

- Thuyết trình
- Thảo luận
- Thực hành, tham quan học tập

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần, tự học	Rubric 1 Rubric 3	CLO5	30%
2	Viết	Rubric 5	CLO1-4	
3	Thuyết trình/thảo luận	Rubric 2 Rubric 4	CLO5	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 5	CLO1-4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Viết	Rubric 6	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Đỗ Thị Minh Liên (2006), *Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Đỗ Thị Minh Liên (2020), *Lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ em*, NXB đại học sư phạm Hà Nội.

3. Đinh Thị Nhung (2001), *Toán và các phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo q1,2*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.

Học phần 27. Tâm bệnh học và sự phát triển trẻ mầm non/ Psychopathology and preschool child development

- Số TC: 3 TC (27LT, 30TL, 06TH)

- Mã học phần: 144012

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục nhận thức – Dinh dưỡng và Thể chất

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về tâm bệnh học trẻ mầm non; Sự phát triển trẻ em ở mỗi giai đoạn lứa tuổi MN và các phương pháp nghiên cứu sự phát triển trẻ MN; Các rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non bao gồm: Rối loạn triệu chứng và chức năng; Các hội chứng; Phòng ngừa và chữa trị rối loạn tâm lí cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về tâm bệnh học trẻ mầm non; Sự phát triển trẻ em ở mỗi giai đoạn lứa tuổi MN và các phương pháp nghiên cứu sự phát triển trẻ MN; Các rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non và cách phòng ngừa và chữa trị rối loạn tâm lí cho trẻ em lứa tuổi mầm non

- CO2: Vận dụng được kiến thức đã học để nhận diện sự phát triển trẻ em ở từng giai đoạn lứa tuổi và các biểu hiện rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non trong các hoạt động. SV có kỹ năng giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ MN và có kỹ năng hỗ trợ trẻ có rối loạn tâm lí.

- CO3: Có thái độ đúng đắn đối với môn học, tích cực, chủ động, linh hoạt trong quá trình học tập

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Khái quát những vấn đề cơ bản về tâm bệnh học trẻ MN và sự phát triển trẻ em lứa tuổi MN (*Nhà trẻ và mẫu giáo*)

- CLO2: Tổng quan các rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non và cách phòng ngừa, chữa trị rối loạn tâm lí cho trẻ mầm non

- CLO 3: Vận dụng kiến thức về sự phát triển trẻ em ở từng giai đoạn lứa tuổi MN trong chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ; nhận diện các biểu hiện rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non; có kỹ năng xử lý các tình huống và hỗ trợ trẻ có những rối loạn tâm lí.

- CLO4: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp, chấp hành nội quy học tập, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ học tập. Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần ham học hỏi đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát tâm bệnh học trẻ mầm non 1.1. Khái niệm tâm bệnh học trẻ MN 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển tâm bệnh học trẻ mầm non 1..3. Phân loại bệnh trong tâm bệnh học trẻ mầm non 1.4. Phương pháp đánh giá tình trạng tâm bệnh lí của trẻ mầm non.	3	6				18
Chương 2: Sự phát triển của trẻ lứa tuổi nhà trẻ 2.1. Quy luật phát triển tâm lí trẻ em 2.2. Phân định thời kì phát triển theo lứa tuổi 2.2.1. Sự phát triển trẻ sơ sinh 2.2.2. Sự phát triển trẻ hài nhi 2.2.3. Sự phát triển trẻ ấu nhi	6	4				24
Chương 3: Sự phát triển của trẻ lứa tuổi mẫu giáo 3.1. Sự phát triển hoạt động nhận	7	8				33

<p>thức của trẻ mẫu giáo.</p> <p>3.1.1. Sự phát triển cảm giác, tri giác của trẻ mẫu giáo</p> <p>3.1.2. Sự phát triển trí nhớ của trẻ mẫu giáo</p> <p>3.1.3. Sự phát triển tư duy của trẻ mẫu giáo,</p> <p>3.1.4. Sự phát triển tưởng tượng của trẻ mẫu giáo</p> <p>3.1.5. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo.</p> <p>3.2. Sự phát triển mặt xã hội trong nhân cách trẻ mẫu giáo</p> <p>3.2.1. Sự hình thành và phát triển ý thức về bản thân</p> <p>3.2.2. Sự phát triển động cơ hành vi và hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ ở trẻ mẫu giáo</p> <p>3.2.3. Sự phát triển đời sống tình cảm của trẻ mẫu giáo</p> <p>3.2.4. Sự phát triển ý chí ở trẻ mẫu giáo.</p> <p>3.3. Các phương pháp nghiên cứu sự phát triển trẻ em lứa tuổi MN</p> <p>3.4. Chuẩn bị tâm lí cho trẻ đến trường phổ thông.</p>						
<p>Chương 4: Các rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>4.1. Rối loạn triệu chứng và chức năng</p> <p>4.2. Các hội chứng</p>	5	7	3			30
<p>Chương 5: Phòng ngừa và chữa trị rối loạn tâm lí cho trẻ em lứa tuổi mầm non.</p> <p>5.1. Phòng ngừa rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non.</p> <p>5.2. Chữa trị rối loạn tâm lí ở trẻ MN</p> <p>5.3. Một số cách xử lí rối nhiễu tâm lí ở trẻ MN</p>	6	5	3			30
Tổng	27	30	6			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; vấn đáp; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 4	30%
2	Bài thảo luận nhóm	Rubic thảo luận nhóm	CLO 2,3	
3	Viết	Rubic viết	CLO 1,2,3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubic viết	CLO 1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubic viết	CLO 1,2,3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận nhóm, làm BT thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thảo luận nhóm, bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình

1. Nguyễn Thị Như Mai (2020); *Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSP
2. Nguyễn Ánh Tuyết (2015), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSP

8.2. Tài liệu tham khảo:

3. Lê Thị Mai Hoa (2014); *Giáo trình bệnh học trẻ em*, NXB ĐHSP

Học phần 28. Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non / Integrated education in preschool education

- Số TC: 03 (27LT, 30TL, 6 TH)
- Mã học phần: 144016
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Nhận thức – Dinh dưỡng và Thể chất
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục học mầm non và giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường MN (*Mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục trẻ theo lứa tuổi*); tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày và tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp cho trẻ trong trường mầm non; chuẩn bị cho trẻ bước vào lớp 1.

Năng lực đạt được: Người học hệ thống hóa kiến thức chung về giáo dục mầm non, nắm vững những kiến thức về giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non từ đó tổ chức

đa dạng các hoạt động theo chủ đề phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ; vận dụng những kiến thức về giáo dục tích hợp vào chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non dựa trên bối cảnh giáo dục khác nhau.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận chung về giáo dục mầm non và giáo dục tích hợp trong chương trình giáo dục mầm non: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động của trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp; tổ chức một số hoạt động cho trẻ ở trường mầm non; chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

CO2: Người học biết phân tích mục tiêu tổ chức giáo dục tích hợp theo chủ đề ở các độ tuổi để làm cơ sở lựa chọn nội dung, PP và hình thức giáo dục đảm bảo phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ.

CO3. Người học biết cách vận dụng linh hoạt những kiến thức về giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non để lập kế hoạch giáo dục theo hướng tích hợp chủ đề, tăng cường hoạt động trải nghiệm của trẻ ở trường mầm non dựa trên các bối cảnh giáo dục mầm non khác nhau.

CO4: Hình thành ở người học quan điểm duy vật và tư duy biện chứng trong nghiên cứu, xem xét các vấn đề về giáo dục ở nhà trường mầm non; yêu nghề, yêu trẻ, trau dồi các phẩm chất của người giáo viên mầm non.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hệ thống được các kiến thức lý luận chung về giáo dục mầm non và giáo dục tích hợp trong bậc học mầm non; tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo hướng tích hợp chủ đề và chuẩn bị cho trẻ vào học lớp 1.

- CLO 2: Phân tích rõ các vấn đề lý luận của giáo dục mầm non và giáo dục tích hợp để lựa chọn được các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

- CLO 3: Vận dụng được những kiến thức lý luận và thực tiễn về giáo dục tích hợp trong trường mầm non để lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu phát triển trẻ ở từng giai đoạn lứa tuổi.

- CLO4: Đánh giá được quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non để xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục trẻ phù hợp với độ tuổi và bối cảnh giáo dục mầm non khác nhau; tư vấn được các kiến thức về khoa học giáo dục mầm non trong cộng đồng.

- CLO 5: Thể hiện sự hứng thú đối với môn học, yêu nghề; tích cực, chủ động trong học tập và rèn luyện; hợp tác trong thảo luận nhóm; có tư duy phản biện các vấn đề chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về Giáo dục mầm non <i>1.1. Một số vấn đề khái quát về Giáo dục</i>	6	6	0	0		27

<p>mầm non</p> <p>1.1.1 Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học mầm non</p> <p>1.1.2. Yêu cầu về nội dung, phương pháp, đánh giá giáo dục mầm non</p> <p>1.1.3. Nguyên tắc giáo dục mầm non</p> <p>1.1.4. Xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới và Việt Nam</p> <p>1.2. Mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p> <p>1.2.1. Mục tiêu giáo dục các lĩnh vực phát triển của trẻ</p> <p>1.2.2. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ</p> <p>1.2.3. Hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục trẻ</p> <p>1.3. Mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mẫu giáo</p> <p>1.3.1. Mục tiêu giáo dục các lĩnh vực phát triển của trẻ lứa tuổi mẫu giáo</p> <p>1.3.2. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi mẫu giáo</p> <p>1.3.3. Hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mẫu giáo</p>					
<p>Chương 2: Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>2.1. Khái niệm của việc tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mầm non.</p> <p>2.2. Ý nghĩa của việc tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mầm non</p> <p>2.3. Một số yêu cầu khi tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non.</p> <p>2.4. Tổ chức sinh hoạt hàng ngày cho trẻ tuổi nhà trẻ</p> <p>2.5. Tổ chức sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mẫu giáo</p>	4	5	1		21
<p>Chương 3: Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non</p> <p>3.1. Khái niệm về giáo dục tích hợp</p>	3	4			15

<p>3.2. Ý nghĩa và mục tiêu của giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non</p> <p>3.3. Quan điểm về giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non</p> <p>3.4. Cơ sở khoa học của giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</p> <p>3.5 Chương trình giáo dục mầm non theo hướng tích hợp</p>						
<p>Chương 4: Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>4.1. Khái niệm tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>4.2. Sự cần thiết của việc tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>4.3. Một số yêu cầu tổ chức tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ mầm non</p> <p>4.4. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>4.5. Các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>4.6. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</p>	4	6	1			19,5
<p>Chương 5: Tổ chức một số hoạt động cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp</p> <p>5.1. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>5.1.1 Khái niệm, ý nghĩa của hoạt động với đồ vật.</p> <p>5.1.2. Đặc điểm phát triển hoạt động với đồ vật của trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>5.1.3. Các bước tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ dưới 3 tuổi.</p> <p>5.2. Tổ chức hoạt động vui chơi cho</p>	8	7	3			39

<p><i>trẻ mẫu giáo</i></p> <p>5.2.1. Những vấn đề chung về hoạt động vui chơi</p> <p>5.2.2. Các loại trò chơi và phương pháp hướng dẫn</p> <p>5.2.3. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ theo hướng tích hợp chủ đề.</p> <p>5.2.4. Tổ chức cho trẻ chơi ở các thời điểm khác nhau trong ngày</p> <p>5.3. Tổ chức hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non</p> <p>5.3.1. Khái niệm của việc tổ chức hoạt động học tập cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>5.3.2. Ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động học tập cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>5.3.3. Đặc điểm của việc tổ chức hoạt động học tập cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>5.3.4. Tổ chức hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo theo hướng tích hợp chủ đề ở trường mầm non</p> <p>5.3.5. Một số yêu cầu cần đảm bảo khi tổ chức hoạt động học tập tích hợp chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>5.4. Tổ chức ngày hội, ngày lễ tham quan cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>5.4.1. Ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>5.4.2. Phương pháp tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>5.4.3. Tổ chức cho trẻ mầm non đi thăm quan.</p>						
<p>Chương 6: Chuẩn bị cho trẻ mầm non vào lớp 1</p> <p>6.1. Ý nghĩa của việc chuẩn bị cho trẻ mầm non vào lớp 1</p> <p>6.2. Nội dung chuẩn bị cho trẻ mầm non vào lớp 1</p> <p>6.3. Hình thức chuẩn bị cho trẻ mầm non vào lớp 1</p> <p>6.4. Một số yêu cầu cần đảm bảo khi chuẩn bị cho trẻ vào tiểu học.</p>	2	2	1			10,5
	27	30	6	0		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; vấn đáp; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên 4			
1	Bài tập cá nhân	Rubric 1	CLO 1,2,3	30%
2	Chuyên cần	Rubric 2	CLO 5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubic 3	CLO 1-4	
4	Viết	Rubic 4	CLO 2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubic 4	CLO 1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 5	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận nhóm, làm BT thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thảo luận nhóm, bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình

1. Nguyễn Thị Hoà (2018), *Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo

2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục Mầm non*, Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

3. Nguyễn Thị Hòa (2009), *Giáo trình giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

Học phần 29. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non/ Methods of Organizing plastic activities for pre-school children

- Số tín chỉ: 03 (LT: 27; TL,BT: 30; TH: 6)
- Mã học phần: 147016
- Bộ môn quản lý học phần: Mỹ thuật.
- Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật CB, Mỹ thuật(KTNC), Kỹ năng làm ĐD ĐC.

1. Mô tả học phần

- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non như: Đặc điểm sự phát triển hoạt động tạo hình

của trẻ; Mục đích, nhiệm vụ, nội dung và ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động tạo hình; Một số yêu cầu về việc lập kế hoạch và đánh giá tổ chức HĐTH; Các hình thức TCHĐTH; Các phương pháp HĐTH vẽ, nặn, xếp dán, lắp ghép; Cho trẻ làm quen tác phẩm nghệ thuật TH phát triển năng lực cảm thụ thẩm mỹ và Theo dõi, đánh giá HĐTH.

- Sinh viên biết nghiên cứu về đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ để có được cách nhìn về thị hiếu thẩm mỹ một cách đúng đắn

- Sinh viên biết lập kế hoạch và tổ chức hoạt động tạo hình cụ thể của từng chủ đề trong năm, xây dựng môi trường giáo dục hợp lý. Biết soạn giáo án và tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non cho trẻ Mầm non đáp ứng các yêu cầu mới của giáo dục hiện đại theo hướng tiếp cận khoa học, phát huy tính tích cực, sáng tạo vào trẻ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được những kiến thức lý luận chung về phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non: Đặc điểm sự phát triển hoạt động tạo hình của trẻ; Mục đích, nhiệm vụ, nội dung và ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động tạo hình; Yêu cầu về việc lập kế hoạch và đánh giá tổ chức HĐTH; Các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTH; Cho trẻ làm quen tác phẩm nghệ thuật TH

- CO2: Người học hiểu được cách lập kế hoạch. Vận dụng kiến thức vào xây dựng mục tiêu hoạt động; Chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất trong giờ hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non

- Có khả năng phân tích, đánh giá lập kế hoạch, tổ chức tập giảng và xử lý tình huống sư phạm

- CO3: Người học có đủ năng lực để thực hiện việc lập kế hoạch và tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non. Biết nhận thức, đánh giá thẩm mỹ đúng đắn, phù hợp với truyền thống dân tộc, thời đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được những kiến thức lý luận chung về phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non.

- CLO2: Phân tích được các kỹ năng cơ bản trong việc lập kế hoạch và tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non. Hiểu được cách vận dụng kiến thức vào xây dựng mục tiêu hoạt động.

- CLO3: Người học khả năng điều chỉnh lập kế hoạch và tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ.

- CLO4: Người học có khả năng sáng tạo trong việc chuẩn bị cơ sở vật chất, làm đồ dùng dạy học, lập kế hoạch và tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non theo nhiều nội dung, yêu cầu của chủ điểm, chủ đề theo các thể loại và loại hình HĐTH. Biết phân tích, nhận xét, đánh giá về kế hoạch, tổ chức tập giảng, xử lý tình huống sư phạm để đạt được kết quả tốt trong HĐTH.

- CLO5: Người học đủ năng lực, kiến thức, thị hiếu thẩm mỹ và nhận thức, đánh giá thẩm mỹ đúng đắn, phù hợp với truyền thống dân tộc, thời đại.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1: Hoạt động tạo hình của trẻ Mầm non</p> <p>1. Nguồn gốc, bản chất HĐTH</p> <p>2. Quá trình hình thành và phát triển HĐTH ở trẻ em</p> <p>3. Một số đặc điểm cơ bản của HĐTH</p> <p>3.1. Giai đoạn tiền tạo hình</p> <p>3.2. Giai đoạn tạo hình</p> <p>4. Đặc điểm ngôn ngữ tạo hình ở trẻ em</p>	3	2				12
<p>Chương 2: Mục đích, nhiệm vụ, nội dung và ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non</p> <p>1. Mục đích của việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em</p> <p>2. Các nhiệm vụ cơ bản của việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ</p> <p>3. Nội dung cơ bản của HĐTH cho trẻ MN</p> <p>3.1. Nguyên tắc lựa chọn và sắp xếp nội dung HĐTH.</p> <p>3.2. Nội dung của HĐTH cho trẻ MN</p> <p>4. Ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động tạo hình trong việc giáo dục và phát triển toàn diện cho trẻ MN</p> <p>4.1. HĐTH đối với sự phát triển trí tuệ, nhận thức.</p> <p>4.2. HĐTH đối với việc giáo dục tình cảm, đạo đức, kỹ năng giao tiếp xã hội.</p> <p>4.3. HĐTH đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ.</p>	2	1				7,5

4.4. HĐTH đối với sự phát triển thể chất của trẻ. 4.5. HĐTH đối với việc chuẩn bị cho trẻ đi học ở trường phổ thông.						
Chương 3: Một số yêu cầu về lập kế hoạch và đánh giá hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm 1. Lập kế hoạch cho chương trình HĐTH 1.1. Yêu cầu chung của chương trình HĐTH 1.2. Một số nguyên tắc của việc sắp xếp các bài học, các hoạt động trong chương trình HĐTH 1.3. Gợi ý về việc lập kế hoạch cho chương trình 1.4. Lập kế hoạch cho một giờ hoạt động tạo hình 2. Tổ chức giờ HĐTH 2.1. Chuẩn bị 2.2. Tổ chức hoạt động 3. Tổ chức môi trường cho HĐTH 4. Đánh giá hoạt động tạo hình 4.1. Quan sát, theo dõi giờ HĐTH: 4.2. Lập bảng phân tích, nhận xét	2	1	1			9
Chương 4: Các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non 1. Phân loại tiết các hình thức tổ chức HĐTH 1.1. Tổ chức hoạt động tạo hình trên tiết học 1.2. Tổ chức hoạt động tạo hình ngoài tiết học 1.3. Một số cách phân loại hình thức tổ chức HĐTH khác 2. Các yêu cầu tổ chức tiết học tạo hình 3. Cách thức phối hợp các hình thức tổ chức HĐTH	3	2	1			13,5

<p>Chương 5: Các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình trong trường Mầm non</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Cơ sở phân loại</p> <p>3. Các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình</p> <p>3.1. Nhóm các phương pháp thông tin, tiếp nhận</p> <p>3.2. Nhóm các phương pháp thực hành ôn luyện</p> <p>3.3. Nhóm các phương pháp tìm tòi sáng tạo</p> <p>3.4. Nhóm các biện pháp vui chơi</p>	3	2	2		15
<p>Chương 6: Tổ chức hoạt động vẽ cho trẻ Mầm non</p> <p>1. Nội dung giáo dục và phát triển của chương trình hoạt động</p> <p>1.1. Trẻ dưới 3 tuổi.</p> <p>1.2. Trẻ 3-4 tuổi.</p> <p>1.3. Trẻ 4-5 tuổi.</p> <p>1.4. Trẻ 5-6 tuổi.</p> <p>2. Điều kiện vật chất cho tổ chức hoạt động.</p> <p>2.1. Vật liệu</p> <p>2.2. Dụng cụ.</p> <p>2.3. Không gian hoạt động.</p> <p>3. Tổ chức hoạt động.</p> <p>3.1. Tạo động cơ.</p> <p>3.2. Tổ chức hoạt động dưới 3 tuổi</p> <p>3.3. Tổ chức hoạt động 3- 4 tuổi</p> <p>3.4. Tổ chức hoạt động 4 -5 tuổi</p> <p>3.5. Tổ chức hoạt động 5 - 6 tuổi</p>	4	1	5	2	24
<p>Chương 7: Tổ chức hoạt động nặn cho trẻ Mầm non</p> <p>1. Nội dung giáo dục và phát triển của chương trình hoạt động</p> <p>1.1. Trẻ dưới 3 tuổi.</p> <p>1.2. Trẻ 3-4 tuổi.</p> <p>1.3. Trẻ 4-5 tuổi.</p>	2	1	1	1	10,5

<p>1.4. Trẻ 5-6 tuổi.</p> <p>2. Điều kiện vật chất cho tổ chức hoạt động nặn.</p> <p>2.1. Vật liệu</p> <p>2.2. Dụng cụ.</p> <p>2.3. Không gian hoạt động.</p> <p>3. Tổ chức hoạt động.</p> <p>3.1. Tạo động cơ.</p> <p>3.2. Tổ chức HĐ cho trẻ dưới 3 T</p> <p>3.3. Tổ chức HĐ cho trẻ 3- 4 tuổi</p> <p>3.4. Tổ chức HĐ cho trẻ 4 -5 tuổi</p> <p>3.5. Tổ chức HĐ cho trẻ 5 - 6 tuổi</p>						
<p>Chương 8: Tổ chức hoạt động xếp dán cho trẻ Mầm non</p> <p>1. Nội dung giáo dục và phát triển của chương trình</p> <p>1.1. Trẻ dưới 3 tuổi.</p> <p>1.2. Trẻ 3-4 tuổi.</p> <p>1.3. Trẻ 4-5 tuổi.</p> <p>1.4. Trẻ 5-6 tuổi.</p> <p>2. Điều kiện vật chất cho tổ chức hoạt động</p> <p>2.1. Vật liệu</p> <p>2.2. Dụng cụ</p> <p>2.3. Không gian hoạt động.</p> <p>3. Tổ chức hoạt động</p> <p>3.1. Tạo động cơ</p> <p>3.2. Tổ chức HĐ cho trẻ dưới 3T</p> <p>3.3. Tổ chức HĐ cho trẻ 3- 4 tuổi</p> <p>3.4. Tổ chức HĐ cho trẻ 4 -5 tuổi</p> <p>3.5. Tổ chức HĐ cho trẻ 5 -6 tuổi</p>	3	1	2	2		16,5
<p>Chương 9: Tổ chức hoạt động chấp ghép cho trẻ Mầm non</p> <p>1. Ý nghĩa của trò chơi chấp ghép</p> <p>1.1. Trẻ dưới 3 tuổi.</p> <p>1.2. Trẻ 3-4 tuổi.</p> <p>1.3. Trẻ 4-5 tuổi.</p>	2	1	2	1		12

<p>1.4. Trẻ 5-6 tuổi.</p> <p>2. Điều kiện vật chất cho tổ chức hoạt động</p> <p>3. Tổ chức hoạt động chấp ghép</p> <p>3.1. Tạo động cơ</p> <p>3.2. Tổ chức HĐ cho trẻ dưới 3T</p> <p>3.3. Tổ chức HĐ cho trẻ 3- 4 tuổi</p> <p>3.4. Tổ chức HĐ cho trẻ 4 -5 tuổi</p> <p>3.5. Tổ chức HĐ cho trẻ 5 -6 tuổi</p>						
<p>Chương 10: Cho trẻ làm quen với tác phẩm nghệ thuật tạo hình và phát triển năng lực cảm thụ thẩm mỹ</p> <p>1. Vai trò của tác phẩm nghệ thuật tạo hình trong việc phát triển TM cho trẻ</p> <p>2. Các yêu cầu cơ bản về các tác phẩm nghệ thuật dành cho trẻ</p> <p>2.1. Các hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm nghệ thuật tạo hình</p> <p>2.2. Yêu cầu lựa chọn tác phẩm cho trẻ.</p> <p>3- Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm nghệ thuật tạo hình</p>	1	1	1			6
<p>Chương 11: Theo dõi, đánh giá hoạt động tạo hình</p> <p>1. Các yêu cầu cơ bản của việc theo dõi, đánh giá tiết học</p> <p>1.1. Nghiên cứu tình hình chuẩn bị hoạt động.</p> <p>1.2.Theo dõi quá trình hoạt động.</p> <p>2. Đánh giá khả năng hoạt động tạo hình của trẻ</p> <p>3. Công tác tổ chức phối hợp</p> <p>3.1. Nội dung phối hợp hoạt động</p> <p>3.2. Tổ chức hoạt động</p> <p>4. Lập kế hoạch phối hợp công tác giữa nhà trường và gia đình</p> <p>4.1. Yêu cầu chung của chương trình HĐTH</p>	2	1	1			9

4.2. Một số nguyên tắc của việc sx các bài học, các hoạt động trong chương trình HĐTH. 4.3. Gợi ý về việc lập kế hoạch HĐTH.						
Tổng	27	14	16	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Phương pháp thuyết trình; Phương pháp trực quan; Phương pháp quan sát; Phương pháp vấn đáp; Phương pháp thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR Liênquan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Trắc nghiệm/ viết	Rubric bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thuyết trình (Tập dạy)	Rubric thuyết trình theo nhóm	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Thảo luận	Rubric. Thảo luận	CLO4	
4	Chuyên cần	Rubric 1đánh giá chuyên cần và thái độ	CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3	20%
Thi cuối kì – BT lớn / Tiểu luận				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá kiểm tra vấn đáp	CLO 1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn / Tiểu luận (Thay thế bài thi cuối kỳ)	Rubric đánh giá bài tiểu luận	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Sinh viên phải có tài liệu[1]
- SV phải có mặt tham gia tối thiểu 80 % số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, góp ý xây dựng bài.
- Các kỹ năng trong học phần là những kỹ năng cơ bản, mới. Mặt khác thời gian làm việc trực tiếp với giảng viên không nhiều, vì vậy SV phải tăng cường rèn luyện

ngoài giờ.

- Học liệu của môn học ít, không tập trung. Vì vậy sinh viên có thể sưu tầm tài liệu rải rác là các bài viết ở tạp chí chuyên ngành, trên mạng Internet để tăng cường vốn học liệu.

- Điểm quá trình phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 có điểm giữa kỳ(Hoặ bài tiểu luận)

- Thi kết thúc học phần: Bắt buộc SV phải tham gia dự thi khi đã được xét đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên có thể làm bài tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần.

+ Điều kiện thực hiện tiểu luận/làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7.0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ đạt từ 8.0 trở lên.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/ Bộ giáo trình bắt buộc

1. Lê Thanh Thủy, *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ MN*, NXB Đại học sư phạm (2007, 2008, 2013, 2015)

8.2. Tài liệu/ Bộ Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Trọng - Phạm Thị Sửu (1994), *Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non* - NXBGD

2. *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non* (1997), Giáo trình dùng cho đào tạo giáo viên mầm non hệ trung học SP - Nhà XBGD.

Học phần 30. Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non/

Methods of organizing musical activities for preschool children

- Số tín chỉ: 03 (27,0,36)

- Mã học phần: 147091

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Âm nhạc, Khoa Giáo dục Tiểu học.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã được học các học phần: Âm nhạc & Múa (KTCB); Đàn organ và chỉ huy dàn dựng.

- Các giờ dạy học bài tập và thực hành phải được thực hiện tại các phòng học chuyên môn đặc thù âm nhạc (phòng thực hành múa đa năng) theo nhóm nhỏ có từ 20 đến 30 sinh viên.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận về vai trò của âm nhạc đối với trẻ mầm non; đặc điểm và khả năng âm nhạc của trẻ các nhóm tuổi; mục đích và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng dạy các hoạt động âm nhạc; các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non; kiến thức, kỹ năng xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức, kỹ năng về phương pháp tổ chức

các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

- CO2: Người học hiểu được vai trò của giáo dục âm nhạc trong việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ mầm non.

- CO3: Người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng dạy các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non: Nghe nhạc; ca hát; múa và vận động theo nhạc; trò chơi âm nhạc.

- CO4: Người học vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy ở trường mầm non sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu và trình bày được những vấn đề lý luận về giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.

- CLO2: Người học phân tích, vận dụng được các kiến thức trong học phần vào thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc ở các cơ sở giáo dục mầm non.

- CLO3: Người học có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến học phần.

- CLO4: Người học có khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức về vai trò của âm nhạc đối với trẻ mầm non; phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc; các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non, vận dụng một cách hiệu quả trong thực tiễn.

- CLO5: Người học có khả năng tự đánh giá được năng lực của bản thân, từ đó làm cơ sở cho việc rèn luyện tư duy, kỹ năng và lựa chọn phương pháp học tập của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề về phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non 1.1. Vai trò giáo dục âm nhạc đối với sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách trẻ. 1.2. Đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc của trẻ mầm non. 1.3. Mục đích yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.	4 tiết					15 tiết
Chương 2: Phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc 2.1. Nghe nhạc. 2.2. Ca hát.	14 tiết		4 tiết	12 tiết		45 tiết

2.3. Múa và vận động theo nhạc. 2.4. Trò chơi âm nhạc.						
Chương 3: Các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc 3.1. Bài học âm nhạc. 3.2. Hoạt động âm nhạc trong đời sống hàng ngày. 3.3. Âm nhạc trong ngày lễ hội. 3.4. Các lực lượng hỗ trợ khác trong quá trình giáo dục âm nhạc.	6 tiết			12 tiết		40 tiết
Chương 4: Soạn giáo án và tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non 4.1. Dự giờ giáo dục âm nhạc ở Trường Mầm non Thực hành. 4.2. Hướng dẫn thiết kế soạn giáo án. 4.3. Tổ chức thực hành và thảo luận dạy các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.	3 tiết		2 tiết	6 tiết		35 tiết

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận, thực hành nghệ thuật, hoạt động nhóm thực hành, dự giờ thực tế.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, vấn đáp, thực hành.

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC + 01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3 CLO4 CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân: Vấn đáp + Thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1 CLO3	
3	Bài tập nhóm: Thực hành nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1 CLO3 CLO4	
4	Bài kiểm tra định kỳ: Vấn đáp + Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1 CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	Vấn đáp + Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1 CLO3 CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Vấn đáp + Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Lên lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo thời khóa biểu.

- Làm bài tập về nhà đầy đủ.

- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.

- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.

- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Phạm Thị Hòa (2005), *Giáo dục âm nhạc Tập II*, Nxb Đại học sư phạm - Đại học quốc gia Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Trần Minh Trí (1998), *Múa và PP dạy trẻ vận động theo nhạc*, Nxb giáo dục.

[3] Ngô Thị Nam (1995), *Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc*, Nxb giáo dục.

Học phần 31. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non/ Methods of developing language for pre-school children

- Số TC: 3 (27LT, 30TL, 6TH)

- Mã học phần: 145019

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Ngôn ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Học phần gồm các nội dung: Những vấn đề lý luận chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non; các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non: phương pháp luyện phát âm đúng, phương pháp phát triển từ, phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc, phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ cái; phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số; rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho người học những kiến thức lý luận chung: khái niệm, vai trò của ngôn ngữ đối với giáo dục trẻ tuổi mầm non, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ tuổi MN, nhiệm vụ, hình thức tổ chức các hoạt động PTNN

cho trẻ mầm non; các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non: luyện phát âm đúng, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc, dạy trẻ làm quen chữ cái, phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số; lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng lý thuyết về phương pháp PTNN khi tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp chủ đề; lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ; linh hoạt, khéo léo trong việc xử lý các tình huống sư phạm.

- CO3: Người học chủ động, tích cực trong việc tìm hiểu kiến thức về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non; tích cực học hỏi và rèn luyện để vận dụng có hiệu quả các phương pháp phát triển ngôn ngữ vào quá trình dạy trẻ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, phân tích, lý giải được các vấn đề lí luận về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non: luyện phát âm đúng, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc, dạy trẻ làm quen chữ cái; các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số.

- CLO2: Có khả năng vận dụng lý thuyết về phương pháp PTNN để thiết kế và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

- CLO3: Có kỹ năng tích hợp các nội dung phát triển ngôn ngữ vào các hoạt động ở trường mầm non; linh hoạt trong việc xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

- CLO4: Có tư duy sáng tạo, tinh thần làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác nhóm trong công việc; có tinh thần tự chủ, tự giác, đảm bảo chất lượng phát triển ngôn ngữ cho trẻ với khả năng cao nhất của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lí thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề lí luận chung về PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non 1. Khái niệm 2. Vai trò của ngôn ngữ đối với giáo dục trẻ tuổi mầm non 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ tuổi MN 4. Nhiệm vụ PTNN cho trẻ tuổi mầm non	7	8				33

5. Hình thức PTNN cho trẻ tuổi mầm non 6. Phương pháp PTNN cho trẻ tuổi mầm non						
Chương 2: Luyện phát âm cho trẻ tuổi mầm non 1. Khái niệm. 2. Nội dung. 3. Phương pháp luyện phát âm đúng	3	3				14
Chương 3: Phát triển vốn từ cho trẻ 1. Khái niệm 2. Nhiệm vụ phát triển từ cho trẻ. 3. Nội dung phát triển từ 4. Các phương pháp phát triển từ	4	4		1		20
Chương 4: Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc 1. Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp 2. Dạy trẻ diễn đạt mạch lạc	6	8		1		30
Chương 5: Chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông 1. Ý nghĩa của việc cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi làm quen chữ cái. 2. Các phương pháp cho trẻ làm quen chữ cái. 3. Dạy trẻ làm quen với chữ cái theo hướng tích hợp chủ đề. 4. Tổ chức hoạt động Làm quen chữ cái.	4	3		4		22
Chương 6: Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số 1. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non dân tộc thiểu số 2. Yêu cầu đối với việc PTNN cho trẻ mầm non dân	3	3				14

tộc thiểu số						
2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non tộc thiểu số.						

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành, hoạt động nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐRHP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO6	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO1, 2,3,4	
3	Tự luận	Rubric 4	CLO 1, 2,3,4	
4	Bài tập nhóm	Rubric 3	CLO4, 5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Tự luận	Rubric 4	CLO1,2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Vấn đáp	Rubric 5	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu bắt buộc và TLTK
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải đọc, nghiên cứu tài liệu theo các mục tiêu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần trước khi lên lớp; tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 bài kiểm tra thường xuyên và 1 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Đinh Hồng Thái (2014), *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thúy Hồng, Nguyễn Thị Phương Thảo, Đặng Văn Bình, *Phương pháp dạy học tiếng Việt như là ngôn ngữ thứ 2 cho học sinh dân tộc thiểu số cấp tiểu học*, NXB Giáo dục.

2. Đinh Thanh Tuyền (2019), *Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.

Học phần 32. Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học/ Methods of approaching literature works for pre-school children

- Số TC: 3 (27LT, 30TL, 6TH)
- Mã học phần: 145027
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Ngôn ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Văn học trẻ em

1. Mô tả học phần

Học phần gồm các nội dung chính: Những vấn đề lí luận chung về phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học (LQVTPVH); các phương pháp cho trẻ LQVTPVH: phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học, phương pháp trực quan, phương pháp đàm thoại, phương pháp giảng giải, phương pháp tổ chức các hoạt động văn học nghệ thuật; các dạng bài cho trẻ LQVTPVH; tổ chức hoạt động LQVTPVH theo hướng tích hợp chủ đề. Học phần rèn luyện và phát triển các kỹ năng: lựa chọn tác phẩm phù hợp với các nhóm/lớp mầm non; phân tích và đánh giá tác phẩm văn học; lập kế hoạch và tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở các nhóm/lớp mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho người học những kiến thức lí luận chung về phương pháp cho LQVTPVH: các nguyên tắc và hình thức cho trẻ LQVTPVH, các phương pháp dạy trẻ LQVTPVH; lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học và tổ chức hoạt động cho trẻ LQVTPVH ở trường mầm non.

- CO2: Người học vận dụng kiến thức lý thuyết về phương pháp cho LQVTPVH rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học, kỹ năng dẫn dắt trẻ tiếp thu giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm một cách phù hợp; kỹ năng tổ chức hoạt động LQVTPVH theo hướng tích hợp chủ đề; linh hoạt, khéo léo trong việc xử lí các tình huống sư phạm.

- CO3: Người học chủ động, tích cực trong việc tìm hiểu kiến thức về phương pháp cho trẻ LQVTPVH; có ý thức tìm hiểu, cập nhật những đổi mới về hình thức, phương pháp giáo dục trẻ; tích cực học hỏi và rèn luyện để vận dụng có hiệu quả các phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học vào quá trình dạy trẻ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, phân tích được các vấn đề lí luận về phương pháp cho trẻ LQVTPVH ở trường mầm non: khả năng cảm thụ tác phẩm văn học của trẻ các độ tuổi, vai trò của văn học đối với giáo dục trẻ; các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cho trẻ LQVTPVH.

- CLO2: Có khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp vào việc lập thiết kế và tổ chức các hoạt động cho trẻ LQVTPVH; kỹ năng lựa chọn tác phẩm văn học phù hợp với trẻ các độ tuổi mầm non; kỹ năng chuyển thể tác phẩm văn học thành kịch bản dành cho trẻ mẫu giáo; kỹ năng lựa chọn được nội dung tích hợp phù hợp với hoạt động LQVTPVH.

- CLO3: Thành thạo trong việc thiết kế, lập kế hoạch và tổ chức hoạt động cho

trẻ LQVTPVH; linh hoạt giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức hoạt động LQVTPVH.

- CLO4: Có khả năng làm việc độc lập, tích cực tham gia hoạt động nhóm; tự chủ, tự giác cập nhật những đổi mới về phương pháp dạy trẻ LQVTPVH; đảm bảo chất lượng cho trẻ LQVTPVH với khả năng cao nhất của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lí thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề lí luận chung về bộ môn 1. Khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ của việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học 2. Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ mầm non.	5	4				21
Chương 2: Nguyên tắc và hình thức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học 1. Các nguyên tắc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học 2. Các hình thức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	4	6				21
Chương 3: Các phương pháp cho trẻ làm quen với TP văn học 1. PP đọc, kể tác phẩm văn học 2. PP trực quan 3. PP đàm thoại 4. PP giảng giải 5. PP tổ chức các hoạt động văn học-nghệ thuật	10	6	5	1		48
Chương 4: Trò chơi đóng kịch theo tác phẩm văn học 1. Khái niệm <i>Trò chơi đóng kịch theo tác phẩm văn học</i> 2. Chuyển thể tác phẩm thành kịch bản dành cho trẻ mẫu giáo 3. Quy trình tổ chức trò chơi đóng kịch theo tác phẩm văn học	3	3				15
Chương 5: Các loại bài cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học 1. Đọc thơ cho trẻ nghe	2	3				12

2. Dạy thơ cho trẻ 3. Đọc truyện cho trẻ nghe 4. Kể chuyện cho trẻ nghe 5. Dạy trẻ kể chuyện					
Chương 6: Lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non 1. Dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học theo hướng tích hợp chủ đề. 2. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở các nhóm/lớp mầm non 3. Dự giờ tại trường mầm non 4. Tập dạy	3	3	5	21	

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành, hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDRHP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	30%
2	Tự luận	Rubric 3	CLO 1,3	
3	Bài tập nhóm	Rubric 3	CLO1,2,3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Tự luận	Rubric 3	CLO1,2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Vấn đáp	Rubric 5	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: *Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.*

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu bắt buộc và TLTK
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải đọc, nghiên cứu tài liệu theo các mục tiêu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần trước khi lên lớp; tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên.
- Điểm quá trình: *Phải có tối thiểu 4 bài kiểm tra thường xuyên và 1 bài kiểm tra giữa kỳ.*
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Lã Thị Bắc Lý (2014). *Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học*. NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

2. Hà Nguyễn Kim Giang (2015). *Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học*. NXB Giáo dục

3. Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt (2004). *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*. NXB ĐHQGHN

Học phần 33. Phương pháp hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ em/

Method of forming elementary math symbols for children

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL, 0TH)
- Mã học phần: 144110
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục nhận thức – Dinh dưỡng & Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Toán cơ sở

1. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên một hệ thống những khái niệm, kiến thức cơ sở của lý luận dạy học toán học cho trẻ mầm non, những khái niệm kiến thức về nội dung, phương pháp, biện pháp cũng như công tác lập kế hoạch tổ chức hoạt động học hình thành các biểu tượng toán học cơ bản ban đầu cho trẻ mầm non. Tổ chức dự giờ, thăm quan, tìm hiểu các hoạt động hình thành các biểu tượng toán cho trẻ ở trường mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CLO1: Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.
- CLO2: Phân tích được vai trò, nhiệm vụ, nội dung, phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với các biểu tượng toán học sơ đẳng ban đầu.
- CLO3: Phân tích được hệ thống các nguyên tắc, các phương pháp, các hình thức tổ chức hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non
- CLO4: Có kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hình thành các biểu tượng toán cho trẻ một cách linh hoạt, sáng tạo
- CLO5: Có ý thức tự giác, tích cực trong các hoạt động của học phần.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kỹ năng phân tích và triển khai nội dung chương trình hiện hành hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.
- CLO2: Ứng dụng hiệu quả các nguyên tắc, các phương pháp, các hình thức tổ chức vào quá trình hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mầm non.
- CLO3: Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động hình thành các biểu tượng toán một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ trong giai đoạn hiện nay.
- CLO4: Có kỹ năng tạo môi trường học tập phù hợp, sáng tạo giúp trẻ làm quen

các biểu tượng toán. Biết xây dựng và tổ chức thực hiện sáng tạo các hoạt động hỗ trợ hình thành các biểu tượng toán học phù hợp với các đối tượng trẻ.

- CLO5: Tích cực, chủ động, linh hoạt trong học tập và có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I: Những vấn đề chung 1.1 Vai trò của việc hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non 1.2 Đặc điểm của việc hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non 1.3 Nội dung chương trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non 1.4 Các nguyên tắc, các phương pháp, các hình thức tổ chức hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non	12	4	6		2	54
Chương II: Phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non 2.1 Phương pháp hình thành các biểu tượng về Số lượng cho trẻ mầm non 2.2 Phương pháp hình thành các biểu tượng về kích thước cho trẻ mầm non 2.3 Phương pháp hình thành các biểu tượng về hình dạng cho trẻ mầm non 2.4 Phương pháp hình thành các biểu tượng về định hướng trong không gian cho trẻ mầm non	15	4	18		2	81
Tổng	27	8	24		4	135

5. Phương pháp dạy - học

- Thuyết trình
- Thảo luận
- Hướng dẫn bài tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO4	30%
2	Thảo luận	Rubric 2	CLO1, 2,3	
3	Viết	Rubric 3	CLO1,2,3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric4	CLO1,2	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 5	CLO1,2,3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

+ Phải có đủ các tài liệu [1], [2], [3]. Phải đọc trước tài liệu theo các mục tiêu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần.

+ Phải tham gia học ít nhất 80% số tiết học trên lớp (lý thuyết, bài tập, thảo luận).

+ Phải tự giác, chủ động trong việc đọc tài liệu (với sự tư vấn của giảng viên) để hoàn thành các mục tiêu đề ra. Hoàn thành đề cương các nội dung của học phần đúng thời gian quy định.

+ Sinh viên phải tham gia đầy đủ và hoàn chỉnh các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra tuần, kiểm tra tháng và kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ. Nếu vắng mặt không phép trong bài kiểm tra nào thì nhận điểm không đối với bài kiểm tra đó.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Đỗ Thị Minh Liên, (2022), *Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*, NXB Đại học sư phạm.

8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục mầm non* (Kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/04/2021, Ban hành chương trình giáo dục mầm non).

[3] Đinh Thị Nhung (2001), *Toán và các phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo 1,2*, NXB ĐH quốc gia HN.

Học phần 34. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non/ Methods of physical education for preschool children

- Số tín chỉ học tập: 03 (LT:25; TL/BT:24; TH:16)
- Mã học phần: 144017
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa Giáo dục Mầm non
- Điều kiện tiên quyết: Sinh lý trẻ em
- Đề xuất dạy kỳ 7

1. Mô tả tóm tắt học phần

- Nội dung học phần:

Học phần Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non gồm: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; đặc điểm phát triển thể chất của trẻ mầm non; nhiệm vụ, nguyên tắc, phương tiện; nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.

- Năng lực đạt được:

Học phần hình thành, rèn luyện và phát triển các kỹ năng thực hiện các bài tập thể chất ở từng độ tuổi; kỹ năng hướng dẫn trẻ thực hiện các bài tập thể chất phù hợp với từng độ tuổi; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ thông qua các hình thức khác nhau, ở từng độ tuổi theo hướng tích hợp và định hướng trải nghiệm, đáp ứng chuẩn đầu ra, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và xu thế xã hội.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Trang bị cho người học những vấn đề chung về giáo dục thể chất cho trẻ; đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của GDTC cho trẻ; đặc điểm phát triển thể chất và nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ em.

CO2: Trang bị cho người học các nguyên tắc, phương tiện, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục thể chất phù hợp với từng độ tuổi cho trẻ ở trường mầm non.

CO3: Rèn luyện cho người học kỹ năng thực hiện các bài tập thể chất một cách thành thạo; kỹ năng hướng dẫn trẻ thực hiện các bài tập thể chất phù hợp với từng độ tuổi; kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở từng độ tuổi theo hướng tích hợp chủ đề và định hướng trải nghiệm, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

CO4: Người học chủ động tiếp nhận kiến thức, tích cực tham gia học tập, thảo luận nhóm, chủ động đề xuất ý tưởng, chia sẻ kiến thức; say mê tìm hiểu, nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Phân tích, lý giải được những vấn đề chung về giáo dục thể chất cho trẻ; đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của GDTC cho trẻ; đặc điểm phát triển thể chất và nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ em.

CLO2: Phân tích rõ các nguyên tắc, phương tiện, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; vận dụng sáng tạo trong đề xuất các hình thức, biện pháp trong quá trình giáo dục thể chất phù hợp cho trẻ từng độ tuổi ở trường mầm non.

CLO3: Có kỹ năng thực hiện các bài tập thể chất, kỹ năng hướng dẫn trẻ thực hiện các bài tập thể chất phù hợp với từng độ tuổi của trẻ mầm non.

CLO4: Vận dụng linh hoạt, sáng tạo nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình

thức tổ chức... để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở từng độ tuổi theo hướng tích hợp chủ đề và định hướng trải nghiệm, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

CLO5: Chủ động tiếp thu kiến thức, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, tự tin tham gia thảo luận nhóm, tham gia đề xuất ý tưởng, chia sẻ kiến thức. Say mê tìm hiểu, nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 1. Một số khái niệm cơ bản trong lý luận GDTC 1.1. Phát triển thể chất 1.2. Giáo dục thể chất 1.3. Văn hóa thể chất 2. Đối tượng nghiên cứu của GDTC cho trẻ mầm non 3. Nhiệm vụ nghiên cứu 4. Phương pháp nghiên cứu GDTC cho trẻ	2	2			9
Chương 2: Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ và nhiệm vụ GDTC cho trẻ mầm non 1. Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ MN 1.1. Đặc điểm phát triển cơ thể của trẻ mầm non 1.2. Đặc điểm phát triển sinh lý vận động của trẻ 2. Nhiệm vụ GDTC cho trẻ mầm non 2.1. Bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho trẻ 2.2. Nhiệm vụ giáo dục 2.3. Nhiệm vụ giáo dục	3	1			10.5
Chương 3: Các nguyên tắc GDTC cho trẻ mầm non 1. Cơ sở xuất phát	2	1			7.5

<p>2. Các nguyên tắc GDTC cho trẻ mầm non</p> <p>2.1. Nguyên tắc hệ thống</p> <p>2.2. Nguyên tắc tự giác và tích cực</p> <p>2.3. Nguyên tắc trực quan</p> <p>2.4. Nguyên tắc vừa sức và chú ý đặc điểm cá nhân</p>					
<p>Chương 4: Phương tiện GDTC cho trẻ mầm non</p> <p>1. Đặc điểm chung về các phương tiện GDTC cho trẻ mầm non</p> <p>2. Phương tiện vệ sinh</p> <p>2.1. Chế độ vệ sinh trong luyện tập cho trẻ mầm non</p> <p>2.2. Vệ sinh thiết bị, dụng cụ thể dục</p> <p>2. Phương tiện thiên nhiên</p> <p>3.1. Ánh sáng</p> <p>3.2. Không khí</p> <p>3.3. Nước</p> <p>3. Bài tập thể chất</p>	2	1			7.5
<p>Chương 5: Nội dung GDTC cho trẻ mầm non</p> <p>1. Đội hình đội ngũ</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Ý nghĩa</p> <p>1.3. Nội dung cho từng lứa tuổi</p> <p>2. Bài tập phát triển chung</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Ý nghĩa</p> <p>2.3. Phân loại bài tập phát triển chung</p> <p>2.4. Nội dung luyện tập bài tập phát triển chung cho từng độ tuổi</p> <p>3. Bài tập vận động cơ bản</p> <p>3.1. Khái niệm bài tập vận động cơ bản</p> <p>3.2. Ý nghĩa</p> <p>3.3. Phân loại</p> <p>3.4. Nội dung</p> <p>4. Trò chơi vận động</p> <p>4.1. Khái niệm</p> <p>4.1. Ý nghĩa</p> <p>4.2. Phân loại trò chơi vận động</p>	5		12		33

4.4. Nội dung cho từng độ tuổi					
Chương 6: Các phương pháp GDTC cho trẻ trong trường mầm non 1. Nhóm phương pháp trực quan 1.1. Sử dụng trực quan thị giác, xúc giác, thính giác 1.2. Mô phỏng bài tập thể chất 1.3. Sử dụng tài liệu trực quan 2. Nhóm phương pháp dùng lời 2.1. Sử dụng tên gọi bài tập 2.2. Miêu tả bài tập vận động 2.3. Giải thích 2.4. Chỉ dẫn 2.5. Đàm thoại 3. Nhóm phương pháp thực hành 3.1. Phương pháp luyện tập 3.2. Phương pháp sử dụng trò chơi 3.3. Phương pháp thi đua 4. Sự phối hợp giữa các nhóm phương pháp trong quá trình GDTC cho trẻ mầm non	6	4			24
Chương 7: Các hình thức giáo dục thể chất cho trẻ theo hướng tích hợp chủ đề ở trường mầm non 1. Đặc điểm chung về các hình thức GDTC cho trẻ mầm non 2. Các hình thức tổ chức GDTC cho trẻ mầm non 2.1. Hình thức cả lớp 2.2. Hình thức nhóm 2.3. Hình thức cá nhân 3. Yêu cầu đối với giáo viên khi chuẩn bị tổ chức các hình thức GDTC cho trẻ mầm non 4. Hình thức giáo dục thể chất thông qua tiết học thể dục theo hướng tích hợp chủ đề ở trường mầm non 4.1. Ý nghĩa 4.2. Cấu trúc và nội dung của một tiết học thể dục 4.3. Cách tiến hành	5	15	4		43.5

5. Hình thức giáo dục thể chất ngoài tiết học theo hướng tích hợp chủ đề ở trường mầm non					
5.1. Thẻ dực buổi sáng					
5.2. Thẻ dực chống mệt mỏi					
5.3. Trò chơi vận động					
5.4. Đạo chơi					
5.5. Tham quan					
5.6. Hội thể dực thể thao					

5. Phương pháp dạy – học:

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, thảo luận, quan sát, thực hành theo nhóm, nghiên cứu tình huống.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Viết tự luận	Rubric (Đánh giá bài kiểm tra viết)	CLO1,2	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric (Đánh giá thảo luận)	CLO1,2,3,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric (Đánh giá chuyên cần)	CLO5	
4	Bài tập cá nhân	Rubric (Đánh giá bài tập cá nhân)	CLO1,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết	Rubric (Đánh giá bài kiểm tra viết)	CLO 1,2,3,4	20%
Thi cuối kì – Bài tập lớn /Tiểu luận				
1	Vấn đáp - thực hành	Rubric (Đánh giá bài thi kết thúc học phần)	CLO 1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn/Tiểu luận(Thay thế bài thi cuối kỳ)	Rubric (Đánh giá bài tập lớn/Tiểu luận)	CLO 1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đặng Hồng Phương (2008), *Giáo trình Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo

2. Hoàng Thị Bưởi (2001), *Phương pháp giáo dục thể chất trẻ em*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Hồ Thị Dung (CB), Phạm Thị Hòa (2023), *Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo hiện nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Học phần 35. Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non/ Methods of organizing activities to explore the surrounding environment for preschooler

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 36TL)

- Mã học phần: 144027

- Bộ môn quản lý học phần: BM Giáo dục Nhận thức – Dinh dưỡng & Thể Chất

- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về môn học: Đối tượng, nhiệm vụ; cơ sở khoa học; phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của bộ môn. Mục đích, nhiệm vụ và nội dung hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh; Các phương pháp, biện pháp và hình thức hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh; Phương tiện điều kiện hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản của môn học: Đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học.

CO2: Sinh viên hiểu sâu sắc về mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

CO3: Nắm vững các phương pháp, biện pháp và các hình thức tổ chức hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

CO4: Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ trong giai đoạn hiện nay.

CO5: Có ý thức tự giác, tích cực trong các hoạt động.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học có kiến thức cơ bản về môi trường xung quanh. Hiểu về về mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

CLO2: Sinh viên có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm

quen với môi trường xung quanh một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ trong giai đoạn hiện nay.

CLO3: Có khả năng hình thành ý tưởng – thiết kế- thực hiện- đánh giá các hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non.

CLO4: Chủ động, linh hoạt, có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Mở đầu 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của môn học 1.2. Những cơ sở khoa học của môn học 1.3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của môn học	3	2				12
Chương II. Những vấn đề lí luận chung của môn học 2.1. Vai trò của tri thức đối với sự phát triển của trẻ em 2.2. Quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ em 2.3. Đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ em	3	2				12
Chương III: Mục đích, nhiệm vụ và nội dung hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 3.1. Mục đích hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 3.2. Nhiệm vụ hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 3.3. Nội dung hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 3.3.1. Nguyên tắc xác định nội dung 3.3.2. Nội dung hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	6	4				24
Chương IV: Các phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	9	7				37,5

4. 1. Nhóm phương pháp trực quan 4.2. Nhóm phương pháp dùng lời nói 4. 3. Nhóm phương pháp thực hành 4.4 Môi quan hệ giữa các phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 5. Môi quan hệ giữa các phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 6. Các phương pháp hướng dẫn trẻ có ngôn ngữ khác biệt làm quen với MTXQ					
Chương V: Các hình thức hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 5.1. Hình thức tiết học 5.2. Hình thức ngoài tiết học	5	7		10	40,5
Chương VI: Các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 6.1. Các nguyên tắc lựa chọn phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 6.2. Các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 6.3. Phối hợp sử dụng các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	1	2		2	7

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận theo nhóm, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO 1-5	30%
2	Thuyết trình	Rubric 4	CLO 1-5	
3	Bài tập nhóm/ thảo luận	Rubric 2	CLO 1-5	
4	Cá nhân	Rubric 3	CLO 1-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	Viết	Rubric 3	CLO 1-3	20%
III	Thi cuối kì (01)			
	Viết/tiểu luận	Rubric 5	CLO 1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Hoàng Thị Phương (2015), *Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*, NXB Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2008), *Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*, NXB GD, HN.

2. Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Nga (2015). *Các hoạt động khám phá khoa học của trẻ mầm non, theo chương trình giáo dục mầm non mới*. NXB Giáo dục

Học phần 36. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non /

Professional training in preschool pedagogy

- Số tín chỉ học tập: 03 (15LT,18TL,18BT, 24TH)
- Mã học phần: 147018
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục Ngôn ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên mầm non. Vận dụng các vấn đề lý thuyết để thực hành các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm giáo dục mầm non (GDMN), rèn luyện các kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ MN và các kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan đến nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên mầm non.

- CLO2: Người học có kỹ năng nghiệp vụ giáo dục mầm non để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực GDMN và xử lý tốt các tình huống

- CO3: Người học có thái độ tự tin, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm liên quan đến các lĩnh vực GDMN; có năng lực giao tiếp và hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập và nghề nghiệp sau này.

- CO4: Có khả năng tự đánh giá và tự học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để thực hành các kỹ năng nghiệp vụ

thuộc các lĩnh vực về GDMN, phát triển năng lực bản thân, thích ứng với sự vận động, phát triển của giáo dục mầm non trong bối cảnh hiện nay.

CLO2: Hình thành được hệ thống kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với giáo dục mầm non bao gồm các kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.

CLO3: Tổ chức, điều khiển được các hoạt động giáo dục trẻ mầm non; phối kết hợp các kỹ năng để xử lý các công việc chuyên môn một cách chính xác và hiệu quả.

CLO4: Tích cực, sáng tạo trong việc ứng dụng các nội dung học phần vào thực tiễn giao tiếp, công tác và dạy học theo chương trình giáo dục mầm non, đáp ứng nhu cầu đổi mới của GDMN và của xã hội.

CLO5: Tự tin, chủ động và khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; tự đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn liên quan đến GDMN; có khả năng tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Rèn luyện các kỹ năng chung trong GDMN 1. Khái quát chung về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2. Rèn luyện các kỹ năng cơ bản Mục đích, ý nghĩa Nội dung thực hiện 2.2.1. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong GDMN 2.2.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch trong GDMN 2.2.3. Kỹ năng làm việc nhóm trong GDMN 2.4. Kỹ năng giải quyết vấn đề 2.5. Kỹ năng tự học	3	4	4	5		28.5
Chương 2. Rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ ở trường mầm non 1. Mục đích, ý nghĩa 2. Nội dung thực hiện 2.1. Kỹ năng tổ chức bữa ăn cho trẻ 2.2. Kỹ năng tổ chức giấc ngủ cho trẻ 2.3. Kỹ năng tổ chức vệ sinh cho trẻ 2.4. Kỹ năng tổ chức chăm sóc sức khỏe và	4	4	5	7		36

<p>đảm bảo an toàn cho trẻ</p> <p>3. Kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc trẻ ở trường MN</p> <p>3.1. Kỹ năng lập kế hoạch các hoạt động chăm sóc trẻ ở trường MN</p> <p>3.2. Kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc trẻ ở trường MN</p>					
<p>Chương 3. Rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nhà trẻ ở trường mầm non</p> <p>1. Mục đích, ý nghĩa</p> <p>2. Nội dung thực hiện</p> <p>2.1. Kỹ năng TC các HĐGD phát triển thể chất cho trẻ</p> <p>2.2. Kỹ năng TC các HĐGD phát triển nhận thức cho trẻ</p> <p>2.3. Kỹ năng TC các HĐGD phát triển ngôn ngữ cho trẻ</p> <p>2.4. Kỹ năng TC các HĐGD phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ cho trẻ</p> <p>3. Rèn kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nhà trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.1. Kỹ năng lập kế hoạch các hoạt động giáo dục trẻ nhà trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.2. Kỹ năng TC các HĐGD trẻ nhà trẻ ở trường mầm non</p>	4	6	4	6	36
<p>Chương 4. Rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo ở trường mầm non</p> <p>1. Mục đích, ý nghĩa</p> <p>2. Nội dung thực hiện</p> <p>2.1. Kỹ năng TC các HĐGD phát triển thể chất</p> <p>2.1.1. Phát triển vận động</p> <p>2.1.2. Kỹ năng TC các HĐGD dinh dưỡng và sức khỏe</p> <p>2.2. Kỹ năng TC các HĐGD phát triển nhận thức</p> <p>2.3. Kỹ năng TC các HĐGD phát triển ngôn ngữ</p> <p>2.4. Kỹ năng TC các HĐGD phát triển tình</p>	4	4	5	6	34.5

cảm, kỹ năng xã hội 2.5. Kỹ năng TC các HĐGD phát triển thẩm mỹ 3. Rèn kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo ở trường mầm non 3.1. Kỹ năng lập kế hoạch các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo ở trường mầm non 3.2. Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo ở trường mầm non						
Tổng	15	18	18	24		135

5. Phương pháp dạy - học

Các hình thức dạy học sử dụng trong học phần: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành, tham quan thực tế.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO 4,5	30%
2	Thuyết trình	Rubric 6	CLO 1,2,3,6	
3	Bài tập nhóm/ thảo luận	Rubric 2	CLO 1-6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 3	CLO 1,3,4	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Vấn đáp/Thực hành	Rubric 3, 6	CLO 1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên). Tích cực nghiên cứu tài liệu theo các mục tiêu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần trước khi lên lớp; tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên. Tham gia đầy đủ và hoàn thành hiệu quả các nhiệm vụ cụ thể được phân công trong quá trình học tập.

- Tài liệu, giáo trình: Sinh viên phải có tài liệu, giáo trình học tập

- Kiểm tra, đánh giá: hoàn thành bài 3 bài kiểm tra thường xuyên và 1 bài kiểm tra giữa kỳ; thi kết thúc học phần/hoặc làm bài tập tiểu luận thay thế nếu đủ điều kiện theo quy định.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Việt Bắc (2007), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, Nxb Giáo dục. H.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. ThS. Nguyễn Thị Cẩm Tú - ThS. Nguyễn Thị Sương Lan (2022), *Rèn luyện*

nghiệp vụ sư phạm mầm non, Nxb Nghệ An.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục Mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

Học phần 37. Đánh giá trong giáo dục mầm non/Assesmet in early childhood education

- Số tín chỉ: 03 (20LT, 26TL, 24TH)
- Mã học phần: 144019
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Nhận thức - Dinh dưỡng & Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học Mầm non

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non bao gồm: đánh chất lượng giáo dục trường mầm non; đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non; đánh giá sự phát triển của trẻ. Bên cạnh đó rang bị cho người học những kiến thức thực tế về đánh giá các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ tại các môi trường giáo dục mầm non ở một số vùng miền khác nhau.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Trang bị cho người học các nội dung cơ bản trong đánh giá giáo dục mầm non như: đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN; đánh giá cơ sở vật chất; đánh giá chương trình GDMN; đánh giá sự phát triển của trẻ
- CO2: Cung cấp cho người học các phương pháp sử dụng để đánh giá trong Giáo dục Mầm non.
- CO3: Hình thành và rèn luyện kỹ năng lập phiếu quan sát đánh giá; thiết kế bài tập phù hợp, phiếu khảo sát để đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ.
- CO4: Trang bị cho người học những kiến thức thực tế về đánh giá hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ ở các trường mầm non thuộc nhiều vùng miền khác nhau.
- CO5: Rèn luyện ý thức và thái độ tích cực trong học tập, tự giác trong làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát được những nội dung cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non; tổng hợp được các phương pháp thường sử dụng để đánh giá trong giáo dục Mầm non.
- CLO2: Vận dụng được các phương pháp để đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non; đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục MN; đánh giá chương trình giáo dục mầm non; đánh giá sự phát triển của trẻ.
- CLO3: Thiết kế được phiếu quan sát, bài tập đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên MN, đánh giá sự phát triển của trẻ.
- CLO4: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non để quan sát, đánh giá thực tế các hoạt động chăm sóc – giáo dục ở các trường mầm non thuộc nhiều vùng miền khác nhau.
- CLO5: Có thái độ nghiêm túc trong học tập. Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận nhóm trên lớp, phản biện lại các vấn đề thảo luận luận của các nhóm đưa ra.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	LT	TL	BT			
<p>Chương 1: Những vấn đề chung về đánh giá trong GDMN</p> <p>1.1. Khái niệm, vai trò, chức năng và yêu cầu đánh giá trong giáo dục mầm non</p> <p>1.2. Mục tiêu giáo dục - cơ sở của đánh giá trong giáo dục mầm non</p> <p>1.3. Nội dung và phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non</p>	3	4			15	
<p>Chương 2: Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục trường mầm non</p> <p>2.1. Cơ sở giáo dục mầm non và chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục mầm non</p> <p>2.1.1. Cơ sở giáo dục mầm non</p> <p>2.1.2. Chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non</p> <p>2.2. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non</p> <p>2.2.1. Tổ chức và quản lý nhà trường</p> <p>2.2.2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ</p> <p>2.2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi</p> <p>2.2.4. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</p> <p>2.2.5. Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</p> <p>2.3. Quy trình đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non</p>	4	4			18	
<p>Chương 3: Đánh giá chương trình GDMN</p> <p>3.1. Chương trình giáo dục mầm non</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Sự phát triển của chương trình giáo dục mầm non ở Việt Nam</p> <p>3.2. Đánh giá chương trình giáo dục mầm non</p>	3	4			15	

3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Các loại đánh giá chương trình giáo dục mầm non 3.2.3. Quy trình đánh giá chương trình giáo dục mầm non					
Chương 4: Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non 4.1. Vai trò, nhiệm vụ của giáo viên mầm non 4.2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non 4.3. Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo chuẩn 4.3.1. Yêu cầu đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non 4.3.2. Quy trình đánh giá và xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non 4.3.3. Xếp loại kết quả đánh giá 4.3.4. Chu kì đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	4	4	1		19.5
Chương 5: Đánh giá sự phát triển của trẻ 5.1. Khái niệm đánh giá sự phát triển của trẻ 5.2. Mục đích đánh giá sự phát triển của trẻ MN 5.3. Nguyên tắc đánh giá sự phát triển của trẻ MN 5.3.1. Đánh giá trẻ trong mối quan hệ biện chứng giữa các mặt phát triển 5.3.2. Đánh giá trẻ trong môi trường sống hàng ngày 5.3.3. Đánh giá trẻ trong hoạt động 5.3.4. Đánh giá trẻ trong sự phát triển 5.3.5. Đánh giá phù hợp với lứa tuổi 5.4. Hình thức, nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non 5.4.1. Đánh giá trẻ hàng ngày 5.4.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn 5.5. Phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	6	4	2		27
Chương 6: Thực hành môn học Tìm hiểu thực tế tại các vùng miền khác nhau		3		24	40.5

về hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ để thực hiện việc đánh giá thực tế hoạt động nghề nghiệp của GVMN; chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; các mô hình giáo dục MN; sự phát triển của trẻ.						
--	--	--	--	--	--	--

5. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Tổ chức thực hành, tham quan thực tế tại các trường mầm non

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	30%
2	Thảo luận	Rubric 2	CLO1,2,3	
3	Viết tự luận	Rubric 3	CLO1,2,3	
4	Báo cáo thu hoạch tìm hiểu thực tế	Rubric 4	CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Viết tự luận	Rubric 5	CLO1,2	20%
III	Thi cuối kì			
1	Viết tự luận	Rubric 6	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên chuyên cần tích cực trong học tập sẽ có điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên.

- Sinh viên cần phải thực hiện đầy đủ, chất lượng các nhiệm vụ tự học, các câu hỏi, bài tập thảo luận. Tham gia đầy đủ tham quan thực tế và hoàn thành bài tập thu hoạch tìm hiểu thực tế môn học trong chương trình của học phần.

- Sinh viên phải tham 80% số tiết của học phần, nếu không tham dự đủ 80% số tiết lên lớp theo quy định sẽ không được thi học kỳ.

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Tuấn Vĩnh (2021), *Đánh giá trong giáo dục mầm non*, NXB ĐHSP Huế

8.2. Tài liệu tham khảo

2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2020), *Chương trình giáo dục Mầm non*, Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

3. Tạ Ngọc Thanh (2004), *Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục.

Học phần 38. Quản lý nhà nước về Giáo dục Mầm non /State management of Early Childhood Education

- Số TC: 2 TC (18LT, 24TL)

- Mã học phần: 144003

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục nhận thức – Dinh dưỡng và Thể chất

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý giáo dục ở trường mầm non là: Đối tượng, mục đích của QLGD MN; Nguyên tắc và các phương pháp quản lý GD MN; Các phong cách quản lý ở trường mầm non; Luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo bậc học mầm non; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non; Quản lí nhóm, lớp, quản lí trẻ ở trường mầm non và những yêu cầu về đạo đức của cán bộ quản lý và giáo viên trong trường MN.

Sau khi học xong học phần người học có khả năng vận dụng những hiểu biết về quản lý bậc học mầm non vào thực tiễn nghề nghiệp, vận dụng các quy định luật pháp để thực hiện hoạt động nghề nghiệp và giải quyết các tình huống thực tiễn có liên quan.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có kiến thức cơ bản về quản lý giáo dục ở trường mầm non cụ thể là: Đối tượng, mục đích của QLGD MN, nguyên tắc và các phương pháp quản lý GD MN; Phong cách quản lý ở trường mầm non; Luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo bậc học mầm non; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non; Quản lí nhóm, lớp và quản lí trẻ ở trường mầm non và những yêu cầu về đạo đức của cán bộ quản lý và giáo viên trong trường MN.

CO2: Hình thành ở người học một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng nhận biết cơ cấu tổ chức nhà nước về GD-ĐT, phân cấp quản lý bậc học MN; kỹ năng vận dụng đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD bậc học MN vào thực tiễn nghề nghiệp; Kỹ năng xử lý tình huống trong quản lý GD ở trường mầm non

CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, có thái độ chấp hành nghiêm túc luật pháp và những văn bản pháp quy và xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Khái quát những vấn đề cơ bản về quản lý ở trường mầm non

- CLO2: Phân tích, so sánh luật công chức, viên chức; Các vấn đề đổi mới trong QLGD.

- CLO3: Hiểu những nhiệm vụ và quyền hạn của người GVMN và công tác quản lý ở trường MN trong Luật GD 2019,. Những vấn đề liên quan đến CBQL, GV, trẻ và công tác phối hợp giữa nhà trường – gia đình và xã hội trong chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ trong điều lệ trường mầm non.

- CLO4: SV nắm vững những yêu cầu trong quản lý nhóm, lớp và quản lý trẻ ở trường mầm non; những yêu cầu về đạo đức của cán bộ quản lý và giáo viên trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường MN

-CLO5: Vận dụng kiến thức về quản lý GD mầm non vào thực tiễn nghề nghiệp, các quy định luật pháp để thực hiện hoạt động nghề nghiệp và giải quyết các tình huống thực tiễn có liên quan.

- CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần ham học hỏi đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát về quản lý giáo dục mầm non 1.1. Khái niệm quản lý, QLGD MN 1.2. Đối tượng, mục đích của QLGD MN 1.3. Nguyên tắc và phương pháp quản lý GDMN 1.4. Phong cách quản lý GDMN 1.5. Nội dung quản lý giáo dục GDMN 1.6. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về GD & ĐT bậc học MN 1.7. Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục mầm non 1.8. Những vấn đề đổi mới trong quản lý GDMN hiện nay	2	3	0	0		10,5
Chương 2: Luật công chức 2.1. Khái niệm 2.2. Nội dung luật cán bộ công chức	2	3	0	0		10,5
Chương 3: Luật viên chức 3.1. Khái niệm 3.2. Nội dung luật viên chức 3.3. So sánh luật công chức và viên chức	2	3		0		10,5
Chương 4: Luật giáo dục 4.1. Khái quát bố cục luật GD 4.2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục 2019.	2	3				10,5

4.3. Những điểm mới của Luật GD 2019						
Chương 5: Điều lệ trường mầm non 5.1. Khái quát bố cục Điều lệ trường MN 5.2. Nội dung cơ bản của Điều lệ trường mầm non.	2	3				10,5
Chương 6: Quản lý nhóm, lớp và quản lý trẻ ở trường mầm non 6.1. Yêu cầu đối với quản lý nhóm, lớp và quản lý trẻ ở trường MN 6.2. Quản lý trẻ mầm non trong nhóm, lớp. 6.3. Quản lý trẻ mầm non trong các hoạt động 6.4. Quản lý môi trường giáo dục 6.5. Quản lý các hoạt động chăm sóc, GD. 6.6. Quản lý hồ sơ nhóm, lớp	2	3				10,5
Chương 7: Tình huống trong quản lý GD ở trường mầm non 7.1. Tình huống và cách xử lý tình huống trong quản lý các hoạt động chăm sóc trẻ ở trường MN 7.2. Tình huống và cách xử lý tình huống trong quản lý các hoạt động nuôi dưỡng trẻ ở trường MN. 7.3. Tình huống và cách xử lý tình huống trong quản lý các hoạt động giáo dục trẻ ở trường MN.	2	3				10,5
Chương 8: Đạo đức của cán bộ quản lý và giáo viên trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường MN 8.1. Văn bản qui định về chuẩn mực đạo đức trong GD trẻ ở trường MN 8.2. Yêu cầu về hành vi đạo đức đối với CBQL ở trường mầm non 8.3. Yêu cầu về hành vi đạo đức đối với GV ở trường mầm non.	2	3				10,5
Tổng	18	24	0	0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; vấn đáp; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2,3,5	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 6	
	Bài thảo luận nhóm	Rubic thảo luận nhóm	CLO 2,3, 4,5	
3		Rubic thuyết trình		
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubic bài tập cá nhân	CLO 1,2,3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận nhóm, làm BT thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thảo luận nhóm, bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình

1. Phạm Việt Vượng. (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2. Cù Thị Thủy (2019), *Một số văn bản pháp quy về giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. Học viện quản lý GD, (2022), *Tình huống quản lý trong GD*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

Học phần 39. Chọn 1 trong 2 học phần sau

a. Mỹ thuật kiến thức nâng cao/Advanced knowledge art

- Số tín chỉ: 3 (21,33,15)
- Mã học phần: 147011
- Bộ môn quản lý học phần: Mỹ thuật
- Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật cơ bản

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Học phần được đề cập đến các ND kiến thức cơ bản của môn xếp dán; Kiến thức cơ bản về nghệ thuật xếp dán; Chữ mỹ thuật và ứng dụng trong trang trí; Kiến thức cơ bản của nghệ thuật điêu khắc; Cắt dán giấy hình trang trí; Xé dán tranh tĩnh vật; Cắt dán tranh minh họa; Xé dán tranh phong cảnh; Làm tranh bố cục từ kỹ thuật tổng hợp.

Môn học hệ thống các kiến thức về khái niệm, đặc điểm của nghệ thuật tranh cắt, xé dán giấy, các loại hình nghệ thuật điêu khắc (nặn) và phương pháp thể hiện làm tranh: Cắt dán giấy hình trang trí; Xé dán tranh tĩnh vật; Cắt dán tranh minh họa; Xé dán tranh phong cảnh; Làm tranh bố cục từ kỹ thuật tổng hợp...

Năng lực đạt được:

- Sinh viên nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần, hình thành và phát triển thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ.

- Người học thành thạo các kỹ năng, kỹ thuật cơ bản của nghệ thuật cắt, xé dán giấy màu, kỹ năng nặn- tạo dáng, biết vận dụng để làm các bài tập theo yêu cầu trong chương trình và sáng tạo ra các sản phẩm tạo hình phù hợp với việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về nghệ thuật xếp dán; Chữ mỹ thuật và ứng dụng trong trang trí; Kiến thức cơ bản của nghệ thuật điêu khắc; Cắt dán giấy hình trang trí; Xé dán tranh tĩnh vật; Cắt dán tranh minh họa; Xé dán tranh phong cảnh; Làm tranh bố cục từ kỹ thuật tổng hợp.

- CO2: Người học nắm vững về phương pháp thể hiện các loại tranh cắt, xé dán: Cắt dán giấy hình trang trí; Xé dán tranh tĩnh vật; Cắt dán tranh minh họa; Xé dán tranh phong cảnh; Tranh bố cục làm từ kỹ thuật tổng hợp và phương pháp nặn tạo dáng..Hình thành, phát triển thị hiếu và nhận thức thẩm mỹ.

- CO3: Hình thành và rèn luyện cho người học thành thạo các kỹ năng, kỹ thuật cơ bản của nghệ thuật cắt, xé dán giấy màu: Cắt theo hình vẽ sẵn, cắt ước lượng, cắt theo trục đối xứng, gấp cắt...; kỹ năng xé dải, xé ước lượng, xé theo hình vẽ sẵn...và các kỹ năng nặn: lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt, vuốt miết, ghép khối. Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng để hoàn thành bài tập trong chương trình và tạo ra các sản phẩm phục vụ cuộc sống công tác sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có kiến thức lý luận về nghệ thuật cắt, xé dán giấy trang trí, nghệ thuật điêu khắc và phương pháp thể hiện các loại tranh; Xé dán tranh tĩnh vật; Cắt dán tranh minh họa; Xé dán tranh phong cảnh; Làm tranh bố cục từ kỹ thuật tổng hợp, phương pháp nặn tạo tạo dáng . .

- CLO2 Người học biết trình bày, lý giải, phân tích, so sánh tổng hợp các kiến thức đã học về nghệ thuật xếp dán và nghệ thuật điêu khắc. Có được thị hiếu và nhận thức thẩm mỹ đúng đắn.

- CLO3- Người học thành thạo các kỹ năng, kỹ thuật cơ bản của nghệ thuật cắt, xé dán giấy màu: Cắt theo hình vẽ sẵn, cắt ước lượng, cắt theo trục đối xứng, gấp cắt...; kỹ năng xé dải, xé ước lượng, xé theo hình vẽ sẵn...và các kỹ năng nặn: lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt, vuốt miết, ghép khối để tạo được các sản phẩm đẹp, đa dạng.

- CLO 4: Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cắt, xé dán giấy, nặn tạo dáng đã học tập để sáng tạo ra các sản phẩm tạo hình đẹp, đa dạng phục vụ nghề nghiệp và cuộc sống sau này. Biết đánh, cảm thụ vẻ đẹp của sản phẩm tạo hình.

CLO5: Người học tự chủ và tự chia trách nhiệm trong việc vận dụng kiến thức kiến, sản phẩm tạo hình để chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1: Những kiến thức cơ bản của môn xếp dán</p> <p>1. Vài nét về đặc điểm của môn xếp dán</p> <p>1.1. Khái quát chung</p> <p>1.2. Vai trò của xé, cắt dán đối với nghệ thuật tạo hình</p> <p>2. Chất liệu và dụng cụ của xé, cắt dán</p> <p>2.1. Chất liệu.</p> <p>2.2. Dụng cụ.</p> <p>3. Các kỹ thuật cơ bản của nghệ thuật xếp dán giấy</p> <p>3.1. Các kỹ thuật cắt giấy</p> <p>3.2. Các kỹ thuật xé giấy</p> <p>4. Phương pháp tiến hành bài cắt xé dán</p>	2 tiết		4 tiết	4 tiết		18
<p>Chương 2: Chữ mỹ thuật và ứng dụng trang trí</p> <p>1. Các kiểu chữ cơ bản.</p> <p>1.1. Nguồn gốc, ý nghĩa của chữ đối với đời sống xã hội</p> <p>1.2. Chữ cơ bản và cấu trúc chữ cơ bản</p> <p>1.2.1. Kiểu chữ Baton</p>	3 tiết		4 tiết	4 tiết		21

<p>1.2.2 Kiểu chữ Romain</p> <p>2. Cách bố cục chữ.</p> <p>2.1. Khoảng cách các chữ, tiếng, dòng</p> <p>2.2. Sự biến điệu của chữ</p> <p>3. Cách kẻ, gấp, cắt chữ.</p> <p>4. Ứng dụng chữ Mĩ thuật trong trang trí.</p> <p>4.1. Trang trí báo tường</p> <p>4.2. Kẻ khẩu hiệu</p>						
<p>Chương 3: Những kiến thức cơ bản của nghệ thuật điêu khắc</p> <p>1. Vài nét về đặc điểm của nghệ thuật điêu khắc</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Các loại hình của điêu khắc</p> <p>1.3. Chất liệu và dụng cụ.</p> <p>2. Các kỹ năng cơ bản của môn nặn</p> <p>2.1. Lăn dọc</p> <p>2.2. Xoay tròn</p> <p>2.3. Ấn bẹt</p> <p>2.4. Uốn vuốt, tạo chi tiết</p> <p>3.3. Phương pháp thể hiện.</p> <p>3.1. Nặn bằng cách ghép khối</p> <p>3.2. Nặn từ một khối đất</p>	3 tiết	1 tiết	3 tiết	4 tiết		21
<p>Chương 4: Cắt dán giấy hình tranh trí</p> <p>1. Cắt dán hình theo trục đối xứng</p> <p>1.1. Cắt dán hoa lá</p> <p>1.2. Cắt dán con vật</p> <p>2. Cắt dán giấy hình trang trí</p> <p>2.1. Cắt dán trang trí đường diềm</p> <p>2.2. Cắt dán trang trí hình vuông</p> <p>3. Phương pháp thể hiện.</p>	3 tiết		4 tiết	3 tiết		19,5

Chương 5: Xé dán tranh tĩnh vật 1. Khái niệm chung về tranh tĩnh vật 2. Các loại tranh tĩnh vật 3. Phương pháp tiến hành	2 tiết		4 tiết			12
Chương 6: Cắt dán tranh minh họa 1. Khái niệm 2. Các loại tranh minh họa 3. Phương pháp cắt dán một bức tranh minh họa 3.1. Nghiên cứu nội dung chủ đề cốt truyện 3.2. Tìm phác thảo 3.3. Tìm hình 3.4. Thể hiện	2 tiết		4 tiết			12
Chương 7: Xé dán tranh phong cảnh 1. Khái quát chung về tranh phong cảnh 2. Các loại tranh phong cảnh 2.1. Tranh phong cảnh miền núi 2.2. Tranh phong cảnh miền biển 2.3. Tranh phong cảnh nông thôn 2.4. Tranh phong cảnh thành phố. 3. Phương pháp xây dựng một bài xé dán tranh phong cảnh .	3 tiết		4 tiết			15
Chương 7: Làm tranh bố cục từ chất liệu tổng hợp 1. Các kỹ thuật tạo hình 1.1. Kỹ thuật in, ấn 1.2. Làm tranh từ vật liệu thiên nhiên 2. Phương pháp xây dựng bài bố cục 2.1. Nghiên cứu, lựa chọn	3 tiết		5 tiết			16,5

nội dung chủ đề 2.2. Phác thảo 2.3. Tìm hình 2.4. Thể hiện						
Tổng	21	1	32	15		135

5. Phương pháp dạy - học

Các hình thức dạy học sử dụng trong học phần gồm: *thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành.*

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo: *chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm.*

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1,2	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1,2	
3	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO 3,4,5	
4	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO 3,4,5	
5	Bài tập thực hành nhóm	Rubric 5	CLO 2-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Bài tập thực hành cá nhân.	Rubric 4	CLO3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
1	Viết – Thực hành	Rubric 7	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kì và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].
- Sinh viên chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, có chất lượng và phù hợp với nội của bài học khi lên lớp.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số giờ học lý thuyết, thảo luận, thực hành trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kì..

- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên có thể làm bài tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần.

+ Điều kiện thực hiện tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên có 1 điểm kiểm tra thường xuyên từ 8,0 và điểm kiểm tra giữa kỳ đạt 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Ngô Bá Công, *Giáo trình Mỹ thuật cơ bản*, Nxb Đại học sư phạm, 2008.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Đàm Luyện, *Giáo trình bố cục*, Nxb Đại học Sư phạm, 2004 + 2007.

[2] Lê Đình Bình, *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn tạo hình cho trẻ em, hoạt động tạo hình*. Quyển 1. Nxb Đại học Quốc gia, 2008.

b. Mỹ thuật ứng dụng/Applied arts

- Số tín chỉ: 3 (21,33,15)

- Mã học phần: 147008

- Bộ môn quản lý học phần: Mỹ thuật

- Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật cơ bản

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Học phần được đề cập đến các ND kiến thức cơ bản về nghệ thuật xếp dán; Cắt dán giấy hình trang trí; Chữ mỹ thuật và ứng dụng trang trí; Kỹ thuật gấp tạo hình; Xé dán tranh tĩnh vật; Trang trí bảng bé ngoan; Trang trí trường lớp mầm non; Làm tranh bố cục từ chất liệu tổng hợp.

Môn học hệ thống các kiến thức về khái niệm, đặc điểm của nghệ thuật tranh cắt, xé dán giấy, các kiểu chữ cơ bản, và phương pháp thể hiện các loại tranh cắt, xé dán: Cắt dán giấy hình trang trí; Chữ mỹ thuật và ứng dụng trang trí; các kỹ thuật gấp tạo hình; Xé dán tranh tĩnh vật; Trang trí bảng bé ngoan; Trang trí trường lớp mầm non; Làm tranh bố cục từ chất liệu tổng hợp.

Năng lực đạt được:

- Sinh viên nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần, hình thành và phát triển thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ.

- Người học thành thạo các kỹ năng, kỹ thuật cơ bản của nghệ thuật gấp, cắt, xé dán, trang trí giấy màu, biết vận dụng làm các bài tập theo yêu cầu trong chương trình và sáng tạo ra các sản phẩm tạo hình, trang trí trường, lớp phù hợp với việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững thức lý luận về các nội dung học phần: Cắt dán giấy hình trang trí; Chữ mỹ thuật và ứng dụng trang trí; Kỹ thuật gấp tạo hình; Xé dán tranh tĩnh vật; Trang trí bảng bé ngoan; Trang trí trường lớp mầm non; Làm tranh bố cục từ chất liệu tổng hợp.

- CO2: Nắm vững phương pháp thể hiện các loại tranh Cắt dán hình cơ bản; Kẽ,

cắt chữ trang trí; Gấp tạo hình; Xé dán tranh tĩnh vật; Trang trí bảng bé ngoan; Trang trí trường, lớp mầm non; Làm tranh bố cục từ chất liệu khác nhau....Hình thành, phát triển thị hiếu và nhận thức thẩm mỹ đúng đắn.

- CO3- Người học được hình thành và rèn luyện thành thạo các kỹ năng, kỹ thuật cơ bản của nghệ thuật cắt, xé dán giấy màu: Cắt theo hình vẽ sẵn, cắt ước lượng, cắt theo trục đối xứng, gấp cắt...; kỹ năng xé dải, xé ước lượng, xé theo hình vẽ sẵn...và các kỹ năng kẻ chữ trang trí. Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng để hoàn thành bài tập trong chương trình và tạo ra các sản phẩm có giá trị phục vụ cuộc sống công tác sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có kiến thức lý luận về nghệ thuật gấp, cắt, xé dán giấy trang trí và phương pháp thể hiện các loại tranh: Cắt dán hình cơ bản; Kẻ, cắt chữ trang trí; Gấp tạo hình; Xé dán tranh tĩnh vật; Trang trí bảng bé ngoan; Trang trí trường, lớp mầm non; Làm tranh bố cục từ chất liệu khác nhau....

- CLO2 Người học có khả năng trình bày, lý giải, phân tích, so sánh, tổng hợp các kiến thức đã học về nghệ thuật gấp, cắt, xé dán giấy và nghệ thuật trang trí ứng dụng. Có được thị hiếu và nhận thức thẩm mỹ đúng đắn.

- CLO3: Người học có các kỹ năng, kỹ thuật thành thạo về nghệ thuật gấp, cắt, xé dán giấy màu: Cắt theo hình vẽ sẵn, cắt ước lượng, cắt theo trục đối xứng... kỹ năng xé dải, xé ước lượng, xé theo hình vẽ sẵn...và các kỹ năng trang trí.

- CLO 4: Người học có khả năng vận dụng tốt các kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật gấp cắt, xé dán giấy, trang trí đã học tập để sáng tạo ra các sản phẩm tạo hình đẹp, đa dạng có giá trị phục vụ học tập và cuộc sống công tác sau này. Biết đánh, cảm thụ vẻ đẹp của sản phẩm tạo hình.

- CLO5: Người học tự chủ và tự chia trách nhiệm trong việc vận dụng kiến thức kiến, sản phẩm tạo hình để chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những kiến thức cơ bản của môn xé dán 1. Vài nét về đặc điểm của môn xé dán 1.1. Khái quát chung 1.2. Vai trò của xé, cắt dán đối với nghệ thuật tạo hình 2. Chất liệu và dụng cụ của xé, cắt dán 2.1. Chất liệu.	2 tiết		4 tiết	3 tiết		16,5

<p>2.2. Dụng cụ.</p> <p>3. Các kỹ thuật cơ bản của nghệ thuật xếp dán giấy</p> <p>3.1. Các kỹ thuật cắt giấy</p> <p>3.2. Các kỹ thuật xé giấy</p> <p>4. Phương pháp tiến hành bài cắt xé dán</p>						
<p>Chương 2: Cắt dán giấy hình tranh trí</p> <p>1. Cắt dán hình theo trục đối xứng</p> <p>1.1. Cắt dán hoa lá</p> <p>1.2. Cắt dán con vật</p> <p>2. Cắt dán giấy hình trang trí</p> <p>2.1. Cắt dán trang trí đường diềm</p> <p>2.2. Cắt dán trang trí hình vuông</p> <p>3. Phương pháp thể hiện.</p>	3 tiết		4 tiết	3 tiết		19,5
<p>Chương 3: Chương 2: Chữ mỹ thuật và ứng dụng trang trí</p> <p>1. Các kiểu chữ cơ bản.</p> <p>1.1. Nguồn gốc, ý nghĩa của chữ đối với đời sống xã hội</p> <p>1.2. Chữ cơ bản và cấu trúc chữ cơ bản</p> <p>1.2.1. Kiểu chữ Baton</p> <p>1.2.2 Kiểu chữ Romain</p> <p>2. Cách bố cục chữ.</p> <p>2.1. Khoảng cách các chữ, tiếng, dòng</p> <p>2.2. Sự biến điệu của chữ</p> <p>3. Cách kẻ, gấp, cắt chữ.</p> <p>4. Ứng dụng chữ Mỹ thuật trong trang trí.</p> <p>4.1. Trang trí báo tường</p> <p>4.2. Kẻ khẩu hiệu</p>	3 tiết	1 tiết	3 tiết	3 tiết		19,5
<p>Chương 4: Kỹ thuật gấp giấy tạo hình</p>	3 tiết		3 tiết	3 tiết		18

<p>1. Một số quy ước và ký hiệu trong gấp giấy tạo hình</p> <p>1.1. Một số quy ước trong gấp giấy</p> <p>1.2. Một số ký hiệu về nếp gấp</p> <p>2. Các nếp gấp cơ bản và ứng dụng</p> <p>2.1. Nếp gấp cơ bản số 1 và ứng dụng</p> <p>2.2. Nếp gấp cơ bản số 2, 3 và ứng dụng</p> <p>2.3. Nếp gấp cơ bản số 4 và ứng dụng</p> <p>2.4. Nếp gấp cơ bản số 5 và ứng dụng</p> <p>2.5. Gấp một số mẫu gấp không thuộc nếp gấp cơ bản</p>					
<p>Chương 5: Xé dán tranh tĩnh vật</p> <p>1. Khái niệm chung về tranh tĩnh vật</p> <p>2. Các loại tranh tĩnh vật</p> <p>3. Phương pháp tiến hành</p>	2 tiết		4 tiết		12
<p>Chương 6: Làm tranh bố cục từ chất liệu tổng hợp</p> <p>1. Các kỹ thuật tạo hình</p> <p>1.1. Kỹ thuật in, ấn</p> <p>1.2. Làm tranh từ vật liệu thiên nhiên</p> <p>2. Phương pháp xây dựng bài bố cục</p> <p>2.1. Nghiên cứu, lựa chọn nội dung chủ đề</p> <p>2.2. Phác thảo</p> <p>2.3. Tìm hình</p> <p>2.4. Thể hiện</p>	3 tiết		5 tiết		16,5
<p>Chương 7: Trang trí bảng bé ngoan</p> <p>1. Ý nghĩa và tác dụng giáo dục của bảng bé ngoan đối với</p>	2 tiết		4 tiết		12

trẻ mầm non 2. Cách trang trí bảng bé ngoan 2.1. Bộ cục 2.2. Chia mảng 2.3. Thể hiện						
Chương 8: Trang trí trường, lớp mầm non 1. Ý nghĩa của việc trang trí trường, lớp mầm non: 2. Cách trang trí trường, lớp mầm non. 2.1. Trang trí sân trường 2.2. Trang trí lớp học 2.3. Trang trí ngày hội, ngày lễ	3 tiết		5 tiết	3 tiết		21
Tổng số:	21	1	32	15		135

5. Phương pháp dạy - học

Các hình thức dạy học sử dụng trong học phần gồm: *thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành.*

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo: *chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm.*

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1,2	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1,2	
3	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO 3,4,5	
4	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO 3,4,5	
5	Bài tập thực hành nhóm	Rubric 5	CLO 2, 3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Bài tập thực hành cá nhân.	Rubric 4	CLO3,4,5	20%
III	Thi cuối kỳ			
1	Viết – Thực hành	Rubric 7	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].
- Sinh viên chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, có chất lượng và phù hợp với nội của bài học khi lên lớp.

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số giờ học lý thuyết, thảo luận, thực hành trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kì..

- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên có thể làm bài tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần.

+ Điều kiện thực hiện tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên có 1 điểm kiểm tra thường xuyên từ 8,0 và điểm kiểm tra giữa kỳ đạt 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc (01)

[1] Ngô Bá Công, *Giáo trình Mỹ thuật cơ bản*, Nxb Đại học sư phạm, 2008.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Đàm Luyện, *Giáo trình bố cục*, Nxb Đại học Sư phạm, 2004 + 2007.

[2] Lê Đình Bình, *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn tạo hình cho trẻ em, hoạt động tạo hình*. Quyển 1. Nxb Đại học Quốc gia, 2008.

Học phần 40. Chọn một trong 2 học phần sau:

a. Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi/ The Skill making teaching aids and toys

- Số tín chỉ: 03 (LT: 15; BT,TL: 45; TH: 15)

- Mã học phần: 147054

- Bộ môn quản lý học phần: Mỹ thuật

- Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật cơ bản, mỹ thuật kiến thức nâng cao.

1. Mô tả học phần

Học phần Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về đồ dùng dạy học và đồ chơi, bao gồm:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đồ chơi, quan hệ giữa đồ chơi và trò chơi; ý nghĩa giáo dục của đồ chơi, cách bảo quản đồ chơi trong trường Mầm non; sử dụng đồ chơi hiệu quả trong quá trình tổ chức trò chơi cho trẻ, biết sắp xếp, bảo quản đồ chơi, đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ khi chơi.

- Trên cơ sở nắm vững các nguyên tắc, kỹ thuật làm các loại đồ chơi như: đồ chơi học tập, đồ chơi sân khấu âm nhạc, đồ chơi mô tả hiện tượng, đồ chơi trang trí... sinh viên biết làm một số loại đồ chơi, đồ dùng dạy học từ các loại nguyên vật liệu khác nhau, phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ Mầm non.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Nắm vững những kiến thức lí luận cơ bản về đồ chơi như: vai trò, tác dụng và cách thức sử dụng đồ chơi trong việc tổ chức, chăm sóc giáo dục trẻ Mầm non,

phương pháp phóng tranh, làm đồ dùng dạy học, cách làm đồ chơi học tập, đồ chơi mô tả hình tượng, đồ chơi sân khấu âm nhạc, đồ chơi mô tả hình tượng, kỹ thuật bồi giấy, làm đồ chơi xếp hình, đồ chơi trang trí...

CO2: Sinh viên có kỹ năng về tạo hình như vẽ, cắt dán, khâu, nhồi khối, bồi giấy, gấy, đan. Sinh viên biết cách sử dụng các vật liệu từ thiên nhiên, vật liệu tái chế để tạo thành sản phẩm đồ chơi, đồ dùng dạy học có nội dung phù hợp với trẻ mầm non; biết phối hợp các kỹ thuật và các chất liệu khác nhau để tạo hiệu quả thẩm mỹ cho sản phẩm.

CO3: Người học có đủ năng lực tự học, có thái độ học tập tích cực, tự nghiên cứu tài liệu học phần để đáp ứng cho quá trình học tập và quá trình công tác sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Người học nắm vững các kiến thức lý luận cơ bản về vai trò, tác dụng và cách thức sử dụng đồ chơi trong việc tổ chức chăm sóc giáo dục trẻ mầm non; các kiến thức cơ bản về khái niệm, vật liệu, cách bảo quản cũng như quy trình làm một số loại đồ chơi như: đồ chơi học tập, đồ chơi trang trí, đồ chơi sân khấu âm nhạc...

- CLO2: Người học hiểu và vận dụng được các yếu tố cơ bản của nghệ thuật tạo hình như: đường nét, hình mảng, bố cục, màu sắc, đậm nhạt trong quá trình thực hiện để tạo ra sản phẩm đồ chơi đẹp, phù hợp với việc giáo dục, chăm sóc trẻ mầm non.

- CLO3: Người học có khả năng sáng tạo ra nhiều sản phẩm đẹp, đa dạng, mang nội dung chủ đề khác nhau dựa trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng đã học tập tiếp thu và thể hiện trong quá trình đào tạo... Biết phân tích, nhận xét, đánh giá về chất lượng, vẻ đẹp của các sản phẩm.

- CLO4: Người học thực hiện thành thạo các kỹ năng vẽ, cắt dán, khâu, nhồi khối, bồi giấy, gấy, đan v.v...; cách xử lý các vật liệu từ thiên nhiên, vật liệu tái chế để sử dụng tạo thành sản phẩm đồ chơi có nội dung phù hợp với trẻ mầm non.

- CLO5: Người học chủ động tiếp thu kiến thức, tích cực tham gia thảo luận nhóm, đề xuất ý tưởng, chia sẻ kiến thức. Có đạo đức tốt, hứng thú học tập, say mê tìm hiểu, nghiên cứu.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về đồ chơi 1. Khái niệm về đồ chơi 2. Đặc điểm đặc trưng của đồ chơi 3. Các nguyên tắc của làm đồ chơi 4. Phân loại đồ chơi 5. Nguyên tắc phân bố và bảo	3	0	0	0		9

quản đồ chơi trong trường mầm non 6. Các nguyên liệu và kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên liệu khác nhau						
Chương 2: Phóng tranh 1. Khái niệm 2. Phương pháp phóng tranh kẻ ô vuông. 3. Phương pháp phóng tranh kẻ ô chéo. 4. Thực hành phóng tranh	2	0	3	0		10,5
Chương 3: Làm đồ chơi học tập 1. Lô tô (Tranh so hình) 2. Tranh bù chỗ còn thiếu 3. Bộ lông hộp 4. Thực hành làm đồ chơi học tập	2	0	10	6		30
Chương 4: Làm đồ chơi mô tả hình tượng 1. Khái niệm 2. Vật liệu 3. Cách làm 4. Thực hành làm đồ chơi mô tả hình tượng.	2	0	8	5		25,5
Chương 5: Bồi giấy 1. Khái niệm 2. Vật liệu, khuôn mẫu 3. Cách thể hiện	1	0	8	0		15
Chương 6: Làm đồ chơi sân khấu âm nhạc 1. Rối 2. Mũ múa 3. Mặt nạ	2	0	6	4		21
Chương 7: Làm đồ chơi xếp hình 1. Khái niệm, tác dụng 2. Nguyên liệu, dụng cụ 3. Quy trình kỹ thuật thể hiện	1	0	4	0		9
Chương 8: Làm đồ chơi trang trí	2	0	6	0		15

1. Gấp giấy						
2. Đan giấy						
3. Làm con vật bằng vỏ trứng, hộp nhựa, quả bóng .						
Tổng	15	0	45	15		135

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành-luyện tập, vấn đáp, thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Thực hành nhóm	Rubric 3	CLO2,3,4,5	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 3	CLO2,3,4,5	
3	Bài tập/ thực hành cá nhân	Rubric 2	CLO2,3,4	
4	Bài tập/ thực hành cá nhân	Rubric 2	CLO2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Bài tập/ thực hành cá nhân	Rubric 2	CLO2,3,4	20%
Thi cuối kỳ (01)				
1	Thực hành	Rubric 4	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên có thể làm bài tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần.

+ Điều kiện thực hiện tiểu luận/làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7.0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ đạt từ 8.0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Đặng Hồng Nhật (2001). *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em làm đồ chơi* (Quyển 2). Nxb Đại học Quốc gia.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Lê Đình Bình (2001). *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em* (Quyển 1). Nxb Đại học Quốc gia..

2) Đàm Hồng Quỳnh – Nguyễn Nghiệp (2003). *Tự làm đồ chơi gấp hình*. Nxb Giáo dục

b. Hướng dẫn trang trí môi trường giáo dục ở trường mầm non/ Instructions for decorating the educational environment in kindergartens

- Số tín chỉ: **03** (LT: 15; BT,TL: 15; TH: 45)

- Mã học phần: 147018

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mĩ thuật

- Điều kiện tiên quyết: Mĩ thuật cơ bản

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Học phần cung cấp các kiến thức về trang trí môi trường lớp học, trang trí trường mầm non, kẻ chữ trang trí, trang trí bảng bé ngoan và hướng dẫn thiết kế đồ chơi học tập, đồ chơi theo chủ đề, đồ chơi trang trí và vẽ phác thảo tranh tường tạo môi trường giáo dục ở trường mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được các khái niệm, đặc trưng, ý nghĩa, nguyên tắc, qui trình trong trang trí môi trường giáo dục ở trường mầm non.

- CO2: Thành thạo trong vận dụng các kiến thức lý luận về quy trình để hình thành kĩ năng vẽ, kẻ, gấp, cắt trong trang trí môi trường lớp học mầm non.

- CO3: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề thiết kế, sáng tạo trong trang trí môi trường giáo dục ở nhóm trẻ và lớp mẫu giáo để hoàn thiện phát triển năng lực chuẩn bị vật liệu, dụng cụ, thiết kế trang trí lớp học và nhà trường mầm non.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được kiến thức lý luận chung về làm đồ chơi, và trang trí môi trường lớp học mầm non.

- CLO2: Hình thành cho sinh viên một số kỹ năng về tạo hình như vẽ, kẻ, cắt dán, xé dán, gấp giấy, đan giấy để tạo ra sản phẩm trang trí lớp học mầm non.

- CLO3: Người học biết phối hợp các kỹ năng, kỹ thuật khác nhau, các chất liệu khác nhau để tạo hiệu quả thẩm mỹ cho trang trí môi trường lớp học.

- CLO4: Người học có khả năng sử dụng kết hợp một cách khéo léo, linh hoạt các kỹ năng, kỹ thuật, các vật liệu tạo hình để sáng tạo được nhiều sản phẩm đẹp và đa dạng.

- CLO5: Người học chủ động tiếp thu kiến thức, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hứng thú học tập, say mê tìm hiểu, nghiên cứu các nội dung liên quan đến thiết kế để tổ chức môi trường giáo dục nghệ thuật cho trẻ mầm non.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Trang trí môi trường lớp học mầm non 1. Ý nghĩa của việc trang trí lớp học mầm non 2. Yêu cầu của việc trang trí lớp học mầm non 3. Trình tự sắp xếp trang trí lớp học mầm non	2			2		9
Chương 2: Trang trí môi trường nhà trường mầm non 1. Ý nghĩa của việc trang trí trường mầm non 2. Yêu cầu của việc trang trí trường mầm non 3. Quy trình trang trí môi trường nhà trường mầm non 4. Thực hành vẽ phác thảo trang trí tranh tường	2	3		9		21
Chương 3: Kỹ thuật trang trí lớp học mầm non 1. Nguồn gốc các loại chữ 2. Mẫu chữ cơ bản 3. Thực hành kỹ thuật	2	2		5		13,5
Chương 4: Trang trí bảng bé ngoan (LT: 2; TH: 5; BT: 2; Tự học: 12) 1. Ý nghĩa, tác dụng bảng bé ngoan đối với trường mầm non 2. Phương pháp trang trí bảng bé ngoan 3. Thực hành trang trí bảng bé ngoan	2	2		5		12
Chương 5: Thiết kế đồ chơi học tập 1. Tranh so hình (Lô tô) 2. Tranh bù chỗ còn thiếu	2	2		8		21

3. Bộ lông hộp					
Chương 6: Thiết kế đồ chơi theo chủ đề					
1. Mũ múa	2	3		9	24
2. Mặt nạ					
3. Rối bìa					
Chương 7: Thiết kế đồ chơi trang trí					
1. Làm hoa giấy	3	3		7	24
2. Đan len					
3. Gấp đèn hình quả trám					
Tổng	15	15		45	135

5. Hình thức dạy – học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	x	
Vấn đáp	X	x	x
Tự học		x	x
Thảo luận		x	x
Thực hành		x	x
Hướng dẫn		x	x
Hoạt động nhóm	X	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Thực hành nhóm	Rubric 1	CLO1,2	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO2,3	
3	Bài tập cá nhân	Rubric 3	CLO2,3,4	
4	Thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO2,3,4	20%
Thi cuối kỳ (01)				
1	Thực hành	Rubric 5	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm

và đọc tài liệu tham khảo liên quan tới học phần, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những thắc mắc, những câu hỏi vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thuyết thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Giáo trình/tài liệu tham khảo

10.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Đặng Hồng Nhật (2001), *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em - Làm đồ chơi* (Quyển 2), NXB Đại học Quốc gia.

10.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1] Lê Đình Bình (2001), *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em* (Quyển 1), NXB Đại học Quốc gia.

[2] Đàm Hồng Quỳnh, Nguyễn Nghiệp (2003), *Tự làm đồ chơi gấp hình*, NXB Giáo dục.

Học phần 41. Chọn 1 trong 2 học phần sau

a. Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non / Inclusive Education of Children With Disabilities at Preschool

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 36TL,BT)
- Mã học phần: 144018
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Nhận thức - Dinh dưỡng & Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm những nội dung sau: Lý luận cơ bản về trẻ khuyết tật, đặc điểm, ảnh hưởng của khuyết tật đến sự phát triển của trẻ; can thiệp sớm trẻ khuyết tật; giáo dục hòa nhập ở bậc học mầm non; một số cách thức hỗ trợ trẻ khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ, khuyết tật ngôn ngữ, khuyết tật vận động, trẻ tự kỉ học tập ở trường mầm non; công tác quản lý trường, lớp học hòa nhập

Năng lực đạt được: Trên cơ sở những kiến thức về trẻ khuyết tật, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập ở bậc học mầm non, những cách thức hỗ trợ trẻ khuyết tật. Người học biết lập kế hoạch giáo dục trong lớp học hòa nhập thông qua các hoạt động dựa trên chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non; can thiệp sớm trẻ khuyết tật; giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở bậc học mầm non.
- CO2: Cung cấp các kiến thức về tổ chức giáo dục hòa nhập ở trường mầm non, điều chỉnh chương trình, mục tiêu, các phương pháp điều chỉnh trong kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em bình thường trong lớp học.
- CO3: Vận dụng những kiến thức về trẻ khuyết tật, giáo dục hòa nhập để lập kế hoạch giáo dục hỗ trợ trẻ khuyết tật học hòa nhập.
- CO4: Rèn cho người học kỹ năng lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ

khuyết tật, kế hoạch giáo dục chung trong lớp học có trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt.

- CO5: Hình thành ở người học tính tích cực, tự giác trong học tập, tham gia thảo luận hiệu quả, tranh luận các vấn đề chuyên môn trên lớp học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đặc điểm, ảnh hưởng và dấu hiệu nhận ra các nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non; những vấn đề cơ bản của công tác can thiệp sớm trẻ khuyết tật; những cách thức tổ chức giáo dục hoà nhập, hỗ trợ trẻ KT học hoà nhập ở trường mầm non; những kiến thức cơ bản về quản lý trường, lớp học hoà nhập

- CLO2: Phân tích rõ những đặc điểm, ảnh hưởng, cách thức tổ chức giáo dục trẻ KT; quy trình thực hiện can thiệp sớm trẻ khuyết tật; những cách thức hỗ trợ trẻ khuyết tật phù hợp với đặc điểm của trẻ thông qua các hoạt động ở trường mầm non.

- CLO3: Vận dụng được những kiến thức về trẻ khuyết tật và giáo dục hoà nhập hoà nhập ở bậc học mầm non để lập kế hoạch hỗ trợ trẻ trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non.

- CLO4: Xây dựng môi trường giáo dục phù hợp trong lớp học hoà nhập, vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức điều chỉnh phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật.

- CLO5: Chú ý lắng nghe, tự giác trong học tập, tích cực tương tác trong khi làm việc nhóm; tích cực tư vấn, hỗ trợ gia đình và trẻ khuyết tật học hoà nhập ở trường mầm non.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	TL	BT			
<p>Chương I: Những vấn đề cơ bản và đặc điểm trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non</p> <p>1.1. Một số vấn đề về trẻ khuyết tật</p> <p>1.1.1. Khái niệm về trẻ khuyết tật</p> <p>1.1.2. Phân loại trẻ khuyết tật</p> <p>1.1.3. Nguyên nhân gây khuyết tật</p> <p>1.1.3.1. Nguyên nhân trước khi sinh</p> <p>1.1.3.2. Nguyên nhân trong khi sinh</p> <p>1.1.3.3. Nguyên nhân sau khi sinh</p> <p>1.1.4. Trẻ khuyết tật trên thế giới và ở Việt Nam</p> <p>1.1.5. Vấn đề chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam</p> <p>1.2. Đặc điểm một số nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non</p>	7	9				34,5

1.2.1. Trẻ khiếm thính 1.2.2. Trẻ khiếm thị 1.2.3. Trẻ khuyết tật trí tuệ 1.2.4. Trẻ khuyết tật ngôn ngữ 1.2.5. Trẻ khuyết tật vận động 1.2.6. Trẻ tự kỉ					
Chương 2: Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật 2.1. Khái niệm, nguyên tắc, hiệu quả và ý nghĩa của can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Những nguyên tắc cơ bản 1.1.3. Hiệu quả và ý nghĩa của can thiệp sớm 2.2. Sự hình thành và phát triển của công tác can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trên thế giới và ở Việt Nam 2.2.1. Sự hình thành và phát triển của công tác can thiệp sớm trên thế giới 2.2.2. Sự hình thành và phát triển của công tác can thiệp sớm ở Việt Nam 2.3. Tổ chức can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật 2.3.1. Đối tượng của công tác can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật 2.3.2. Chủ thể thực hiện can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật 2.3.3. Thời điểm bắt đầu can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật 2.3.4. Môi trường thực hiện can thiệp sớm 2.3.5. Quy trình thực hiện can thiệp sớm	4	5			19,5
Chương 3: Giáo dục hòa nhập ở bậc học mầm non 3.1. Các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non 3.1.1. Giáo dục chuyên biệt 3.1.1.1. Khái niệm 3.1.1.2. Mục tiêu của giáo dục chuyên biệt 3.1.1.3. Những tồn tại của giáo dục chuyên biệt 3.1.2. Giáo dục bán hòa nhập	6	6	2		30

<p>3.1.2.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2.2. Đặc điểm của mô hình GD bán hòa nhập</p> <p>3.1.3. Giáo dục hòa nhập</p> <p>3.1.3.1. Khái niệm giáo dục hòa nhập</p> <p>3.1.3.2. Đặc điểm của giáo dục hòa nhập</p> <p>3.1.3.3. Tính tất yếu của giáo dục hòa nhập</p> <p>3.1.3.4. Một số cách tiếp cận giáo dục hòa nhập</p> <p>3.2. Tổ chức GD hòa nhập ở bậc học mầm non</p> <p>3.2.1. Đặc điểm trường mầm non hòa nhập</p> <p>3.2.2. Xác định nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật</p> <p>3.2.3. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân</p> <p>3.2.4. Tổ chức môi trường học tập</p> <p>3.2.5. Điều chỉnh chương trình giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật</p> <p>3.2.6. Phối hợp với các lực lượng trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật</p>						
<p>Chương 4: Hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non</p> <p>4.1. Hỗ trợ trẻ khiếm thính</p> <p>4.2. Hỗ trợ trẻ khiếm thị</p> <p>4.3. Hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ</p> <p>4.4. Hỗ trợ trẻ khuyết tật ngôn ngữ</p> <p>4.5. Hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động</p> <p>4.6. Hỗ trợ trẻ tự kỉ</p>	8	8	4			42
<p>Chương 5: Công tác quản lý trường, lớp hòa nhập</p> <p>5.1. Công tác quản lý trường hoà nhập</p> <p>5.1.1. Những vấn đề chung về quản lý trường học hòa nhập</p> <p>5.1.2. Nội dung quản lý trường học hoà nhập</p> <p>5.2. Công tác quản lý lớp học hoà nhập</p> <p>5.2.1. Ý nghĩa của công tác tổ chức và quản lý lớp học</p> <p>5.2.2. Nguyên tắc chỉ đạo trong quản lý lớp học hoà nhập</p>	2	2				9
Tổng	27	30	6			135

5. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO 5	30%
2	Thảo luận	Rubric 2	CLO1,2,3,4	
3	Viết tự luận	Rubric 3	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận	Rubric 4	CLO1,2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Viết tự luận	Rubric 5	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên chuyên cần tích cực trong học tập sẽ có điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên.

- Sinh viên cần phải thực hiện đầy đủ, chất lượng các nhiệm vụ tự học, các câu hỏi, bài tập thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải tham 80% số tiết của học phần, nếu không không tham dự đủ 80% số tiết lên lớp theo quy định sẽ không được thi học kỳ.

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Lã Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2016) - *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSP Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

2. Trần Thị Thiệp, Hoàng Thị Nho, Trần Thị Minh Thành (2014), *Giáo trình Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật*, NXB ĐHSP Hà Nội.

3. Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng, Trần Thị Thiệp (2008), *Giáo trình Giáo dục hòa nhập*, NXB Giáo dục.

b. Giáo dục cảm xúc – xã hội cho trẻ mầm non/ Social-emotional education for preschool children

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL)
- Mã học phần: 144020
- Bộ môn quản lý học phần: GD nhận thức, dinh dưỡng và Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Giáo viên mầm non trình độ đại học. Học phần trang bị cho người học kiến thức lý luận về giáo dục cảm xúc - xã hội: khái niệm, đặc điểm, nội dung, nguyên tắc; phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá hoạt động;

đồng thời hình thành, phát triển kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội phù hợp với lứa tuổi mầm non.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Trang bị cho người học những vấn đề chung về giáo dục cảm xúc – xã hội cho trẻ MN như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức, môi trường tổ chức các hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non.

CLO2: Trang bị cho người học cách lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục cảm xúc-xã hội và hướng dẫn cách tổ chức phù hợp với lứa tuổi MN.

CO3: Có kỹ năng tổ chức, lập kế hoạch, đánh giá hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội phù hợp với các giai đoạn lứa tuổi MN

CO4: Hứng thú, tích cực trong hoạt động theo các nhóm nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong học tập và thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những vấn đề chung về giáo dục cảm xúc – xã hội cho trẻ MN như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức, môi trường tổ chức các hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ MN

- CLO2: Người học tổ chức, lập kế hoạch, xây dựng môi trường hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non phù hợp với các giai đoạn lứa tuổi

- CLO3: Có kỹ năng tổ chức, lập kế hoạch, xây dựng môi trường hiệu quả trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non

- CLO4: Vận dụng được những vấn đề chung về giáo dục cảm xúc – xã hội để tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc – xã hội cho trẻ MN

-CLO5: Người học chủ động tiếp thu kiến thức từ giảng viên, bạn bè; tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, tự tin tham gia thảo luận nhóm, tham gia đề xuất ý tưởng, chia sẻ kiến thức. Say mê tìm hiểu, nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ MN 1.1. Khái niệm cảm xúc - xã hội 1.2. Đặc điểm phát triển cảm xúc - xã hội của trẻ MN 1.3. Vai trò của giáo dục cảm xúc - xã hội đối với sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ mầm non 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc	7	8				33

giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non					
Chương 2: Nội dung giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non 2.1. Nguyên tắc tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non 2.2. Nội dung giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non	6	8			30
Chương 3: Phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ MN 3.1. Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non 3.2..Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non	6	9			33
Chương 4: Tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non 4.1. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non 4.2. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non 4.3. Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ mầm non	8	7	3		39

5. Phương pháp dạy - học

-Thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Viết	Rubric 3	CLO 1,2,3	30%
2	Thuyết trình/thảo luận....	Rubric 2	CLO 1,2,3,4	
3	Chuyên cần	Rubric 1	CLO 5	
4	Tự học, trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 1,2,3	CLO3,4,5	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết luận	Rubic 4	CLO 1,2,3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Viết luận	Rubic 5	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
- Đối với sinh viên đủ điều kiện làm tiểu luận, BTL phải có điểm trung bình chung của học phần đạt từ 8 điểm trở lên

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Lương Thị Bình, Phan Lan Anh (2016), *Các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non*, NXB giáo dục

8.2. Tài liệu tham khảo

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục mầm non* (Kèm theo *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT*, ngày 13/04/2021, Ban hành chương trình giáo dục mầm non).

3. Lương Thị Bình, Cao Thị Hồng Nhung (2018), *Lập kế hoạch giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non*, NXB giáo dục

c. Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non/ Cultural behavior education for preschool children

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL)
- Mã học phần: 144024
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Nhận thức - Dinh dưỡng & Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm những nội dung sau đây: Khái niệm, quá trình hình thành; nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; tổ chức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; Tích hợp các hoạt động trong quá trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ ở trường Mầm non

Năng lực đạt được: Từ những kiến thức về giáo dục hành vi văn hoá, nội dung giáo dục hành vi văn hoá, các phương pháp, hình thức giáo dục hành vi văn hoá. Người học biết xây dựng môi trường giáo dục ở trường mầm non hướng tới giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ, đồng thời biết tích hợp các hoạt động giáo dục hành vi văn hoá trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Nắm vững được những vấn đề chung về hành vi văn hóa, vai trò của việc giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ, cơ sở của việc đưa giáo dục hành vi văn hóa vào dạy trẻ ở trường mầm non, những nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ.

CO2: Tổ chức các hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ được lồng ghép vào các hoạt động hàng ngày của trẻ một cách sáng tạo, tích hợp nội dung kiến thức các lĩnh vực theo định hướng chủ đề, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

CO3: Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia thảo luận nhóm, chủ động đề xuất ý tưởng, nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về công tác giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non – một nhiệm vụ quan trọng của công tác giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

- CLO2: Biết thiết kế hoạt động có tích hợp giáo dục nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ thông qua các chủ đề và hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ ở trường mầm non.

- CLO3: Có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ thông qua các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

- CLO4: Vận dụng được những kiến thức đã học vào việc thiết kế và thực hiện kế hoạch giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; tuyên truyền và phối hợp với các bậc cha mẹ trong công tác giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non

- CLO5: Cách nhìn nhận đúng đắn, khoa học về vấn đề giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm chung về văn hóa và hành vi văn hóa 1. Khái niệm chung về văn hóa 2. Khái niệm chung về hành vi văn hóa	3	4				15
Chương 2: Quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hóa 1. Khái niệm về sự hình thành và phát triển hành vi văn hóa 2. Cơ chế tâm lý của sự hình thành và phát triển hành vi văn hóa	3	5				16,5

3. Đặc điểm phát triển hành vi văn hóa của trẻ em lứa tuổi mầm non 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển hành vi văn hóa của trẻ mầm non					
Chương 3: Nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ Mầm non 1. Cơ sở xác định nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non 2. Nguyên tắc giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non 3. Nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	5	6			24
Chương 4: Các phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ ở trường Mầm non 1. Nhóm phương pháp trực quan 2. Nhóm phương pháp dùng lời 3. Nhóm phương pháp thực hành 4. Phối hợp các phương pháp trong quá trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ	6	9			31,5
Chương 5: Các hình thức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ ở trường Mầm non 1. Giáo dục hành vi văn hóa thông qua hoạt động học tập 2. Giáo dục hành vi văn hóa thông qua hoạt động vui chơi 3. Giáo dục hành vi văn hóa thông qua hoạt động ngoài trời 4. Giáo dục hành vi văn hóa thông qua hoạt động tham quan 5. Giáo dục hành vi văn hóa thông qua hoạt động sinh hoạt hàng ngày	6	6			27,0
Chương 6: Tích hợp các hoạt động trong quá trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ ở trường Mầm non 1. Nguyên tắc tích hợp nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ	4	6			21,0

trong trường mầm non						
2. Tích hợp nội dung giáo dục hành vi văn hóa thông qua các chủ đề						
3. Tích hợp nội dung giáo dục hành vi văn hóa thông qua các hoạt động giáo dục ở trường mầm non						

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Viết	Rubric 4	CLO1,2	30%
2	Thuyết trình	Rubric 2	CLO1-3	
3	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 4	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì (01)			
	Viết	Rubric 4	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kì và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kì (hoặc bài tiểu luận).

- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Nguyễn Ánh Tuyết (2010), *Giáo trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em*. NXBGDVN.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội

[3]. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên - 2010), *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXBĐHSP.

Học phần 42. Chọn 1 trong 2 học phần sau

a. Phát triển chương trình giáo dục mầm non/ Development of early childhood education curriculum

- Số tín chỉ: 03 (27;30;6)
- Mã học phần: 144025
- Bộ môn quản lý học phần: GDNT - DD&TC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần tập trung cung cấp cho người học những kiến thức về phát triển chương trình giáo dục mầm non, một số vấn đề lí luận và thực tiễn về tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Giúp sinh viên ứng dụng những hiểu biết, kiến thức từ thu được vào thực hành phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo xu thế hiện đại phù hợp và với bối cảnh địa phương như: lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề, xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

2. Mục tiêu học phần

C01: Nắm vững được hệ thống tri thức khoa học và cơ sở thực tiễn về phát triển chương trình giáo dục mầm non; Quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non. Hiểu và lý giải được mục đích, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

C02: Lý giải được các kiến thức về xây dựng môi trường giáo dục, các nguyên tắc chung, quy trình và cách thiết kế môi trường giáo dục theo hướng trải nghiệm của trẻ trong trường mầm non.

C03: Có kỹ năng xây dựng chương trình giáo dục mầm non của nhà trường/khối/lớp phù hợp với thực tiễn địa phương. Vận dụng các loại kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non vào thực tiễn.

C04: Có kỹ năng thiết kế môi trường trong lớp, môi trường ngoài trời phù hợp với chủ đề; kỹ năng đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục.

C05: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc; tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc tự học, tự nghiên cứu và hoàn thành các nhiệm vụ học tập do giáo viên giao. Chủ động tiếp nhận kiến thức, tích cực tham gia thảo luận nhóm, chủ động đề xuất ý tưởng, chia sẻ kiến thức; say mê tìm hiểu, nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được được hệ thống tri thức khoa học và cơ sở thực tiễn về phát triển chương trình giáo dục mầm non; các hình thức thiết kế chương trình giáo dục; Quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non. Hiểu và lý giải được mục đích, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

CLO2: Phân tích được các kiến thức về xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non, các nguyên tắc chung, quy trình và cách thiết kế môi trường giáo dục tăng cường hoạt động trải nghiệm của trẻ trong trường mầm non.

CLO3: Vận dụng kiến thức vào việc lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trẻ theo chủ đề phù hợp với mục tiêu giáo dục.

CLO4: Xây dựng môi trường giáo dục phù hợp cho trẻ trải nghiệm theo chủ đề và phù hợp với thực tiễn; phân tích, đánh giá chương trình chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với thực tiễn...

CLO5: Sinh viên chủ động trong lĩnh hội kiến thức, có ý thức rèn luyện bản thân, tích cực tham gia thảo luận, chia sẻ kiến thức; tự tin thể hiện năng lực của cá nhân; say mê tìm hiểu, nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1: Những vấn đề chung về phát triển chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>1.1. Khái niệm về chương trình giáo dục</p> <p>1.2. Khái niệm chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1.3. Khái niệm phát triển chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1.2. Cơ sở khoa học về phát triển chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1.2.1. Cơ sở lý luận của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1.2.1.1. Các học thuyết cơ bản về sự phát triển của trẻ em</p> <p>1.2.1.2. Đặc điểm phát triển của trẻ mầm non</p> <p>1.2.1.3. Quan điểm tiếp cận trong phát triển chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1.2.1.4. Hình thức thiết kế chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1.2.1.5. Quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1.2.2. Cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non</p>	6	4	2			27

<p>1.2.2.1. Kinh nghiệm các nước về phát triển chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1.2.2.2. Phát triển chương trình giáo dục mầm non ở Việt Nam</p> <p>1.3. Yêu cầu đối với phát triển chương trình giáo dục mầm non trong xu thế hiện đại</p> <p>1.3.1. Yêu cầu chung</p> <p>1.3.1.1. Mục tiêu tiếp cận phù hợp xu thế hiện đại</p> <p>1.3.1.3. Vận dụng phương pháp giáo dục tiên tiến (Reggio Emilia, Montessori, STEM/STEAM...)</p> <p>3.1.1.4. Yêu cầu cụ thể đối với cán bộ quản lý và giáo viên</p> <p>1.4. Nguyên tắc phát triển chương trình GDMN</p> <p>1.4.1. Đảm bảo tính mục tiêu của giáo dục mầm non</p> <p>1.4.2. Đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn</p> <p>1.4.3. Đảm bảo tính toàn diện</p> <p>1.4.4. Đảm bảo tính phát triển, tính khả thi</p> <p>1.4.5. Đảm bảo tính pháp lệnh</p>						
Chương 2. Tổ chức hoạt động phát triển chương trình giáo dục mầm non	18	10	9	6		91.5
<p>2.1. Một số vấn đề về việc lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non</p> <p>2.1.1 Khái niệm lập kế hoạch giáo dục mầm non</p> <p>2.1.2. Phân loại kế hoạch giáo dục mầm non</p> <p>2.1.3. Ý nghĩa của việc lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non</p> <p>2.1.4. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm</p>						

<p>non</p> <p>2.2. Phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo năm học cho từng độ tuổi</p> <p>2.2.1 Mục tiêu phát triển chương trình giáo dục nhà trường</p> <p>2.2.2. Quy trình phát triển chương trình giáo dục nhà trường</p> <p>2.3. Phát triển chương trình giáo dục theo tháng cho trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>2.3.1. Mục tiêu phát triển chương trình giáo dục theo tháng</p> <p>2.3.2. Quy trình phát triển chương trình giáo dục theo tháng</p> <p>2.4. Phát triển chương trình giáo dục theo chủ đề cho trẻ 3 đến 6 tuổi</p> <p>2.4.1. Chủ đề giáo dục và phát triển chương trình giáo dục tích hợp theo chủ đề</p> <p>2.4.2. Mục tiêu phát triển chương trình giáo dục theo chủ đề</p> <p>2.4.3. Quy trình phát triển chương trình giáo dục theo chủ đề</p> <p>2.5. Xây dựng và lập kế hoạch giáo dục trong ngày</p> <p>2.5.1.Những lưu ý khi lập kế hoạch</p> <p>2.5.2. Cấu trúc kế hoạch</p> <p>2.6. Xây dựng và thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ</p> <p>2.6.1.Cấu trúc kế hoạch</p> <p>2.6.2. Quy trình xây dựng và lập kế hoạch giáo dục trong ngày</p> <p>2.7. Thiết kế và tổ chức xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>2.7.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>2.7.2. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường GD trong trường MN</p>						
--	--	--	--	--	--	--

2.7.3. Thiết kế môi trường GD cho các hoạt động ở trường MN						
Chương 3: Đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3	2	3			16,5
3.1. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN. 3.1.1. Khái niệm về đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non 3.1.2. Mục đích của việc đánh giá 3.1.3. Ý nghĩa của việc đánh giá 3.2. Nội dung đánh giá 3.2.1. Đánh giá sự phát triển của trẻ 3.2.2. Đánh giá hoạt động chăm sóc trẻ của giáo viên 3.2.3. Đánh giá cơ sở vật chất của trường mầm non 3.3. Phương pháp đánh giá 3.4. Hình thức đánh giá						
Tổng:	27	16	14	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, thảo luận, quan sát, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC + 01)				
1	Viết	Rubric 4	CLO1 CLO2	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	
4	Bài tập cá nhân	Rubric 3	CLO3 CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết	Rubric 4	CLO 1,2,3	20%
Thi cuối kì – Bài tập lớn/Tiểu luận				
1	Viết tự luận	Rubric 5	CLO 1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn/Tiểu luận(Thay thế bài thi cuối kỳ)	Rubric 6	CLO 1,2,3,4,5.	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Thị Minh Huế, Ngô Huyền Nhung (2020), *Phát triển chương trình giáo dục mầm non*, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục mầm non* (Kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/04/2021, Ban hành chương trình giáo dục mầm non).

[2]. Nguyễn Thị Thu Hiền, *Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non*, Nhà xuất bản giáo dục, 2008.

b. Những vấn đề hiện đại trong giáo dục Mầm non/ Innovative issues in early childhood education

- Số tín chỉ: 03(27LT; 36TL)

- Mã học phần: 144026

- Bộ môn quản lý học phần: BM Giáo dục Nhận thức – Dinh dưỡng & Thể Chất

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những nội dung: các vấn đề chung về giáo dục mầm non những vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay. Các phương pháp giáo dục Mầm non hiện đại như phương pháp Montessori, phương pháp Steam, Phương pháp Reggio Emilia... và việc vận dụng các phương pháp giáo dục mầm non mới này trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non bao gồm hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động vui chơi....

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giúp sinh viên Có kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận và thực tiễn của giáo dục mầm non ở nước ta hiện nay

- CO2: Sinh viên có kiến thức cơ bản về các phương pháp giáo dục hiện đại trong giáo dục mầm non hiện nay

- CO3: Có khả năng chủ động và linh hoạt thích ứng với sự thay đổi trong lý thuyết và thực tiễn giáo dục; có năng lực cập nhật các thành tựu giáo dục hiện đại; có năng lực tự chủ trong giải quyết công việc.

- CO4: Sinh viên có năng lực vận dụng các kiến thức, hiểu biết của mình về giáo dục hiện đại trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những vấn đề hiện đại trong giáo dục Mầm non

- CLO2: Hình thành được được các kiến thức và kỹ năng mới phù hợp với giáo dục mầm non hiện nay bao gồm các kỹ năng thiết kế các hoạt động giáo dục có vận dụng các phương pháp giáo dục hiện đại.

- CLO3: Tự tin, chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng các nội dung

học phần vào thực tiễn theo chương trình giáo dục mầm non, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- CLO4: Chủ động, linh hoạt, có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giáo dục mầm non những vấn đề lý luận và thực tiễn 1. Những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam 2. Các vấn đề về hoạt động chơi của trẻ 3. Các vấn đề về môi trường giáo dục hiện nay ở trường mầm non	3	8				21
Chương 2: Các phương pháp giáo dục Mầm non hiện đại 1. Phương pháp giáo dục Montessori 2. Phương pháp giáo dục Steam 3. Phương pháp giáo dục Reggio Emilia 4. Phương pháp giáo dục Glenn Doman 5. Một số phương pháp giáo dục khác	12	10	4			57
Chương 3: Vận dụng các phương pháp giáo dục Mầm non hiện đại trong giáo dục Mầm non 1. Vận dụng phương pháp giáo dục Montessori trong giáo dục Mầm non 2. Vận dụng phương pháp giáo dục Steam trong giáo dục Mầm non 3. Phương pháp giáo dục Reggio Emilia trong giáo dục Mầm non 4. Vận dụng phương pháp giáo dục Glenn Doman trong giáo dục Mầm non 5. Vận dụng một số phương pháp giáo dục khác trong giáo dục Mầm non	12	10	4			57

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận theo nhóm, hoạt động nhóm bài tập

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO 1-4	30%
2	Thuyết trình	Rubric 4	CLO 1-4	
3	Bài tập nhóm/ thảo luận	Rubric 2	CLO 1-4	
4	Bài tập cá nhân	Rubric 3	CLO 1-4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 3	CLO 1-4	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Viết/tiểu luận	Rubric 5	CLO 1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Ánh Tuyết (2016), *Giáo dục mầm non những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo

2. Lý Lợi (chủ biên) (2014), *Phương pháp giáo dục Montessori thời kì nhạy cảm của trẻ* (Thanh Loan dịch), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội

3. Louise Boyd Cadwell, *Phương pháp giáo dục Reggio Emilia*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội

Học phần 43. Kiến tập sư phạm/Practicum

- Số tín chỉ học tập: 02
- Mã học phần:
- Học kỳ: 5
- Học phần: Bắt buộc
- Mã học phần:
- Đơn vị phụ trách: Khoa Giáo dục Mầm non
- Điều kiện tiên quyết: Đã học một số môn cơ sở và kiến thức chung của ngành.

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những nội dung:

Sinh viên thực hiện nhiệm vụ kiến tập ở các trường mầm non: dự giờ, phân tích các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non theo từng độ tuổi; tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu Giáo dục Mầm non; tổ chức chương trình giáo dục

mầm non tại các cơ sở kiến tập. Sinh viên tham gia vào các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề như: quản lý lớp, lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở các độ tuổi, tiến hành tổ chức các hoạt động chơi và học ở các độ tuổi ở trường mầm non.

Mục tiêu học phần:

- CO1: Sinh viên phân tích được thực tế giáo dục mầm non qua việc quan sát trường học, lớp học, các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ theo từng độ tuổi của giáo viên khi thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo các lĩnh vực.

- CO2: Sinh viên có kỹ năng về việc lập kế hoạch chăm sóc – giáo dục trẻ; kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ; kỹ năng quản lý nhóm trẻ; kỹ năng chủ nhiệm lớp; kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi phục vụ hoạt động giáo dục.

- CO3: Người học chủ động, tích cực trong việc tìm hiểu và vận dụng kiến thức về Chương trình mầm non, về việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo- dục trẻ; có ý thức trau dồi các kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên có những hiểu biết cơ bản về đặc điểm môi trường giáo dục mầm non, phân tích, đánh giá được hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ; biết vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học vào việc quan sát, thực hành chăm sóc giáo dục trẻ.

- CLO2: Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản để thực hiện kỹ năng quản lý nhóm trẻ; kỹ năng làm chủ nhiệm lớp; kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ theo các hoạt động trong ngày/tuần/ tháng ở các chủ đề; kỹ năng sắp xếp, hoàn thiện hồ sơ, sổ sách liên quan đến hoạt động kiến tập.

- CLO3: Sinh viên có những kỹ năng cơ bản, vận dụng những kỹ năng này trong hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ: kỹ năng giao tiếp với trẻ, giao tiếp với phụ huynh; kỹ năng về nghệ thuật, về sinh lý, dinh dưỡng trẻ em; kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ phục vụ các hoạt động ở trường mầm non theo các độ tuổi.

- CLO4: Tích cực, chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ của đợt kiến tập, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và vai trò của người giáo viên mầm non, thích ứng với nhu cầu phát triển của xã hội.

4. Nội dung chi tiết học phần

4.1. Kiến tập giảng dạy

a. Tìm hiểu nội dung công việc giảng dạy của người giáo viên mầm non, của tổ bộ môn ở trường đến kiến tập, thông qua giáo viên hướng dẫn và tổ chuyên môn; tìm hiểu nội dung, chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, cách lập kế hoạch thực hiện chủ đề (nội dung chương trình); dự giờ giảng dạy ở các độ tuổi khác nhau, trong đó có ít nhất 1-2 hoạt động giáo dục (Hoạt động có chủ đích), 1 hoạt động góc, 1 hoạt động ngoài trời và các hoạt động tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ.

b. Tìm hiểu về nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, kế hoạch giảng dạy,... của trường mầm non.

c. Tìm hiểu các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách đánh giá, và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý.

d. Dự giờ dạy của giáo viên trường thực tập:

- Sinh viên sẽ dự 1, 2 giờ dạy mẫu do giáo viên chuẩn bị, sau đó các sinh viên phải thực hiện đi đủ **12 tiết** /SV;

SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ (theo mẫu, Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020), dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

e. Sinh viên tập giảng trong nhóm và trước lớp

- Mỗi sinh viên đăng ký để soạn 01 giáo án tương đương 01 tiết dạy, nghiên cứu tài liệu chuyên môn, soạn giáo án dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trong nhóm theo giáo án đã được chuẩn bị để nhóm rút kinh nghiệm, góp ý, bổ sung trên cơ sở đó, lựa chọn một sinh viên có khả năng dạy tốt nhất đại diện cho nhóm giới thiệu với giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trên lớp: Sau khi được lựa chọn, giáo án giờ dạy của giáo sinh đại diện của nhóm phải được giáo viên hướng dẫn ký duyệt 02 ngày trước khi lên lớp và thực hiện tập giảng theo quy định của trường kiến tập.

* Cuối đợt kiến tập giảng dạy, sinh viên viết thu hoạch cá nhân (cho các mục a., b., và c. Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020) nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ của SV để cho điểm phần kiến tập giảng dạy (theo mẫu: Phụ lục 5, Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020).

4.2. Kiến tập chủ nhiệm

a. Tìm hiểu về nội dung công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp; nội dung, kế hoạch thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, thông qua giáo viên lên lớp dự giờ kiến tập chủ nhiệm; tìm hiểu về tình hình hoạt động của nhà trường; tìm hiểu hồ sơ sổ sách của nhóm lớp, của cá nhân trẻ; tìm hiểu về bếp ăn một chiều và các hoạt động tổ chức quản lý trẻ trong các thời điểm trong ngày (từ lúc đón trẻ đến lúc trả trẻ).

b. Tìm hiểu về hồ sơ công tác chủ nhiệm lớp, cách đánh giá học lực, thể lực, hạnh kiểm của trẻ, thông qua lớp dự giờ giờ kiến tập chủ nhiệm.

SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ (theo mẫu), dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

* Cuối đợt kiến tập chủ nhiệm, sinh viên viết thu hoạch cá nhân (cho các mục a, b Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020) nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm để cho điểm phần kiến tập chủ nhiệm (theo mẫu: Phụ lục 6 Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020).

5. Phương pháp

Tìm hiểu, quan sát, theo dõi, thảo luận thực hành theo nhóm tại trường đến kiến tập

6. Kiểm tra, đánh giá

6.1. Điểm nội dung KTSP, gồm các phần

Kiến tập giảng dạy: Điểm bài thu hoạch + TBC điểm các tiết dự giờ;

- Kiến tập chủ nhiệm: Điểm bài thu hoạch + TBC điểm các tiết dự giờ;

6.2. Công thức tính điểm nội dung KTSP

$$\text{Điểm KTSP} = \frac{\text{KTGD} + \text{KTCN}}{2} + (\text{hoặc -}) \text{điểm thưởng/phạt}$$

Ban chỉ đạo trường thực tập tổng hợp điểm nội dung KTSP.

+ *Điểm thưởng/phạt*: Điểm này được cộng hoặc trừ vào kết quả đã được tính trung bình chung của điểm KTSP, theo 3 mức: 0,1; 0,2; 0,3

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định tại Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức

- Chấp hành tốt nội qui định của Trường đến kiến tập.

8. Tài liệu tham khảo

Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.

Học phần 44. Thực tập sư phạm /Final practice

Thực tập Sư phạm / Practicum

- Số tín chỉ học tập: 5 TC

- Học kỳ: 8.

- Học phần: Bắt buộc

- Mã học phần:

- Đơn vị phụ trách: Khoa Giáo dục Mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Đã học xong các học phần chuyên ngành giáo dục mầm non.

1. Mô tả học phần

Học phần gồm các nội dung:

Sinh viên thực hiện nhiệm vụ thực tập ở các trường mầm non: tìm hiểu toàn diện về thực tiễn giáo dục mầm non; về chức năng, nhiệm vụ của trường mầm non, về hoạt động của giáo viên mầm non; về chương trình giáo dục mầm non; công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường mầm non; dự giờ, phân tích các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non theo từng độ tuổi; lập kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mầm non; quản lý và giao tiếp với các nhóm trẻ; biết tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên phân tích, đánh giá được thực tế giáo dục mầm non, công tác xã hội hóa giáo dục mầm non; có kiến thức cơ bản và vững chắc về hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ cũng như cách tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non ở từng độ tuổi.

- CO2: Sinh viên có kỹ năng về việc lập kế hoạch chăm sóc – giáo dục trẻ ở từng độ tuổi; kỹ năng chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ một cách độc lập; kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi phục vụ hoạt động giáo dục; kỹ năng đánh giá trẻ theo các quy định của Chương trình giáo dục mầm non; kỹ năng giao tiếp với trẻ, với phụ huynh, với đồng nghiệp; đồng thời có khả năng tốt trong

việc thích ứng với các điều kiện giáo dục của ngành cũng như những biến động của xã hội.

- CO3: Người học chủ động, tích cực trong việc tìm hiểu và vận dụng kiến thức về Chương trình mầm non, về việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, có ý thức trau dồi các kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, chuẩn bị tốt các điều kiện chuẩn bị để tốt nghiệp ra trường, giảng dạy tại các cơ sở Giáo dục mầm non.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên phân tích, đánh giá được thực tế về môi trường giáo dục mầm non theo các loại hình khác nhau; nắm vững và thực hành được kiến thức đã học vào thực tế dạy học; cách tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở các lĩnh vực: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, nghệ thuật và tình cảm xã hội; vận dụng những kiến thức về các lĩnh vực này trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

- CLO2: Sinh viên vận dụng thành thạo những kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý nhóm trẻ; kỹ năng làm chủ nhiệm lớp; kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ theo các hoạt động trong ngày/tuần/ tháng theo các chủ đề.

- CLO3: Sinh viên vận dụng ở mức độ thành thạo các kỹ năng chăm sóc - giáo dục trẻ; hiểu và vận dụng ở mức thành thạo kiến thức cơ bản tiếng Việt, về hoạt động nghệ thuật; về sinh lý và sinh trẻ em; về hình thành biểu tượng toán học; có kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ phục vụ các hoạt động ở trường mầm non.

- CLO4: Tích cực, chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ của của một giáo viên mầm non, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo; tích lũy và rèn luyện kỹ năng cơ bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập và đánh giá trẻ theo các quy định của Chương trình giáo dục mầm non.

4. Nội dung chi tiết học phần

Trong thời gian TTSP, SV phải thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

4.1. Tìm hiểu thực tế việc dạy học ở trường thực tập

a. SV viết bài thu hoạch về tìm hiểu thực tế giáo dục ở trường TT (*theo mẫu*) sau khi nghe trường TT báo cáo về tình hình cơ cấu tổ chức hoạt động, nhiệm vụ năm học của nhà trường; chủ trương, biện pháp đổi mới công tác quản lý dạy- học của ngành; kinh nghiệm giảng dạy của giáo viên trong trường; tình hình địa phương nơi trường đóng; các hoạt động khác của nhà trường và hoạt động của các đoàn thể cùng tham gia công tác giáo dục...; những chức năng, nhiệm vụ cơ bản của giáo viên...

b. SV nghiên cứu nội dung, chương trình giáo dục phổ thông, mầm non, phương pháp dạy học và các tài liệu liên quan, phòng bộ môn, ... và thiết bị dạy học; nắm tình hình thực hiện chương trình và dạy học bộ môn cụ thể ở trường thực tập.

Nội dung này do Trưởng Ban chỉ đạo hoặc người được ủy quyền đánh giá.

4.2. Thực tập giảng dạy

a. Trong suốt thời gian thực tập giảng dạy (TTGD) mỗi SV được một giáo viên của trường TT hướng dẫn.

b. Số tiết thực tập giảng dạy của một SV trong toàn đợt, được quy định như sau:

- Ở trường Mầm Non: **08 tiết** trong đó thực tập giảng dạy 6 tiết hoạt động chung, 1 tiết hoạt động góc và 1 tiết hoạt động ngoài trời, đảm bảo yêu cầu 6 tiết cho độ tuổi

Mẫu giáo, 02 tiết cho độ tuổi Mầm non.

c. Giáo án lên lớp phải đạt các yêu cầu sau:

- Phải được giáo viên hướng dẫn góp ý kiến và ký duyệt chậm nhất 02 ngày trước khi lên lớp; đã tập giảng trước nhóm và góp ý trước khi lên lớp; không được tập giảng trước trẻ trường TT.

- Bài giảng phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, phải thể hiện rõ đổi mới phương pháp dạy học; chú ý sử dụng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và các kỹ thuật dạy học khác, ...

- Thực tập với nhiều loại hình: lý thuyết, thực hành, ngoại khóa, ôn tập, chấm bài kiểm tra, chữa bài tập...; tập duyệt toàn bộ các khâu của quá trình dạy học từ việc chuẩn bị đến việc lên lớp, củng cố kiến thức, ôn tập, kiểm tra- đánh giá ...

d. Sau các tiết lên lớp của SV, GVHD tổ chức rút kinh nghiệm để đánh giá giờ dạy, có SV cùng ngành học đi dự giờ tham dự.

e. Các tiết lên lớp của SV đều nằm trong kế hoạch đánh giá; SV không được lên lớp ngoài kế hoạch và vượt số tiết đã quy định.

4.3. Thực tập chủ nhiệm

a. Mỗi nhóm SV (từ 2 - 3 người) thực tập chủ nhiệm (TTCN) 6 tiết/một lớp ở trường TT (không tính tuần đầu và tuần cuối, mỗi tuần 1 tiết), dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp đó. Giáo viên hướng dẫn giao nhiệm vụ cụ thể cho nhóm và cho từng SV. Mỗi SV, ngoài việc thực hiện công tác được nhóm phân công, tự mình nhận một công tác cụ thể để chủ động tập duyệt làm tốt công tác đó.

b. SV lập kế hoạch chủ nhiệm lớp cụ thể đến từng tuần. Bản kế hoạch phải được giáo viên hướng dẫn góp ý, ký duyệt trước khi thực hiện. Trong kế hoạch cần ghi rõ nội dung công tác cụ thể, những biện pháp giáo dục chính sẽ vận dụng và chỉ tiêu cần đạt trong từng giai đoạn (*theo mẫu*).

c. Những trọng tâm thực tập chủ nhiệm:

+ Tìm hiểu tình hình lớp, xây dựng đội ngũ cán bộ lớp; tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện cho học sinh/trẻ; giáo dục học sinh/trẻ cá biệt, thăm một số gia đình học sinh/trẻ; phối hợp với hội phụ huynh học sinh và các đoàn thể trong trường để giáo dục học sinh/trẻ. Phân tích các sự kiện từ thực tế giáo dục để rút kinh nghiệm.

+ Thực hiện các chức năng, nghiệp vụ của người GVCN: Nắm vững các quy chế, quy định về nghiệp vụ sư phạm của người giáo viên; chức năng của GV bộ môn, GV chủ nhiệm lớp; cách cho điểm, xếp loại học lực của học sinh; cách nhận xét, xếp loại hạnh kiểm, ghi sổ điểm, học bạ....

d. Kết hợp với lãnh đạo các đoàn thể của trường TT để tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, ...; việc tổ chức các hoạt động này cũng cần xác định nội dung, xây dựng kế hoạch, biện pháp và phân công tổ chức thực hiện, hướng dẫn, rút kinh nghiệm, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá chất lượng, hiệu quả....

Đối với sinh viên ngành GD Mầm non:

+ Vận dụng kiến thức đã học tham gia các hoạt động tổ chức quản lý trẻ trong các thời điểm trong ngày (từ lúc đón trẻ đến lúc trả trẻ).

+ Tham gia các hoạt động của trường Mầm non diễn ra trong đợt thực tập.

4.4. Dự các tiết thực tập của giáo viên và SV cùng ngành học

a. SV phải dự đủ số tiết thực tập đủ số tiết theo quy định sau:

- *Tại trường Mầm non:* từ 8 - 10 tiết gồm hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.

Trong đó: Dự giờ dạy mẫu của giáo viên: 1-2 tiết; Số còn lại dự giờ của SV cùng ngành.

b. SV phải nghiên cứu và làm đề cương bài dạy trước khi dự giờ, ghi nhận xét dự giờ vào sổ TTSP. Đây là cơ sở để GVHD đánh giá về năng lực giảng dạy của mỗi SV.

c. Sau khi dự giờ, cùng dự họp với GVHD để rút kinh nghiệm.

5. Phương pháp

Tìm hiểu, quan sát, theo dõi, thảo luận, thực hành cá nhân, thực hành theo nhóm tại trường đến thực tập.

6. Phương pháp đánh giá môn học

6.1. Điểm thành phần của nội dung thực tập sư phạm

a. Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường thực tập (THTTGD): Đánh giá việc THTTGD của SV qua bài thu hoạch về nội dung này (*theo mẫu*), theo thang điểm 10.

b. Điểm thực tập giảng dạy

- Đánh giá toàn bộ công tác TTGD, gồm các tiết lên lớp, dự giờ của SV cùng ngành, các hoạt động giảng dạy khác và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định (*theo mẫu*), theo thang điểm 10.

- Trong đánh giá lưu ý đến phần kiến thức cơ bản và đổi mới phương pháp dạy học bộ môn, sử dụng thiết bị - đồ dùng dạy học. Nếu sai kiến thức cơ bản hoặc chỉ dùng phương pháp thuyết trình và đọc chép thì giờ giảng đó chỉ ở mức tối đa là trung bình.

- Công thức tính điểm:

Điểm TTGD = Trung bình cộng các tiết lên lớp có đánh giá.

c. Điểm thực tập chủ nhiệm

Đánh giá từng tuần thực tập, theo thang điểm 10. Đánh giá theo nhóm và khả năng từng SV để tính điểm cho mỗi SV. Được thực hiện hằng tuần, và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định (*theo mẫu*) để đánh giá, gồm 3 phần:

- Khả năng làm kế hoạch, tổ chức chỉ đạo.

- Khả năng thực hiện chức năng nghiệp vụ của người giáo viên.

- Hiệu quả của công tác thực tập chủ nhiệm.

Tùy tình hình thực tế, Ban chỉ đạo trường thực tập quy định cách thức và xác định điểm cho mỗi nhóm TTCN trong từng tuần. Để khuyến khích từng SV trong nhóm hoạt động tích cực hơn, điểm của từng SV trong nhóm được xác định trên cơ sở điểm của toàn nhóm đã đạt được và hiệu quả hoạt động của từng SV.

- Công thức tính điểm: **Điểm TTCN = Trung bình cộng điểm các tuần TTSP.**

6.2. Điểm tổng kết nội dung thực tập sư phạm

Điểm tổng kết nội dung thực tập sư phạm, gồm:

- Điểm bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (THTTGD), hệ số 1.

- Điểm thực tập chủ nhiệm (TTCN), hệ số 1

- Điểm thực tập giảng dạy (TTGD), hệ số 2

6.3. Công thức tính điểm nội dung thực tập sư phạm

$$\text{Điểm TTSP} = \frac{\text{THTTGD} + \text{TTCN} + (\text{TTGD} \times 2)}{4} + (\text{hoặc-}) \text{điểm thưởng/phạt}$$

**Điểm thưởng/phạt*: Điểm này được cộng hoặc trừ vào kết quả đã được tính trung bình chung của điểm TTSP, theo 3 mức: 0,1; 0,2; 0,3.

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định tại Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.

- Chấp hành tốt nội qui qui định của Trường đến thực tập.

8. Tài liệu tham khảo

Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.

Học phần 45. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế KLTN

* Khóa luận tốt nghiệp/ Graduation thesis

- Số tín chỉ học tập: 06

- Mã học phần: 145057

- Đơn vị phụ trách: Khoa Giáo dục Mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có điểm TBC tích lũy học 3 năm đầu đạt 2.5 điểm trở lên, số tín chỉ học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã học đến thời điểm xét và không bị hình thức xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm tổng hợp những kiến thức đã học trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non: giáo dục nhận thức, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thể chất, vệ sinh trẻ em, dinh dưỡng trẻ em, tâm lý bệnh học và sự phát triển trẻ MN, GD tích hợp trong GDMN; Quản lý nhà nước trong GDMN; mỹ thuật, âm nhạc... để sinh viên lựa chọn hướng nghiên cứu, nhằm củng cố kiến thức; rèn luyện và phát triển các kỹ năng phục vụ cho quá trình nghiên cứu KH, góp phần thực hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Bổ sung, củng cố cho người học các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên sâu về giáo dục trẻ mầm non, để xác định được các vấn đề nảy sinh trong giáo dục; các vấn đề đặt ra trong thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ để lựa chọn vấn đề nghiên cứu.

CO2: Củng cố và rèn luyện cho người học các kỹ năng lựa chọn vấn đề nghiên cứu, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, xử lý kết quả ... để xác định được nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và đề xuất giải pháp, những biện pháp, giải quyết được các vấn đề chuyên môn nảy sinh trong giáo dục; các vấn đề đặt ra trong thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ.

CO3: Có kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện nhằm phát hiện, giải quyết vấn đề nghiên cứu; kỹ năng hợp tác; kỹ năng giao tiếp và thuyết trình để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực hiện.

CO4: Chủ động, tích cực trong tự nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng kiến thức

liên quan, kiến thức về giáo dục mầm non để phát hiện và cải tiến các hoạt động chuyên môn, các hoạt động thực tiễn và hoàn thiện mục tiêu nghiên cứu.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

CLO1: Phân tích, tổng hợp được các kiến thức đã học, kiến thức chuyên sâu về giáo dục mầm non để xác định được các vấn đề chuyên môn nảy sinh trong giáo dục; các vấn đề đặt ra trong thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ.

CLO2: Vận dụng thành thạo các kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá... để xây dựng lập luận và đề xuất giải pháp, biện pháp giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu.

CLO3: Hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện nhằm phát hiện, giải quyết vấn đề; kỹ năng hợp tác; kỹ năng giao tiếp và thuyết trình để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực hiện.

CLO4: Có ý thức tích cực, chủ động trong việc tự nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng kiến thức liên quan, kiến thức về giáo dục mầm non để cải tiến các hoạt động chuyên môn, các hoạt động thực tiễn và hoàn thiện mục tiêu nghiên cứu.

4. Nội dung học phần

4.1. Dinh dưỡng và phát triển thể chất cho trẻ em:

- Tổ chức chế độ ăn cho trẻ ở trường mầm non;
- Xây dựng thực đơn; khẩu phần ăn cho trẻ ở trường mầm non.
- Giáo dục dinh dưỡng và phòng chống béo phì ở trẻ, an toàn thực phẩm;
- Phát triển các kỹ năng vận động cho trẻ ở trường mầm non
- Tổ chức các hoạt động phát triển thể chất cho trẻ; giáo dục thể chất cho trẻ.

4.2. Các vấn đề về vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non

- Giáo dục thói quen vệ sinh cá nhân cho trẻ.
- Giáo dục thói quen vệ sinh môi trường cho trẻ mầm non.
- Tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi... cho trẻ theo hướng tích hợp chủ đề, trải nghiệm thực tiễn;

- Tổ chức hoạt động theo mô hình giáo dục STEM/STEAM;
- Xây dựng môi trường học tập, môi trường vui chơi phù hợp cho trẻ trải nghiệm.

4.3. Nghiên cứu về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường MN

- Nghiên cứu những vấn đề lí luận chung về trẻ khuyết tật học hoà nhập ở trường mầm non.

- Thực trạng giáo dục các nhóm trẻ (Khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ, khuyết tật vận động, KT ngôn ngữ, Tự kỷ) học hoà nhập ở trường mầm non.

- Đề xuất những cách thức hỗ trợ trẻ khuyết tật thông qua các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

- Phát triển các kỹ năng (Nhận thức, giao tiếp, ngôn ngữ, vận động...) cho trẻ khuyết tật.

- Xây dựng môi trường giáo dục hoà nhập phù hợp với đặc điểm, nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật.

4.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non

- Nghiên cứu những vấn đề lí luận về UDCNTT trong giáo dục mầm non.

- Thực trạng ứng dụng CNTT trong tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
- Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ thông qua ứng dụng CNTT.
- Phát triển năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên MN đáp ứng đổi mới giáo dục.
- Ứng dụng một số phần mềm để xây dựng các tư liệu giáo dục hỗ trợ cho các hoạt động ở trường mầm non.

4.5. Nghiên cứu tổ chức các hoạt động hướng dẫn trẻ khám phá MTXQ

- Nghiên cứu tổng quan vấn đề khám phá khoa học về MTXQ của trẻ mầm non.
- Thực trạng tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ ở trường mầm non.
- Xây dựng các biện pháp tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ.
- Phát triển những phẩm chất và năng lực của trẻ trong các hoạt động khám phá MTXQ.
- Nâng cao năng lực tổ chức hoạt động khám phá MTXQ của GV MN hiện nay

4.6. Đánh giá trong GDMN

- Đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non
- Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non
- Đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua các lĩnh vực giáo dục ở từng giai đoạn lứa tuổi

4.7. Tâm bệnh học và sự phát triển trẻ Mầm non

- Các rối loạn của trẻ Mầm non
- Phương pháp phòng ngừa và chữa trị rối loạn tâm lí cho trẻ em lứa tuổi mầm non

4.8. GD tích hợp trong GDMN

- Tổ chức một số hoạt động giáo dục steam cho trẻ ở trường mầm non
- Phát triển một số kỹ năng cho trẻ thông qua giáo dục steam ở trường mầm non
- Hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non
- Giáo dục trẻ mầm non dựa trên bối cảnh địa phương
- Phát triển tình cảm- kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non
- Quản lý các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ ở trường mầm non
- Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp cho trẻ ở trường mầm non

4.9. Mỹ thuật

- Xây dựng môi trường hoạt động tạo hình cho trẻ MN theo chủ đề.
- Hướng dẫn làm đồ dùng dạy học và đồ chơi theo chủ đề trong quá trình hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường Mầm non.
- Thiết kế và hướng dẫn lựa chọn đồ dùng dạy học và đồ chơi theo chủ đề trong quá trình hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường Mầm non.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình theo chủ đề cho trẻ ở trường Mầm non.
- Một số biện pháp nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động tạo hình theo chủ đề cho trẻ ở trường Mầm non.

- Thực trạng sử dụng các loại nguyên vật liệu làm đồ dùng dạy học và đồ chơi theo chủ đề cho trẻ ở trường Mầm non.

- Một số biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường Mầm non.

4.10. Tiếng Việt, văn học, phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học và phương pháp phát triển ngôn ngữ

- Các vấn đề về tiếng Việt và tiếng Việt trong trường mầm non

- Các vấn đề về văn học dành cho trẻ mầm non

- Các vấn đề về hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non

- Các vấn đề về phát triển ngôn ngữ và tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường Mầm non.

5. Phương pháp giảng dạy:

Sử dụng các phương pháp: Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu sản phẩm hoạt động giáo dục, thực nghiệm sư phạm, xử lý số liệu...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
Báo cáo khóa luận tốt nghiệp	Rubric	CLO1-7	100%
Thang điểm			10

7. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên xác định nội dung của một lĩnh vực trong giáo dục mầm non để lựa chọn vấn đề nghiên cứu.

- Sinh viên nghiêm túc thực hiện nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên về hướng nghiên cứu, cách xử lý các vấn đề nghiên cứu.

- Sinh viên thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu của GV, đúng thời gian theo qui định.

- Thành thạo các kỹ năng khai thác tài liệu, sử dụng công nghệ thông tin và các kỹ năng khác.

8. Tài liệu học tập

Căn cứ vào đề tài, sinh viên lựa chọn tài liệu tham khảo cho phù hợp với đề tài.

*** Học phần thay thế KLTN**

Chọn 2 trong 4 học phần sau:

a. Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non/Forming the pre-reading and pre-writing skill for pre-school children

- Số tín chỉ học tập: 03 (27,33,3)

- Mã học phần: 145021

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Ngôn ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những nội dung: Những vấn đề lý luận về việc hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non: khái niệm kỹ năng tiền đọc viết, vấn đề phát triển lời nói miệng cho trẻ và vấn đề hình thành phát triển kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ theo hướng tích hợp; Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ: những biểu hiện của khả năng tiền đọc viết của trẻ, các biện pháp phát triển kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ tuổi nhà trẻ và tuổi mẫu giáo; Vấn đề xây dựng môi trường hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ và sử dụng tác phẩm văn học cho trẻ mẫu giáo làm quen với việc đọc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho người học những kiến thức lí luận chung về hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ; những kiến thức cụ thể về biểu hiện của khả năng tiền đọc viết, môi trường và ngữ cảnh của khả năng tiền đọc viết, lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ mẫu giáo làm quen với việc đọc, các biện pháp hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.

- CO2: Người học có kỹ năng xây dựng môi trường hình thành kỹ năng tiền đọc viết; vận dụng các biện pháp nhằm hình thành kỹ năng tiền đọc viết vào các hoạt động ở trường mầm non.

- CO3: Người học chủ động, tích cực trong việc tìm hiểu kiến thức về hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ theo hướng tích hợp; tìm hiểu các hoạt động hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ ở trường mầm non; tích cực, sáng tạo, vận dụng có hiệu quả các biện pháp hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được các vấn đề lý thuyết về khả năng tiền đọc viết ở trẻ mầm non và việc hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp; các yếu tố tác động đến khả năng tiền đọc viết ở trẻ; các biện pháp nhằm hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non ở từng độ tuổi.

- CLO2: Có kỹ năng vận dụng các biện pháp cụ thể, phù hợp để thiết kế và tổ chức các hoạt động hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp; kỹ năng lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ mẫu giáo làm quen với việc đọc

- CLO3: Xây dựng được môi trường phù hợp nhằm hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non; linh hoạt giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình dạy trẻ.

- CLO4: Tích cực, chủ động nghiên cứu những vấn đề liên quan đến việc hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non; có ý thức xây dựng môi trường nhằm hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ; có tư duy sáng tạo, tinh thần làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác nhóm trong công việc; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lí thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1: Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non- Những vấn đề lí luận</p> <p>1. Khái niệm kỹ năng (KN) tiền đọc- viết</p> <p>2. Vai trò của kỹ năng đọc, viết trong nhà trường và ngoài cuộc sống</p> <p>3. Vấn đề phát triển kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non hiện nay ở Việt Nam</p> <p>4. Phát triển lời nói miệng – nền tảng quan trọng để hình thành và phát triển KN tiền đọc, viết cho trẻ mầm non</p> <p>5. Hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp</p>	6	6				27
<p>Chương 2: Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ nhà trẻ</p> <p>1. Những dấu hiệu về kỹ năng tiền đọc, viết của trẻ tuổi nhà trẻ</p> <p>2. Vai trò của gia đình đối với việc hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc, viết của trẻ</p> <p>3. Các biện pháp hình thành và phát triển kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ tuổi nhà trẻ</p>	5	4	3			25.5
<p>Chương 3: Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mẫu giáo</p> <p>1. Những biểu hiện về khả năng tiền đọc, viết của trẻ tuổi mẫu giáo</p>	7	4	1	1		34.5

2. Ngữ cảnh phát triển khả năng tiên đọc, viết của trẻ mẫu giáo 3. Các biện pháp phát triển kỹ năng tiên đọc, viết cho trẻ mẫu giáo						
Chương 4: Xây dựng môi trường hình thành và phát triển kỹ năng tiên đọc viết cho trẻ mầm non 1. Khái niệm môi trường chữ viết ở trường mầm non 2. Vai trò của môi trường chữ viết ở trường MN 3. Xây dựng môi trường học tập giúp trẻ hình thành và phát triển kỹ năng tiên đọc viết 3.1. Xây dựng môi trường vật chất 3.2. Xây dựng môi trường tâm lý	4	3	2	1		21
Chương 5: Lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ mẫu giáo làm quen với việc đọc 1. Ý nghĩa của việc sử dụng tác phẩm văn học giúp trẻ mẫu giáo làm quen với việc đọc 2. Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học dành cho trẻ 3. Biện pháp sử dụng tác phẩm văn học giúp trẻ làm quen với việc đọc	5	3	4	1 (Dự giờ Văn học ở trường MNTH)		27

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành, hoạt động nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-5	30%
2	Viết cá nhân	Rubric 3	CLO1,2	
3	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO3,4	
4	Vấn đáp	Rubric 4	CLO4	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 5	CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Viết	Rubric 5	CLO1- 5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: *Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.*

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu bắt buộc và TLTK
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải đọc, nghiên cứu tài liệu theo các mục tiêu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần trước khi lên lớp; tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên.
- Điểm quá trình: *Phải có tối thiểu 4 bài kiểm tra thường xuyên và 1 bài kiểm tra giữa kỳ.*
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

- Đinh Hồng Thái (2014), *Giáo trình phát triển khả năng tiền đọc viết tuổi mầm non*, NXB GD Việt Nam.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

- Đinh Hồng Thái (2015), *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, NXB ĐHSP.

- Nguyễn Thị Hòa (2018), *Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, NXB ĐHSP.

b. Văn học dân gian với giáo dục trẻ mầm non/ Folklore with early childhood education

- Số tín chỉ học tập: 03 (27,36,0)
- Mã học phần: 145026
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Ngôn ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm các nội dung: Khái quát chung về Văn học dân gian (VHDG); các thể loại cơ bản của văn học dân gian phù hợp với trẻ mầm non: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, ca dao, câu đố, về dân gian; sự phù hợp của các thể loại VHGD với giáo dục trẻ mầm non. Học phần phát triển và rèn luyện các kỹ năng: nhận diện, phân tích, đánh giá các tác phẩm VHGD, lựa chọn và sử dụng các tác phẩm văn học dân gian vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho người học những kiến thức khái quát về VHDG; những kiến

thức cụ thể về các thể loại VHDG; vai trò của VHDG đối với giáo dục trẻ mầm non.

- CO2: Người học có kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học dân gian phù hợp với trẻ mầm non; phân tích được vai trò của VHDG đối với giáo dục trẻ.

- CO3: Người học chủ động, tích cực trong việc vận dụng có hiệu quả các kiến thức về VHDG với việc giáo dục trẻ mầm non; có ý thức sưu tầm, lựa chọn các tác phẩm VHDG phù hợp với các độ tuổi mầm non.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, phân tích được những kiến thức khái quát về VHDG: khái niệm, đặc trưng, phân loại, các giai đoạn hình thành phát triển của văn học dân gian Việt Nam, vai trò của VHDG với giáo dục trẻ.

- CLO2: Trình bày, phân tích được đặc trưng của các thể loại VHDG phù hợp với trẻ mầm non: Thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, ca dao, câu đố, về dân gian.

- CLO3: Có kỹ năng phân tích, cảm thụ tác phẩm VHDG

- CLO4: Có kỹ năng lựa chọn và sử dụng các tác phẩm VHDG để tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non phù hợp theo độ tuổi.

- CLO5: Có tư duy sáng tạo, tinh thần làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác nhóm trong công việc; có tinh thần tự chủ, tự giác tiếp nhận và khái quát được những vấn đề về VHDG với giáo dục trẻ mầm non; xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động giúp trẻ làm quen với VHDG; linh hoạt giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình dạy trẻ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lí thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát chung về Văn học dân gian 1. Khái niệm Văn học dân gian 2. Đặc trưng cơ bản của Văn học dân gian 3. Phân loại các thể loại VHDG 4. Tiến trình phát triển Văn học dân gian 5. Vai trò của Văn học dân gian với giáo dục trẻ mầm non	4	3	1			18
Chương 2: Thần thoại với giáo dục trẻ mầm non 1. Khái niệm, phân loại 2. Nội dung 2.3. Thể hiện khát vọng,	3	3	2			17

mơ ước của người xưa 3. Thi pháp 4. Vai trò của Thần thoại với giáo dục trẻ mầm non						
Chương 3: Truyền thuyết với giáo dục trẻ mầm non 1. Khái niệm, phân loại 2. Nội dung 3. Thi pháp 4. Vai trò của Truyền thuyết với giáo dục trẻ mầm non	4	3	2			19
Chương 4: Truyện cổ tích với giáo dục trẻ mầm non 1. Khái niệm, phân loại 2. Nội dung 3. Thi pháp 4. Vai trò của cổ tích với giáo dục trẻ mầm non	3	3	Kiểm tra giữa kỳ			14
Chương 5: Truyện ngụ ngôn với giáo dục trẻ mầm non 1. Khái niệm 2. Nội dung 3. Thi pháp 4. Vai trò của truyện ngụ ngôn với giáo dục trẻ mầm non	3	3	2			16
Chương 6: Ca dao với giáo dục trẻ mầm non 1. Khái niệm, phân loại 2. Một số tiểu loại phù hợp với trẻ mầm non 3. Vai trò của ca dao, đồng dao, hát ru với giáo dục trẻ mầm non	4	3	2			19
Chương 7: Câu đố với giáo dục trẻ mầm non 1. Khái niệm, phân loại 2. Nội dung 3. Một số đặc điểm nghệ thuật 4. Vai trò của câu đố với giáo dục trẻ mầm non	3	3	2			17
Chương 8: Về dân gian với giáo dục trẻ mầm non	3	3	1			15

1. Khái niệm, phân loại						
2. Nội dung						
3. Một số đặc điểm nghệ thuật						
4. Vai trò của về dân gian với giáo dục trẻ mầm non						

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, bài tập, hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	LO1,2,3,4,5	30%
2	Viết cá nhân	Rubric 4	CLO2,3,4	
3	Thảo luận nhóm	Rubric 2	LO1,2,3,4,5	
4	Bài tập cá nhân	Rubric 3	LO1,2,3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 4	CLO2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 5	LO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: *Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.*

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu bắt buộc và TLTK

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải đọc, nghiên cứu tài liệu theo các mục tiêu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần trước khi lên lớp; tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên.

- Điểm quá trình: *Phải có tối thiểu 4 bài kiểm tra thường xuyên và 1 bài kiểm tra giữa kì.*

- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Tài liệu tham khảo

* Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Thị Bích Hà (2015), *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm.

* Tài liệu tham khảo

2. Đinh Gia Khánh (2010), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục

3. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), Chương trình giáo dục mầm non (*Ban hành kèm theo Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non, Số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021*).

c. Giáo dục STEAM trong trường mầm non/STEAM education in preschool

- Số tín chỉ: 03TC (27LT; 36TL)
- Mã học phần: 144028
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Nhận thức - Dinh dưỡng & Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học Mầm non

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản như khái niệm, phân loại, các cấp độ và đặc trưng của giáo dục STEAM; lợi ích của giáo dục STEAM cho trẻ Mầm non, khả năng tích hợp STEAM trong chương trình giáo dục Mầm non; môi trường, hình thức, chiến lược thúc đẩy và đánh giá trong giáo dục STEAM; nguyên tắc, quy trình xây dựng và triển khai giáo dục STEAM trong giáo dục Mầm non.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Trang bị cho người học các khái niệm công cụ, phân loại, các cấp độ và đặc trưng của giáo dục STEAM; lợi ích của giáo dục steam cho trẻ Mầm non; khả năng tích hợp steam trong chương trình GDMN; môi trường, hình thức, chiến lược thúc đẩy và đánh giá trong giáo dục STEAM; nguyên tắc, quy trình triển khai steam trong GDMN

- CO2: Cung cấp các kiến thức về steam được vận dụng trong chương trình giáo dục mầm non hiện hành.

- CO3: Sinh viên có kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế môi trường và thực hành tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ Mầm non

- CO4: Có ý thức và thái độ tích cực trong việc rèn luyện để trở thành giáo viên Mầm non; thái độ nghiêm túc trong học tập và rèn nghề; tích cực trong thảo luận, tranh luận các vấn đề chuyên môn trên lớp học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các khái niệm công cụ, phân loại, các cấp độ và đặc trưng của giáo dục STEAM; lợi ích của giáo dục STEAM cho trẻ mầm non, khả năng tích hợp STEAM trong chương trình giáo dục mầm non; môi trường, hình thức, chiến lược thúc đẩy và đánh giá trong giáo dục STEAM; nguyên tắc, quy trình xây dựng và triển khai giáo dục STEAM trong giáo dục mầm non.

- CLO2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về Steam để lập kế hoạch giáo dục STEAM cho trẻ mầm non theo chủ đề, hoạt động.

- CLO3: Thực hành tổ chức được hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ mầm non

- CLO4: Áp dụng có hiệu quả các chiến lược đánh giá hiệu quả giáo dục STEAM ở trường mầm non

- CLO5: Chấp hành các yêu cầu tự học; hợp tác, tham gia tranh luận giải quyết vấn đề trong học tập và thực tiễn

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	TL	BT			
<p>Chương 1. Những vấn đề chung về STEAM và giáo dục STEAM</p> <p>1.1. Khái niệm giáo dục STEAM</p> <p>1.1.1. STEM và STEAM</p> <p>1.1.2. Giáo dục STEAM</p> <p>1.2. Các lĩnh vực của STEAM</p> <p>1.2.1. Khoa học</p> <p>1.2.2. Công nghệ</p> <p>1.2.3. Kỹ thuật</p> <p>1.2.4. Nghệ thuật</p> <p>1.2.5. Toán</p> <p>1.3. Phân loại và các cấp độ giáo dục STEAM</p> <p>1.3.1. Phân loại giáo dục STEAM</p> <p>1.3.2. Các cấp độ giáo dục STEAM</p> <p>1.4. Đặc trưng của giáo dục STEAM</p>	8	7	1			36
<p>Chương 2. STEAM trong giáo dục mầm non</p> <p>2.1. Lợi ích của giáo dục STEAM cho trẻ mầm non</p> <p>2.2. Khả năng và các mức độ tích hợp STEAM vào chương trình giáo dục mầm non</p> <p>2.2.1. Khả năng tích hợp STEAM vào chương trình giáo dục mầm non</p> <p>2.2.2. Các mức độ tích hợp STEAM vào chương trình giáo dục mầm non</p> <p>2.3. Môi trường và các hình thức hoạt động STEAM ở trường mầm non</p> <p>2.3.1. Môi trường giáo dục STEAM</p> <p>2.3.2. Các hình thức hoạt động STEAM ở trường mầm non</p> <p>2.4. Một số quy trình tổ chức và chiến lược thực</p>	10	8	4			48

đẩy hoạt động STEAM 2.4.1. Một số quy trình tổ chức hoạt động STEAM 2.4.2. Chiến lược thúc đẩy trẻ hoạt động STEAM						
Chương 3. Lập kế hoạch và triển khai giáo dục STEAM trong giáo dục mầm non 3.1. Lập kế hoạch giáo dục STEAM 3.1.1. Lập kế hoạch lồng ghép STEAM theo chủ đề 3.1.2. Thiết kế hoạt động thực hành STEAM 3.2. Triển khai giáo dục STEAM ở trường mầm non 3.2.1. Xây dựng môi trường giáo dục STEAM 3.2.2. Tổ chức hoạt động giáo dục STEAM 3.2.3. Đánh giá hiệu quả giáo dục STEAM	9	6	10			51

5. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Thực hành

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 01	CLO5	30%
2	Thảo luận	Rubric 02	CLO1,2,3,4	
3	Viết tự luận	Rubric 03	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận	Rubric 04	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Viết tự luận	Rubric 05	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên chuyên cần tích cực trong học tập sẽ có điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên.

- Sinh viên cần phải thực hiện đầy đủ, chất lượng các nhiệm vụ tự học, các câu hỏi, bài tập thảo luận, bài tập thu hoạch tìm hiểu thực tế môn học trong chương trình của học phần.

- Sinh viên phải tham 80% số tiết của học phần, nếu không không tham dự đủ 80% số tiết lên lớp theo quy định sẽ không được thi học kỳ.

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Thành Hải (2018). *Giáo dục STEM/STEAM – từ trải nghiệm thực hành đến tư duy sáng tạo*. NXB Trẻ.

Tài liệu tham khảo

2. Phạm Thị Cúc Hà, Vũ Huyền Trinh, 2021, *Hướng dẫn hoạt động Steam cho trẻ 5-6 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. Chu Thị Hồng Nhung – Đinh Bích Hà – Trương Thị Vượng – Nguyễn Thị Thanh Dung – Nguyễn Thị Bích Lê – Nguyễn Minh Thương – Đào Thị Hồng Thơm, 2022, *Hướng dẫn thiết kế bài giảng stem/steam cho lớp mẫu giáo 5-6 tuổi*. NXB Giáo dục Việt Nam.

d. Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm ở trường mầm non/

Organizing educational activities in the orientation of experience at preschools

- Số tín chỉ: 3TC (LT: 27, TL: 27, TH: 9)

- Mã học phần: 144030

- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục Nhận thức – Dinh dưỡng & Thể chất

- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ KP MTXQ

1. Mô tả học phần

Học phần Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non gồm các nội dung: Lý luận về giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ; Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ; Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non nhằm hình thành cho sinh viên có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ theo từng độ tuổi, đáp ứng chuẩn đầu ra, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và xu thế xã hội.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Trang bị cho người học những cơ sở lý luận về hoạt động trải nghiệm cho trẻ: Khái niệm, quy trình, phương pháp, căn cứ, nguyên tắc, cấu trúc, mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

CO2: Có kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ các lứa tuổi ở trường mầm non.

CO3: Chủ động cập nhật kiến thức mới, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, tự tin tham gia thảo luận nhóm, tham gia đề xuất ý tưởng, chia sẻ kiến thức. Say mê tìm hiểu, nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Phân tích và lý giải được các cơ sở lý luận về hoạt động trải nghiệm cho trẻ, Khái niệm, quy trình, phương pháp, căn cứ, nguyên tắc, cấu trúc, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

CLO2: Người học vận dụng sáng tạo các căn cứ, nguyên tắc, cấu trúc và mô

hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ vào xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ các lứa tuổi ở trường mầm non.

CLO3: Người học chủ động cập nhật những thành tựu giáo dục hiện đại vận dụng vào thực tiễn tổ chức hoạt động cho trẻ; tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, tự tin tham gia thảo luận nhóm, tham gia đề xuất ý tưởng, chia sẻ kiến thức. Say mê tìm hiểu, nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập			
<p>Chương 1: Lý luận về hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>1. Khái niệm “hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non”</p> <p>2. Vai trò của hoạt động trải nghiệm đối với giáo dục trẻ mầm non</p> <p>3. Quy trình hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quy trình hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non.</p> <p>5. Phương pháp và kỹ thuật tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>6. Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p>	9	6			36
<p>Chương 2: Mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>1. Khái niệm “Mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non”</p> <p>2. Các căn cứ và nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>2.1. Các căn cứ xây dựng mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>2.2. Nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non phát huy tính tích cực nhận</p>	9	18			54

<p>thức của trẻ mầm non</p> <p>3. Cấu trúc và nội dung mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>3.1. Chương trình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>3.2. Xây dựng môi trường hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>3.3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>3.4. Đánh giá hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non</p> <p>4. Hướng dẫn sử dụng mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>4.1. Sử dụng mô hình trải nghiệm trong các hoạt động giáo dục trẻ mầm non</p> <p>4.2. Sử dụng mô hình trải nghiệm cho trẻ các lứa tuổi</p> <p>4.3. Sử dụng mô hình trải nghiệm trong các loại hình trường mầm non.</p>					
<p>Chương 3. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>1. Tổ chức cho trẻ trải nghiệm thông qua hoạt động học</p> <p>2. Tổ chức cho trẻ trải nghiệm thông qua hoạt động chơi</p> <p>3. Tổ chức cho trẻ trải nghiệm thông qua hoạt động tham quan</p> <p>4. Tổ chức cho trẻ trải nghiệm thông qua hoạt động lao động</p> <p>5. Tổ chức cho trẻ trải nghiệm thông qua hoạt động lễ hội</p> <p>6. Tổ chức cho trẻ trải nghiệm thông qua hoạt động giao lưu</p>	9	3	9		45

5. Phương pháp dạy – học:

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Viết tự luận	Rubric 3	CLO1,2	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1,2,3	
3	Chuyên cần	Rubric 1	CLO3	
4	Bài tập cá nhân	Rubric 3	CLO1,2	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết tự luận	Rubric 4	CLO 1,2,3	20%
Thi cuối kì – Bài tập lớn/Tiểu luận				
1	Viết tự luận	Rubric 5	CLO 1,2,3	50%
2	Bài tập lớn/ Tiểu luận (Thay thế bài thi cuối kỳ)	Rubric 6	CLO 1,2,3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Hoàng Thị Phương, Lã Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Mỹ Dung, Vũ Thanh Vân, 2018, *Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Hòa, 2019, *Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Quyết định số 1982/QĐ – TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT –BGDDT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ GD qui định chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GD Đại học.

- Quyết định số 847/QĐ - ĐHHĐ của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại trường Đại học Hồng Đức.

- Kết quả đánh giá chất lượng chương trình Đại học GD Mầm non năm 2021 (*Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo*) của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài trung tâm kiểm định chất lượng – Đại học quốc gia Hà Nội.

- Chương trình đào tạo GVMN trình độ đại học của 1 số trường Đại học trong và ngoài nước.

- Các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước về triết lí và các tiếp cận trong đào

tạo GVMN, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo GVMN hiệu quả nhất.

- Chương trình có sự tham gia đóng góp ý kiến của cán bộ quản lý Phòng Giáo dục cấp huyện và các trường Mầm non, các giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động....

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trường các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường qua đơn vị quản lý đào tạo. Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
PGS.TS Đậu Bá Thìn